THÔNG TIN NGHIÊN CỨU
BẢO TỒN DI SẢN

Trung tâm QLBT Di sản Văn hóa Hội An
Chi hội Khoa học Lịch sử Hội An
Chi hội Văn nghệ Dân gian Quảng Nam

Chỉ đạo nội dung
Phạm Phú Ngọc
Giám đốc Trung tâm Quản lý Bảo tồn Di sản Văn hóa Hội An

Chịu trách nhiệm biên soạn
Quảng Văn Quý
Phó Giám đốc Trung tâm Quản lý Bảo tồn Di sản Văn hóa Hội An

Ban Biên soạn
Quảng Văn Quý
Tống Quốc Hưng
Nguyễn Chí Trung
Trần Văn An
Phùng Tấn Đông
Võ Hồng Việt
Phạm Phước Tịnh

Trình bày
Võ Hồng Việt
Nguyễn Văn Thịnh

Thiết kế bìa
Trần Quang Ngọc

Tập 04 (64) - 2023

❀ Trao đổi chuyên môn nghiệp vụ

- Di sản tư liệu Việt Nam trên hành trình hoàn thiện hành lang pháp lý quản lý, bảo vệ và phát huy giá trị - TS. Phạm Thị Khánh Ngân 2
- Di sản tư liệu ở Hội An - Một số vấn đề bảo tồn và phát huy - ThS. Quảng Văn Quý 8
- 40 năm hoạt động nghiên cứu khoa học ở Hội An vì sự nghiệp quản lý, bảo tồn di sản văn hóa - ThS. Nguyễn Chí Trung 14
- Quy định về sở hữu di tích, quyền và nghĩa vụ của chủ sở hữu di tích - Một số vấn đề thực tiễn gắn với quá trình quản lý, bảo tồn và phát huy giá trị vùng lõi di sản văn hóa thế giới Đô thị cổ Hội An - ThS. Phạm Phú Ngọc 23
- Bảo tồn Khu phố cổ Hội An và vấn đề xã hội hóa - NNC. Nguyễn Đức Minh 27
- Phát huy giá trị làng gốm Thanh Hà gắn với phát triển du lịch - ThS. Phạm Phú Ngọc, KTS. Trần Thanh Hoàng Phúc 33
- Công tác sưu tầm, nghiên cứu và phát huy giá trị ngữ văn dân gian ở Hội An - ThS. Thái Thị Liễu Chi 38
- Xây dựng và ban hành các hướng dẫn cho cộng đồng trong bảo vệ và phát huy giá trị di tích - Trường hợp Hội An - CN. Võ Hồng Việt 43
- Trung tâm Quản lý Bảo tồn Di sản Văn hóa Hội An với công tác quản lý, bảo tồn, phát huy giá trị di sản văn hóa Hội An theo Luật Di sản Văn hóa - CN. Trần Phương 50
- Một số thông tin về chính sách "Thọ quan", và "Thọ dân" của nhà Nguyễn - ThS. Phạm Phước Tịnh 55
- Giá trị văn bản sắc phong liên quan đến các nghề thủ công truyền thống ở Hội An - CN. Lê Thị Lưu 59
- Tín ngưỡng Thiên Y A Na trong văn hóa dân gian người Việt ở Hội An - CN. Nguyễn Văn Thịnh 64
- Tri thức dân gian của cộng đồng cư dân Cẩm Thanh trong hoạt động khai thác, sơ chế nguyên liệu để làm nhà truyền thống - CN. Lê Thị Ngọc Hương 67
- Trường xưa nơi phố Hội - CN. Khiếu Thị Hoài 72

❀ Thông tin tư liệu

- Thông tin về chính sách cứu nạn, cứu hộ của các vua triều Nguyễn đối với thương thuyền nước ngoài - Phòng Tư liệu và Thông tin Di sản 77

❀ Tin tức - Sự kiện

❀ Văn bản pháp quy

❀ Di sản đó đây

DI SẢN TƯ LIỆU VIỆT NAM TRÊN HÀNH TRÌNH HOÀN THIỆN HÀNH LANG PHÁP LÝ QUẢN LÝ, BẢO VỆ VÀ PHÁT HUY GIÁ TRỊ

TS. Phạm Thị Khánh Ngân

Trong lĩnh vực văn hóa, Việt Nam đã tham gia *Công ước của UNESCO về bảo vệ di sản văn hóa và thiên nhiên thế giới* (*1972*)*, Công ước của UNESCO về bảo vệ di sản văn hóa phi vật thể (2003), Công ước của UNESCO về bảo vệ và phát huy sự đa dạng của các biểu đạt văn hóa* (*2005*) và Chương trình Ký ức thế giới. Di sản tư liệu là một loại hình di sản văn hóa, được UNESCO đề cập và quan tâm thông qua Chương trình Ký ức thế giới (*1997*), khi đã triển khai Công ước về bảo vệ và phát huy giá trị di sản văn hóa và thiên nhiên thế giới (*Công ước 1972*) và trong quá trình xây dựng Công ước bảo vệ và phát huy giá trị di sản văn hóa phi vật thể (*Công ước 2003*). Từ đó đến nay, di sản tư liệu đã được nhiều quốc gia trên thế giới nghiên cứu, nhận diện giá trị, ghi danh nhằm bảo vệ và phát huy hiệu quả giá trị của di sản này trong cộng đồng và xã hội. Cùng với việc phổ biến, hướng dẫn thực hiện các Công ước, Việt Nam đã từng bước thực hiện các cam kết đưa quan điểm của Công ước vào hệ thống văn bản quy phạm pháp luật quản lý di sản văn hóa. Hiện tại, Việt Nam đã có 08 di sản văn hóa và thiên nhiên; 15 di sản văn hóa phi vật thể (*bao gồm 13 di sản văn hóa phi vật thể trong Danh sách Di sản văn hóa phi vật thể đại diện của nhân loại, 02 di sản văn hóa phi vật thể trong Danh sách Di sản văn hóa phi vật thể cần bảo vệ khẩn cấp*) và 09 di sản tư liệu (*gồm 03 di sản tư liệu thế giới và 06 di sản tư liệu khu vực châu Á - Thái Bình Dương*).

Bên cạnh việc đã tham gia với tư cách là thành viên thực hiện các Công ước quốc tế liên quan tới di sản văn hóa, Việt Nam còn đang giữ vai trò là thành viên Ủy ban liên Chính phủ Công ước về bảo vệ di sản văn hóa phi vật thể (*2003*) nhiệm kỳ 2022 - 2026, Phó Chủ tịch Ủy ban Chương trình Ký ức thế giới khu vực châu Á - Thái Bình Dương (*MOWCAP*) của UNESCO (*đang tiếp tục nhiệm kỳ 2*). Đó là cơ hội thuận lợi để Việt Nam tiếp tục đóng góp một cách chủ động, tích cực hơn nữa trong các chương trình, định hướng lớn của UNESCO nói chung, về văn hóa nói riêng và quảng bá rộng rãi hơn nữa những giá trị đặc sắc của văn hóa con người Việt Nam trên trường quốc tế.

1. Các di sản tư liệu Việt Nam được Ủy ban Chương trình Ký ức thế giới của UNESCO ghi danh

1.1. Mộc bản triều Nguyễn

Nơi lưu giữ: Trung tâm Lưu trữ quốc gia IV, thành phố Đà Lạt.

Mộc bản triều Nguyễn là di sản tư liệu thế giới đầu tiên của Việt Nam được Ủy ban Chương trình Ký ức thế giới của UNESCO ghi danh năm 2009.

1.2. Bia Tiến sĩ Văn miếu Thăng Long

Nơi lưu giữ: Trung tâm hoạt động Văn hóa Khoa học Văn miếu Quốc Tử Giám, Thành phố Hà Nội.

Bia Tiến sĩ Văn miếu Thăng Long được Ủy ban Chương trình Ký ức thế giới của UNESCO ghi danh Di sản tư liệu khu vực châu Á - Thái Bình Dương năm 2010 và nâng giá trị thành Di sản tư liệu thế giới vào năm 2011.

1.3. Mộc bản chùa Vĩnh Nghiêm

Nơi lưu giữ: Chùa Vĩnh Nghiêm, tỉnh Bắc Giang.

Mộc bản chùa Vĩnh Nghiêm được Ủy ban Chương trình Ký ức thế giới của UNESCO ghi danh Di sản tư liệu khu vực châu Á - Thái Bình Dương năm 2012.

1.4. Châu bản triều Nguyễn

Nơi lưu giữ*:* Trung tâm Lưu trữ quốc gia I, Thành phố Hà Nội.

Châu bản triều Nguyễn được Ủy ban Chương trình Ký ức thế giới của UNESCO ghi danh Di sản tư liệu khu vực châu Á - Thái Bình Dương năm 2014 và nâng giá trị thành Di sản tư liệu thế giới vào năm 2017.

1.5. Thơ văn trên kiến trúc cung đình Huế

Nơi lưu giữ: Trung tâm Bảo tồn Di tích Cố đô Huế, thành phố Huế.

Thơ văn trên Kiến trúc cung đình Huế được Ủy ban Chương trình Ký ức thế giới của UNESCO ghi danh Di sản tư liệu khu vực Châu Á - Thái Bình Dương năm 2016.

1.6. Mộc bản trường Phúc Giang (*Mộc bản Trường Lưu*)

Nơi lưu giữ: Thư viện dòng họ Nguyễn Huy (*làng Trường Lưu, xã Trường Lộc, huyện Can Lộc*) và Bảo tàng tỉnh Hà Tĩnh.

Mộc bản trường Phúc Giang được Ủy ban Chương trình Ký ức thế giới của UNESCO ghi danh Di sản tư liệu khu vực châu Á - Thái Bình Dương năm 2016.

1.7. Hoàng hoa sứ trình đồ

Nơi lưu giữ: Thư viện dòng họ Nguyễn Huy (*làng Trường Lưu, xã Trường Lộc, huyện Can Lộc*).

Hoàng hoa sứ trình đồ được Ủy ban Chương trình Ký ức thế giới của UNESCO ghi danh Di sản tư liệu khu vực châu Á - Thái Bình Dương năm 2018.

1.8. Bia ma nhai tại Danh thắng Ngũ Hành Sơn

Nơi lưu giữ: Danh thắng Ngũ Hành Sơn *(thành phố Đà Nẵng)*

Bia ma nhai tại Danh thắng Ngũ Hành Sơn được Ủy ban Chương trình Ký ức thế giới của UNESCO ghi danh Di sản tư liệu khu vực châu Á - Thái Bình Dương năm 2022.

1.9. Văn bản Hán Nôm làng Trường Lưu (*1689 - 1943*)

Nơi lưu giữ: làng Trường Lưu, xã Trường Lộc, huyện Can Lộc, tỉnh Hà Tĩnh.

Văn bản Hán Nôm làng Trường Lưu (*1689 - 1943*) được Ủy ban Chương trình Ký ức thế giới của UNESCO ghi

danh Di sản tư liệu khu vực châu Á - Thái Bình Dương năm 2022.

Tổng quan nghiên cứu về di sản tư liệu nói chung và 09 di sản tư liệu được UNESCO ghi danh ở Việt Nam nói riêng, đã thể hiện các vấn đề sau:

- Di sản tư liệu gồm các nội dung giá trị nổi bật trên nhiều phương diện:

+ Tín ngưỡng: Tôn giáo, bản kinh, giáo lý...

+ Tri thức dân gian: Bài thuốc, cách tính lịch âm dương

+ Sự kiện lịch sử: Dấu ấn chiến tranh, sự kiện/giai đoạn lịch sử

+ Chính trị: Văn bản hành chính, sắc lệnh, bộ luật, sắc phong

+ Nghệ thuật: Bản nhạc, bản vẽ kiến trúc

+ Văn học/ khoa học/ triết học/ giáo dục…

- Chất liệu phong phú: Lá, đá, gỗ, giấy, kim loại, các thiết bị điện tử….

- Chủ thể sở hữu các di sản tư liệu rất đa dạng: Cá nhân, dòng họ, cộng đồng, tổ chức, đơn vị sự nghiệp, cơ quan nhà nước.

- Vấn đề bảo vệ và phát huy giá trị di sản tư liệu đối với UNESCO, các nước trong khu vực và trên thế giới được thể hiện khá đa dạng và cụ thể. Ở Việt Nam mới đề cập chủ yếu đối với các tài liệu văn bản, thư tịch, các di sản tư liệu được UNESCO ghi danh, tuy nhiên, tất cả chỉ dừng lại ở một loại tài liệu/di sản cụ thể, trong một không gian hẹp, chưa có sự đối chiếu và đề xuất giải pháp trên tổng thể chung về di sản tư liệu của Việt Nam.

Tóm lại, di sản tư liệu ở Việt Nam có giá trị đặc biệt về nội dung, độc đáo về hình thức, phong phú về chất liệu, đa dạng chủ thể sở hữu, thể hiện bằng nhiều loại hình ngôn ngữ (*chủ yếu được ghi danh là chữ Hán, Nôm*). Hiện nay, chúng ta đang chỉ biết đến di sản tư liệu văn bản, còn mảng phi văn bản như: phim ảnh, bản vẽ, tranh... còn chưa được quan tâm dù giá trị đã được công nhận trên thế giới (*vụ thảm sát của Ponpot - Campuchia, tranh của các danh họa như Picatxo, Leonade Vanci...*) và trong lịch sử dân tộc. Đây cũng là một thách thức không nhỏ cho việc bảo vệ và phát huy giá trị di sản này một cách toàn diện và hiệu quả trong đời sống xã hội.

2. Hành trình bảo vệ và phát huy giá trị di sản tư liệu sau khi được ghi danh ở Việt Nam

Sự xuất hiện của loại hình di sản tư liệu và nhu cầu quản lý ở Việt Nam xuất hiện sau khi chúng ta tham gia vào "*Chương trình Ký ức thế giới*" của UNESCO từ năm 2007. Từ năm 2015, *Hướng dẫn Bảo vệ di sản tư liệu* đã được Ủy ban Chương trình Ký ức thế giới của UNESCO chuyển thành Khuyến nghị và theo định hướng đề xuất lên Công ước hoàn chỉnh trong thời gian tới. Hiện, 09 di sản tư liệu của Việt Nam đã được UNESCO ghi danh, là động lực không nhỏ thúc đẩy việc xác định giá trị, quản lý, bảo tồn và phát huy giá trị của di sản tư liệu ở Việt Nam. Tuy nhiên, di sản tư liệu là loại hình di sản mới ở Việt Nam nên vẫn có nhiều vấn đề còn đang bỏ ngỏ, cụ thể như sau:

- Việc nhận thức về tầm quan trọng của công tác nhận diện và xác định giá trị di sản tư liệu chưa được quan tâm đúng mức dẫn đến công tác bảo vệ di sản tư liệu chưa bài bản, thống nhất.

- Cơ quan có chức năng bảo tồn di sản văn hóa nói chung, trong đó có những nơi lưu giữ di sản tư liệu nói riêng được thành lập, cải tạo, mở rộng thành

một hệ thống cơ quan chuyên môn khá đa dạng về loại hình hoạt động, bao gồm: hệ thống các Lưu trữ lịch sử từ Trung ương đến địa phương; các lưu trữ hiện hành trong các cơ quan, đơn vị; các lưu trữ tư nhân, cá nhân; hệ thống bảo tàng quốc gia và bảo tàng địa phương (*còn có cả các loại hình bảo tàng ngoài công lập*); hệ thống thư viện quốc gia, thư viện địa phương, thư viện trong các cơ quan nghiên cứu, trường học... Sự đa dạng này là nguyên nhân khiến cho việc kiểm kê, nhận diện, phân loại di sản tư liệu trong nước không hề dễ dàng. Vì vậy, việc xây dựng chính sách, bảo đảm Nhà nước quản lý thống nhất về hoạt động bảo vệ và phát huy giá trị di sản tư liệu của Việt Nam là vô cùng cấp thiết.

- Kinh phí dành cho công tác bảo vệ, phát huy giá trị di sản tư liệu, đặc biệt là di sản tư liệu khu vực và thế giới còn hạn chế so với tiềm năng và nhu cầu thực tế của di sản. Việc đào tạo và đào tạo lại, tuyên truyền, giáo dục thông qua nội dung di sản tư liệu còn rời rạc, manh mún, chưa có tiếng nói hòa chung với di sản văn hóa vật thể và di sản văn hóa phi vật thể.

Sự thiếu những quy định pháp luật về di sản tư liệu khiến cho hoạt động bảo vệ và phát huy giá trị loại hình di sản này gặp rất nhiều khó khăn. Hầu hết các hoạt động mới chỉ dừng lại ở mức độ lập hồ sơ đề nghị UNESCO vinh danh, các hoạt động sưu tầm, kiểm kê, nhận diện, bảo quản, phát huy giá trị... chưa có cơ chế, hành lang pháp lý để triển khai đồng bộ, thống nhất trên phạm vi toàn quốc.

Từ năm 1992, UNESCO khởi xướng Chương trình Ký ức thế giới, trong đó, chú trọng việc bảo tồn và phát huy giá trị những di sản tư liệu về các thành tựu của nhân loại, như chính trị, lịch sử, văn hóa..., Việt Nam từ khi chính thức là quốc gia thành viên của Chương trình, đến nay, đã có 09 di sản tư liệu được Chương trình Ký ức thế giới của UNESCO ghi danh, gồm: 03 di sản tư liệu thế giới và 06 di sản tư liệu khu vực châu Á - Thái Bình Dương. Di sản tư liệu được coi là một bộ phận của di sản văn hóa Việt Nam, tuy nhiên, đã 15 năm là quốc gia thành viên mà di sản tư liệu vẫn chưa tạo được hành lang pháp lý cho lĩnh vực này.

Do vậy chính sách quản lý nhà nước về di sản tư liệu được xây dựng là chính sách mới, lần đầu tiên được đưa vào trong Luật Di sản văn hóa, thể hiện được sự thống nhất trong quản lý di sản văn hóa:

Thứ nhất, quy hoạch tổng thể ngắn hạn, dài hạn, các quan điểm và mục tiêu chiến lược cho việc bảo vệ và phát huy giá trị di sản tư liệu còn chưa được đề ra, chưa định hướng được con đường cụ thể và các tiêu chí xác nhận giá trị chặt chẽ cho di sản tư liệu Việt Nam, đặc biệt là các di sản tư liệu khu vực và thế giới. Lĩnh vực quản lý nhà nước về di sản tư liệu ở Việt Nam hiện đang trong quá trình hoàn thiện nhằm giải quyết sự chồng chéo hoạt động, xây dựng quy trình phối hợp chặt chẽ để phân định trách nhiệm giữa các cơ quan như: Hội đồng Di sản văn hóa quốc gia, Ủy ban quốc gia UNESCO Việt Nam, Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch (*Cục Di sản văn hóa*), Bộ Nội vụ (*Cục Văn thư và Lưu trữ nhà nước)*... Vì vậy, việc xây dựng chính sách, bảo đảm Nhà nước quản lý thống nhất về hoạt động bảo vệ và phát huy giá trị di sản tư liệu của Việt Nam.

Thứ hai, chủ sở hữu quản lý khá đa dạng về loại hình hoạt động, bao gồm:

hệ thống lưu trữ trong các cơ quan, đơn vị; các lưu trữ tư nhân, cá nhân; hệ thống bảo tàng (*còn có cả các loại hình bảo tàng ngoài công lập*); hệ thống thư viện... Sự đa dạng này là nguyên nhân khiến cho việc thống kê, nhận diện, phân loại di sản tư liệu trong nước không hề dễ dàng. Vì vậy, cần nghiên cứu và xây dựng mới các chính sách, quy định, quy trình, thủ tục về hoạt động kiểm kê, nhận diện, quản lý, bảo vệ và phát huy giá trị di sản tư liệu;

Thứ ba, di sản tư liệu là sản phẩm mang thông tin được hình thành từ những ký hiệu, mật mã, âm thanh hoặc hình ảnh dưới nhiều dạng thức độc đáo, phản ánh thành tựu tiêu biểu về lịch sử, tư tưởng văn hóa và khoa học. Việc mất mát, thất lạc tài liệu có giá trị do nhiều nguyên nhân từ lịch sử để lại, như chiến tranh, thiên tai, điều kiện tự nhiên (*thời tiết, côn trùng, nấm mốc*)... và do cả hạn chế về nhận thức của con người gây nên (*sự thay thế của triều đại này bằng triều đại khác cũng có thể là nguyên nhân làm cho một số tài liệu có giá trị bị tiêu hủy...*). Vì vậy, di sản tư liệu cần được kiểm kê, xử lý khoa học, số hóa, chuyển đổi số, bảo vệ và phát huy giá trị di sản trên thực tiễn và thống nhất hoạt động quản lý.

Thứ tư, di sản tư liệu là loại hình thuộc di sản văn hóa nhưng chưa được quy định bởi bất kỳ luật nào trong hệ thống pháp luật của Việt Nam. Nhiều quốc gia trên thế giới quy định di sản tư liệu trong Luật Di sản văn hóa (*ví dụ: Pháp, Tây Ban Nha, Nhật Bản, Hàn Quốc*).

Thứ năm: Xác định nguồn kinh phí dành cho công tác đào tạo cán bộ chuyên môn, quản lý, bảo vệ, phát huy giá trị di sản tư liệu, đặc biệt là di sản tư liệu khu vực và thế giới phù hợp với tiềm năng và nhu cầu thực tế để từng bước bắt nhịp với di sản văn hóa vật thể và di sản văn hóa phi vật thể.

Trong thời gian tới, di sản tư liệu của Việt Nam sẽ tiếp tục được UNESCO xem xét, ghi danh cấp khu vực và thế giới và ngày càng có xu hướng gia tăng. Di sản tư liệu của Việt Nam ở các địa phương, gia đình và dòng họ… đa dạng về loại hình, tài liệu, tư liệu rất tiềm năng, cũng có di sản tư liệu có nguy cơ bị mai một, biến mất… Vì vậy, việc ban hành Thông tư quy định về kiểm kê và lập hồ sơ khoa học di sản tư liệu để đưa vào Danh mục quốc gia về di sản tư liệu là cấp thiết, việc ban hành Thông tư này có ý nghĩa thực tiễn quan trọng nhằm tháo gỡ khó khăn trong hoạt động quản lý, bảo vệ và phát huy giá trị di sản tư liệu ở Việt Nam hiện nay.

Quan điểm xây dựng

Thứ nhất, xây dựng trên cơ sở hoạt động thực tiễn về quản lý, bảo vệ và phát huy giá trị di sản tư liệu tại Việt Nam thời gian qua và kế thừa các quy định của hướng dẫn bảo vệ di sản tư liệu do Chương trình Ký ức thế giới của UNESCO ban hành;

Thứ hai, bảo đảm tính đồng bộ, thống nhất với các quy định về quản lý, bảo vệ và phát huy giá trị di sản văn hóa vật thể và phi vật thể của Luật Di sản văn hóa và các văn bản hướng dẫn thi hành;

Thứ ba, xây dựng, hoàn thiện hệ thống pháp luật về di sản tư liệu bảo đảm thống nhất với Luật Di sản văn hóa và các văn bản hướng dẫn thi hành;

Thứ tư, các chính sách mới phải cụ thể, chi tiết, khả thi, phù hợp thực tiễn để có thể thi hành ngay.

Mục tiêu cụ thể

- Bổ sung di sản tư liệu vào nội dung Đối tượng và phạm vi điều chỉnh của Luật Di sản văn hóa (*sửa đổi*);

- Bổ sung thêm các thuật ngữ định nghĩa về di sản tư liệu và các vấn đề liên quan (*tài liệu văn bản, phi văn bản, tài liệu số…*);

- Thêm 01 Chương mới gồm 16 Điều, tập trung các vấn đề: Bảo vệ và phát huy giá trị di sản tư liệu sau Chương 4 Luật Di sản văn hóa hiện hành.

Nội dung tập trung về hoạt động quản lý di sản tư liệu, gồm: nhận diện, quản lý, ghi danh, bảo vệ và phát huy giá trị di sản; Di sản tư liệu phải được kiểm kê với cơ quan nhà nước có thẩm quyền về di sản văn hóa ở Trung ương và cấp tỉnh để lựa chọn, ghi danh vào các Danh mục Di sản tư liệu của quốc gia, khu vực và thế giới; Quy định trình tự, thủ tục kiểm kê, số hóa, chuyển đổi số, bảo vệ, phát huy giá trị và đề nghị ghi danh di sản tư liệu của Việt Nam; thẩm định các dự án, đề án về bảo vệ và phát huy giá trị di sản tư liệu; Quy định về việc làm bản sao di sản tư liệu.

Thêm mới quy định về việc triển khai các biện pháp bảo vệ phù hợp (*như lập và triển khai kế hoạch, chương trình, đề án, dự án bảo vệ và phát huy giá trị di sản...*) sau khi di sản được kiểm kê, ghi vào các danh sách của UNESCO, Danh mục quốc gia, có chính sách đảm bảo cơ chế thực thi nhằm tăng cường bảo vệ và phát huy giá trị di sản văn hóa.

Bổ sung các quy định nhằm điều chỉnh các hoạt động liên quan đến di sản tư liệu như: quy định chi tiết việc lựa chọn tài liệu lưu trữ quý, hiếm để đăng ký vào chương trình, danh hiệu của quốc gia, khu vực và thế giới; việc thống kê, bảo quản, phát huy giá trị di sản tư liệu của Việt Nam; trách nhiệm của cơ quan thực hiện nhiệm vụ quản lý nhà nước về di sản tư liệu; quy định về quyền lợi của tổ chức, cá nhân sở hữu di sản tư liệu đã đăng ký; Quyền lợi của tổ chức, cá nhân sở hữu di sản tư liệu được và sau khi ghi danh cấp quốc gia, khu vực và thế giới...

Bổ sung quy định về chính sách thu hút nguồn lực bảo vệ và phát huy giá trị di sản tư liệu.

Như vậy, việc thể chế hóa kịp thời các quan điểm, đường lối, chủ trương của Đảng về di sản văn hóa nói chung và di sản tư liệu nói riêng thành văn bản pháp lý là cần thiết để giải quyết được việc hợp hiến, hợp pháp các quy định pháp luật trên cơ sở kế thừa, khắc phục, xây dựng các chính sách mới phù hợp; bổ sung quy định mới về di sản tư liệu chưa có trong Luật để bảo đảm tính khả thi, với thực tiễn Việt Nam và xu hướng phát triển của lĩnh vực di sản tư liệu khu vực và thế giới; nâng cao hiệu lực, hiệu quả công tác quản lý nhà nước, tăng cường về phân cấp, phát huy nguồn lực xã hội và đáp ứng yêu cầu nhiệm vụ thời kỳ hội nhập, phát triển◈

Tài liệu tham khảo:

1. Hướng dẫn chung về bảo vệ Di sản tư liệu thuộc Chương trình Ký ức thế giới, UNESCO, 2002, Cục Văn thư và Lưu trữ Nhà nước dịch và in năm 2008.

2. Luật Di sản văn hóa năm 2001 và Luật bổ sung, sửa đổi một số điều Luật Di sản văn hóa năm 2009.

DI SẢN TƯ LIỆU Ở HỘI AN
MỘT SỐ VẤN ĐỀ VỀ BẢO TỒN, PHÁT HUY

ThS. Quảng Văn Quý

Di sản tư liệu là một loại hình di sản văn hóa. Thuật ngữ di sản tư liệu thế giới được sử dụng bởi Chương trình Ký ức thế giới do UNESCO khởi xướng từ năm 1992 nhằm chỉ những tư liệu, tài liệu có giá trị đặc biệt và có tầm ảnh hưởng rộng lớn trên thế giới[1]. Năm 2009, nước ta có Mộc bản triều Nguyễn được UNESCO công nhận là di sản tư liệu thế giới, đây cũng là trường hợp đầu tiên một di sản tư liệu của Việt Nam được thế giới vinh danh. Tính đến nay, qua quá trình xây dựng hồ sơ đề cử, Việt Nam đã có 3 di sản tư liệu được thế giới công nhận và 6 di sản được UNESCO châu Á - Thái Bình Dương vinh danh. Tuy nhiên, cho đến nay những quan điểm, nhận thức về bộ phận di sản tư liệu từ Trung ương đến các địa phương vẫn chưa có sự thống nhất chung, nhất là hệ thống các cơ sở về pháp lý để quy định về quản lý, nghiên cứu, bảo tồn và phát huy bộ phận di sản này vẫn chưa được thiết lập, do vậy cũng tạo nên nhiều khó khăn cho các địa phương trong việc nhận diện, bảo tồn phát huy trong đời sống đương đại. Đối với thành phố Hội An, việc quan tâm nghiên cứu, bảo tồn và phát huy các di sản tư liệu cũng được quan tâm từ rất sớm và đạt được những kết quả quan trọng. Tuy vậy, để bảo tồn để bảo tồn và phát huy bền vững bộ phận di sản này chắc chắn còn nhiều vấn đề cần phải quan tâm. Bài biết này bước đầu khái quát các di sản tư liệu ở Hội An và đề xuất một số giải pháp để bảo tồn và phát huy trong thời gian đến.

1. Khái quát về di sản tư liệu tại Hội An

Đô thị cổ Hội An - Di sản Văn hóa thế giới cùng với sự tồn tại hiện hữu của các di tích lịch sử, khảo cổ, kiến trúc nghệ thuật phong phú về loại hình, các di sản văn hóa phi vật thể cũng rất đa dạng về thể loại, mang những nét đặc trưng riêng của vùng đất cửa sông ven biển, của một đô thị thương cảng quốc tế vang bóng một thời. Với vai trò là đô thị thương cảng quốc tế sầm uất bậc nhất khu vực thời Trung đại, Hội An không chỉ là đầu mối giao lưu kinh tế mà còn là nơi hội nhập, giao lưu văn hóa mạnh mẽ, đa chiều, đa diện. Do vậy, các di sản tư liệu ở Hội An rất phong phú về loại hình mang những nét đặc trưng gắn liền với điều kiện địa lý tự nhiên, kinh tế, chính trị và điều kiện lịch sử, văn hóa của một đô thị thương cảng châu Á truyền thống có sự giao lưu tiếp biến mạnh mẽ về văn hóa quốc tế. Có thể tạm chia bộ phận di sản này thành một số nhóm/loại hình sau:

- Những bút tích ghi chép của tiền nhân trên các công trình di tích kiến trúc nghệ thuật, các công trình tín ngưỡng cộng đồng, các di tích nhà ở, nhà thờ tộc họ,… được thể hiện trên nhiều chất liệu: gỗ, đá, sành sứ, vữa vôi,… với nhiều thể loại như hoành phi, đối liễn, bảng khắc các loại.

- Hệ thống các văn bia tại di tích tín

[1]https://nhandan.vn/phat-huy-gia-tri-di-san-tu-lieu-post259203.html

ngưỡng và các bia mộ cổ trên địa bàn thành phố vốn rất phong phú về niên đại, chủ nhân và nguồn gốc cư dân của vùng đô thị thương cảng Hội An xưa.

- Các tư liệu văn bản Hán Nôm về Hội An như: Sắc phong, châu bản, địa bạ, khế ước, bản khai điền thổ, sổ đinh, sổ kê ngày lễ cúng, gia phổ, các tư liệu riêng, các sáng tác, các ghi chép liên quan đến các gia tộc/dòng họ và các loại văn bản khác.

- Các tư liệu văn bản Pháp văn và các ngôn ngữ khác liên quan về lịch sử - văn hóa Hội An. Đây là ghi chép liên quan về lịch sử - văn hóa, kinh tế chính trị, quân sự,… liên quan đến Hội An từ thế kỷ 16 trở đi được tạo ra và lưu truyền bởi nhiều chủ thể, đối tượng trong và ngoài nước.

- Hệ thống các họa đồ, bản đồ cổ liên đến vùng đô thị thương cảng Hội An qua các giai đoạn lịch sử ghi chép mô tả về các hải trình, các công trình phòng thủ, các địa danh, địa giới và địa hình của Hội An các thế kỷ trước.

- Những sưu tập hình ảnh Hội An xưa của nhiều nhiếp ảnh gia, tác giả chụp về nhân vật, cảnh quan di tích - danh thắng và đời sống cư dân xưa ở vùng đất Hội An từ những năm đầu đến giữa thế kỷ 20.

- Hệ thống các mộc bản liên quan đến Phật giáo thuộc dòng Lâm Tế Chúc Thánh Hội An được lưu giữ ở các chùa và cả tại các tư gia ở Hội An[2]…

Có thể nói rằng, các bộ phận di sản tư liệu nêu trên giữ vai trò rất quan trọng để nghiên cứu về lịch sử - văn hóa Việt Nam nói chung, về Hội An, Quảng Nam nói riêng từ giữa thế kỷ 20 trở về trước. Bộ phận di sản này cũng là một nguồn sử liệu, tư liệu dân tộc học quan trọng cung cấp những thông tin, dữ liệu xác tín giúp việc giúp nhận diện, làm sáng tỏ bức tranh lịch sử, đời sống văn hóa và tình hình kinh tế - chính trị Hội An qua các giai đoạn lịch sử. Đó còn là những dữ liệu khoa học quan trọng về hình ảnh, văn bản ghi chép, bản đồ, sơ đồ khảo tả,... giúp ích rất nhiều trong việc phục hồi các phong tục tập quán, tín ngưỡng, các sinh hoạt văn hóa truyền thống và cả trong hoạt động tu bổ, tôn tạo các di tích, nhất là phục dựng lại các hạng mục kết cấu công trình đã bị mai một hoặc hư hoại, thất truyền.

2. Những kết quả về sưu tầm, nghiên cứu, bảo quản, phát huy

Nhận thức được vai trò, giá trị của hệ thống các di sản tư liệu của địa phương, ngay sau hội thảo quốc gia về Đô thị cổ Hội An năm 1985 được tổ chức thành công, công tác sưu tầm di sản tư liệu nói chung đã được sự quan tâm từ các cơ quan chuyên môn của ngành Văn hóa Hội An. Đặc biệt, từ sau tháng 2/1986, khi Ban Quản lý Di tích và Dịch vụ Du lịch Hội An được thành lập (*nay là Trung tâm Quản lý Bảo tồn Di sản Văn hóa Hội An*), nhiệm vụ công tác này được triển khai một cách đồng bộ hơn. Trong giai đoạn này, nhiều tư liệu hình ảnh xưa liên quan đến lịch sử văn hóa, lịch sử đấu tranh cách mạng và một số di

[2] Theo kết quả khảo sát của các NNC. Lê Thọ Quốc, Nguyễn Phước Bảo Đàn của Phân viện Văn hóa Nghệ thuật Quốc gia Việt Nam tại Huế thì trên địa bàn thành phố Hội An có một số địa điểm lưu trữ mộc bản Phật giáo với số lượng như sau: Chùa Vạn Đức, xã Cẩm Hà: 114 ván khắc, 204 mặt khắc; Chùa Viên Giác, phường Cẩm Phô: 10 ván khắc, 10 mặt khắc; chùa Phước Lâm xã Cẩm Hà: 85 ván khắc, 131 mặt khắc; chùa Chúc Thánh, phường Tân An: 25 ván khắc, 40 mặt khắc; Trung Tâm Quản lý Bảo tồn Di sản Văn hóa Hội An: 20 ván khắc, 29 mặt khắc; chùa Thiên Đức, phường Tân An: 1 ván khắc, 1 mặt khắc; chùa Long Tuyền, phường Thanh Hà: 1 ván khắc, 1 mặt khắc. Dẫn theo https://tapchivanhoaphatgiao.com/luu-tru/19505.

sản tư liệu Hán Nôm ở Hội An cũng được bước đầu sưu tầm. Đây cũng là cơ sở quan trọng để thị xã Hội An lúc bấy giờ thiết lập Nhà Truyền thống Cách mạng Hội An ở số 149 Trần Phú vào năm 1987 và Phòng Trưng bày Lịch sử - Văn hóa Hội An tại số 09 Nguyễn Huệ vào 1989.

Từ sau hội thảo quốc tế về Đô thị cổ Hội An vào tháng 7/1990, công tác điều tra, sưu tầm, nghiên cứu di sản tư liệu Hán Nôm Hội An được triển khai sâu rộng hơn với các chương trình Điều tra khảo sát lập kho tư liệu về Đô thị cổ Hội An năm 1993 - 1994; sưu tầm tư liệu về xã Minh Hương để thực hiện đề tài Vai trò của Minh Hương xã ở Hội An thế kỷ 17 - 19. Từ tháng 9/1995, phối hợp với Trường Đại học Nữ Chiêu Hòa (*Nhật Bản*) thực hiện 6 đợt điều văn tự tại phố cổ Hội An. Bên cạnh đó, Trung tâm tổ chức điều tra, sưu tầm dịch thuật tư liệu về nghề yến Thanh Châu, Bảng hiệu buôn và nghề buôn ở Hội An, in dập văn bia và mộc bản ở các cổ tự… Qua các chương trình điều tra, sưu tầm, nghiên cứu như đã nêu trên, Trung tâm Quản lý Bảo tồn Di sản Văn hóa Hội An đã thu thập, sao chụp được hơn 2.000 trang tư liệu gốc, hơn 4.500 trang tư liệu bản sao, 300 bản dập thác bản văn bia, 800 bản in mộc bản, 63 sắc phong... Từ năm 2016 trở lại đây, ngoài việc sưu tầm, sao chụp văn bản trong các gia đình, dòng họ, di tích tại Hội An, đã mở rộng ra các địa phương, vùng phụ cận Hội An,… đồng thời kết nối với các Trung tâm lưu trữ quốc gia thuộc Bộ Nội vụ, Viện Nghiên cứu Hán Nôm, Viện Thông tin Khoa học Xã hội thuộc Viện Hàn lâm Khoa học Xã hội Việt Nam để trích lọc, sao chụp và chuyển giao tư liệu về di sản tư liệu Hán Nôm Hội An như Địa bạ Hội An (*2671 trang*), Quảng Nam tỉnh tạp biên (*3176 trang*), Châu bản triều Nguyễn (*211 trang*), Thần tích thần sắc (*50 trang*)[3]…

Nhân viên Trung tâm Quản lý Bảo tồn Di sản Văn hóa Hội An dập văn bia

Song song với việc sưu tầm các tư liệu Hán Nôm, hoạt động phát động sưu tầm, hiến tặng các hình ảnh Hội An xưa, các hình ảnh liên quan đến đề tài chiến tranh cách mạng, cảnh quan, đời sống cư dân Hội An xưa cũng thu được những kết quả khả quan. Những năm gần đây, công tác sưu tầm, kiểm kê nhận diện tiếp tục được quan tâm triển khai liên tục và thường xuyên; phạm vi đối tượng càng được mở rộng. Việc sao chụp, xử lý, bảo quản bước đầu cũng được quan tâm thực hiện. Nhiều tư liệu văn bản, hình ảnh, thác bản,… đã được sao chụp, từng bước số hóa lưu trữ lâu dài phục vụ tốt cho công tác nghiên cứu phát huy.

Bên cạnh công tác điều tra, sưu tầm, xử lý, bảo quản, công tác nghiên cứu phát huy các di sản tư liệu cũng được Trung tâm Quản lý Bảo tồn Di sản Văn hóa Hội An đặc biệt chú trọng. Nhiều di sản tư liệu về văn bản, hình ảnh, sơ đồ, bản đồ xưa,… liên quan đến Hội An đang lưu trữ tại Trung tâm cũng đã được nghiên cứu, công bố trong nhiều tạp chí chuyên ngành và nhiều đề tài, ấn phẩm sách do đơn vị biên

[3] Võ Hồng Việt, Phạm Phước Tịnh, Lê Thị Lưu (2020), *Báo cáo về Công tác sưu tầm và phát huy Di sản tư liệu Hán Nôm ở Hội An thời gian qua*, Tài liệu lưu trữ Trung tâm Quản lý Bảo tồn Di sản Văn hóa Hội An.

soạn, in ấn xuất bản, góp phần làm sáng tỏ hơn về các giá trị lịch sử - văn hóa Hội An. Đặc biệt, riêng với bộ phận di sản tư liệu Hán Nôm, trong gần 10 năm qua, việc nghiên cứu dịch thuật, biên soạn, xuất bản luôn được tập trung đẩy mạnh. Từ năm 2014 đến nay, qua xử lý di sản tư liệu sưu tầm được, Trung tâm đã tuyển chọn, dịch thuật, biên soạn, xuất bản hàng chục ấn phẩm theo từng chủ đề phục vụ nhu cầu nghiên cứu, tìm hiểu của các nhà nghiên cứu và công chúng, tiêu biểu với các ấn phẩm như: "*Di sản Hán Nôm Hội An, Tập 1 - Văn bia*", năm 2014, "*Di sản Hán Nôm Hội An, Tập 2 - Tư liệu lưu trữ của dòng họ Nguyễn Tường*", năm 2016 ; "*Di sản Hán Nôm Hội An, Tập 3 - Tư liệu xã Minh Hương*", năm 2017; "*Di sản Hán Nôm Hội An, Tập 4 - Hoành phi - liễn đối*", năm 2019 , "*Di sản Hán Nôm Hội An , Tập 5 - Tư liệu lưu trữ trong các gia đình, dòng họ*", năm 2019, "*Di sản Hán Nôm Hội An, Tập 6 - Sắc phong*" năm 2021, "*Làng xã ở Hội An qua tư liệu Địa bạ triều Nguyễn và Quảng Nam xã chí*", năm 2020; "*Hội An qua châu bản triều Nguyễn*", năm 2021; "*250 năm phong trào Tây Sơn nhìn từ Hội An*", năm 2021[4].

Những công trình ấn phẩm được nghiên cứu xuất này cũng đã góp phần đáp ứng kịp thời nhu cầu khỏa lấp các khoảng trống nhận thức về lịch sử - văn hóa Hội An, càng khẳng định rõ nét hơn những giá trị nổi bật toàn cầu của Khu phố cổ Hội An - Di sản văn hóa thế giới; đồng thời qua đó cũng góp phần tuyên truyền, giới thiệu quảng bá các giá trị di sản văn hóa Hội An đến bè bạn và công chúng gần xa.

Ngoài ra, việc nghiên cứu, biên soạn, in ấn xuất bản các di sản tư liệu cũng đã được Trung tâm phát huy hiệu quả thông qua các hình thức trưng bày thường xuyên tại các bảo tàng của Hội An như: Bảo tàng Hội An, Gốm sứ Mậu dịch, Văn hóa Dân gian, Nghề Y truyền thống; hay tại các điểm di tích do Trung tâm quản lý như: Đình Hội An, nhà Đức An (*Nhà lưu niệm đồng chí Cao Hồng Lãnh*), Nhà lao Hội An và cả các đợt trưng bày, triển lãm chuyên đề trong và ngoài Hội An bằng các hình thức trực tiếp và trực tuyến, qua đó cũng đã thu hút một lượng lớn công chúng tham quan thưởng lãm, góp phần quan trọng tăng cường quảng bá, nâng cao giá trị điểm đến của Đô thị Di sản Hội An đối với du khách trong nước và quốc tế.

3. Những vấn đề đặt ra và một số đề xuất về bảo tồn, phát huy

Có thể nói rằng, công tác nghiên cứu, sưu tầm, bảo quản và phát huy các di sản tư liệu ở Hội An, nhất là các di sản tư liệu Hán Nôm đã đạt được những kết quả quan trọng, góp phần khẳng định sự phong phú của các loại hình di sản văn hóa ở Hội An. Tuy nhiên cho đến nay, với tính chất đặc thù của các di sản tư liệu vốn rất mong manh, dễ bị tác động và hủy hoại bởi thời gian, môi trường, thiên tai, hỏa hoạn và mối mọt, thất lạc;… cùng với đó do tính chất sở hữu từ nhiều nguồn, nhiều đối tượng, các phương thức lưu trữ, bảo quản khác nhau,… nên việc thống kê, nhận diện và nhất là trong quản lý, bảo quản và phát huy chắc chắn sẽ gặp nhiều khó khăn thách thức. Thực tế này cũng đã được các chuyên gia nhận định, như PGS.TS. Nguyễn Tuấn Cường - Viện trưởng Viện Nghiên cứu Hán Nôm chia sẻ: Nguồn di sản tư liệu dù phong phú đến mức nào, nhưng nếu không được quản lý tốt, bảo quản tốt thì sẽ sớm dẫn đến hư hại, mất mát, đó chính là "*sự kiệt*

[4] Võ Hồng Việt, Phạm Phước Tịnh, Lê Thị Lưu (2020), *Báo cáo về Công tác sưu tầm và phát huy Di sản tư liệu Hán Nôm ở Hội An thời gian qua*, Tài liệu lưu trữ Trung tâm Quản lý Bảo tồn Di sản Văn hóa Hội An.

quệ có hại" theo quan niệm đã dẫn của UNESCO[5]. Trên thực tế tại Hội An hiện nay vẫn có tình trạng một bộ phận hoành phi liễn đối, văn bia trên các di tích; nhiều mộc bản, sắc phong và các tư liệu Hán Nôm khác,… được lưu giữ tại cộng đồng và các tư gia chưa được bảo quản tốt, dẫn đến nhiều trường hợp hư hại đáng tiếc đã xảy ra khó có khả năng phục hồi. Đó là còn chưa kể đến hiện tượng thất thoát các tư liệu này ra ngoài khu vực thành phố Hội An. Do vậy trong thời gian đến, cùng với việc triển khai các nhiệm vụ bảo tồn và phát huy giá trị di sản văn hóa vật thể và phi vật thể ở Hội An, thành phố cần phải quan tâm thực hiện các giải pháp đồng bộ để gìn giữ phát huy các di sản tư liệu lâu dài. Theo chúng tôi, nên cần tập trung vào một số nhiệm vụ sau:

- Trước hết, thành phố cần xây dựng một đề án khả thi về "*sưu tầm, kiểm kê nhận diện, số hóa, lưu trữ bảo quản, phát huy*" có tầm nhìn dài hạn, xác được những mục tiêu, nhiệm vụ và giải pháp chủ yếu mang tính căn cơ lâu dài để bảo tồn và phát huy hiệu quả và bền vững bộ phận di sản tư liệu của Hội An.

- Song song với việc xây dựng các đề án về bảo tồn, cần chỉ đạo các cơ quan chuyên môn thực hiện hiện một số giải pháp như: Đẩy mạnh công tác tuyên truyền nâng cao nhận thức của cộng đồng, nhất là các chủ sở hữu các di sản, các cơ quan quản lý và các địa phương để hiểu rõ được các loại hình, giá trị của các di sản tư liệu của địa phương, qua đó góp phần tích cực trong việc chung tay giữ gìn, phát huy các di sản tư liệu trước sự đe dọa mất còn của thời gian.

- Bên cạnh đó, thành phố cần quan tâm có những cơ chế chính sách khuyến khích các cá nhân, tổ chức quan tâm bảo quản và phát huy các di sản tư liệu đang sở hữu; hỗ trợ, tôn vinh các cá nhân, đơn vị có sự hiến tặng, chuyển giao các di sản tư liệu cho cơ quan chức năng lưu giữ, bảo quản và nghiên cứu, phát huy lâu dài.

- Sớm xây dựng kế hoạch khảo sát, kiểm kê toàn diện các loại hình di sản tư liệu liên quan đến Hội An để nắm chắc thông tin về di sản trên cơ sở đó đề xuất các giải pháp về sưu tầm thích hợp nhằm lưu giữ quản lý lâu dài.

- Xây dựng các phương án thực hiện việc tu bổ, phục chế các di sản tư liệu quan trọng gắn với quá trình tu bổ tôn tạo các di tích trên địa bàn thành phố.

- Quan tâm đầu tư các phương tiện, thiết bị chuyên dụng trong sao chép, bảo quản, trị liệu chuyên ngành về các di sản tư liệu sau khi sưu tầm. Đầu tư số hóa bằng các hình thức hiện để lưu trữ lâu dài và phát huy hiệu quả phục vụ công chúng theo hướng tiếp cận đa phương tiện về các loại hình di sản tư liệu.

- Chú trọng công tác xây dựng đội ngũ cán bộ làm công tác lưu trữ thông tin tư liệu, quản lý phát huy di sản tư liệu; quan tâm tạo điều kiện để các cán bộ chuyên môn được tham gia các khóa tập huấn, đào tạo chuyên ngành về các lĩnh vực bảo tồn và phát huy di sản tư liệu để tham mưu thực hiện tốt hơn nhiệm vụ công tác này.

- Tiến hành nghiên cứu toàn diện để làm nổi bật các giá trị độc đáo của các di sản tư liệu ở Hội An, trên cơ sở đó, quan tâm lựa chọn đề xuất danh mục các di sản tư liệu có giá trị đề nghị ghi vào Danh mục quốc gia và UNESCO, trong đó lưu ý về bộ sưu tập các di sản tư liệu gốc trên các hoành phi, liễn đối trên kiến trúc gỗ ở Hội An. Đây là một bộ phận di sản tư liệu quý giá của địa phương có nội

[5] Dẫn theo https://bvhttdl.gov.vn/bao-ton-va-phat-huy-di-san-tu-lieu-20220222152606923.htm

dung, phong cách biểu hiện đa dạng, hình thức độc đáo với nhiều thể loại như hoành phi, đối liễn, các bản đề thơ văn, tán, bia ký, ngự bút[6],… của các chúa Nguyễn, các quan triều Lê, Nguyễn, Tây Sơn,… cùng bao thế hệ tao nhân, mặc khách đã từng dừng chân lưu đề trên các di tích ở Hội An và cả những sáng tác khuyết danh của các cư dân Hội An với nhiều nguồn gốc, có mốc thời gian từ 17 đến thập niên 60 của thế kỷ 20.

- Đẩy mạnh hơn nữa công tác nghiên cứu, khai thác và quảng bá các giá trị di sản tư liệu của Hội An đến với đông đảo quần chúng qua các cuộc tọa đàm, hội thảo chuyên đề; quan tâm đầu tư nghiên cứu công bố giá trị của Di sản tư liệu ở Hội An trên các tạp chí chuyên ngành; tổ chức thường xuyên các đợt trưng bày triển lãm bằng nhiều hình thức thích ứng linh hoạt trong điều kiện phát triển công nghệ để đưa các giá trị của di sản đến với công chúng một cách hiệu quả nhất, qua đó góp phần tăng cường thu hút du khách trong và ngoài nước đến với Hội An.

- Tăng cường giới thiệu thông tin về di sản tư liệu Hội An thông qua các Chương trình Giáo dục Di sản trong học đường nhằm tăng cường sự hiểu biết và và bồi đắp tình yêu mến đối với di sản trong học sinh và thế hệ trẻ - những chủ nhân tương lai của di sản.

Có thể nói rằng, các di sản tư liệu của Hội An là một trong những tài sản văn hóa quý giá, góp phần tạo nên sự phong phú và tính đặc sắc các giá trị nổi bật toàn cầu của Đô thị cổ Hội An - Di sản Văn hóa thế giới, việc bảo tồn và phát huy bộ phận di sản này không chỉ là trách nhiệm của thành phố Hội An mà cần có sự quan tâm lãnh đạo của các cấp, các ngành từ Trung ương đến địa phương trên nhiều phương diện. Mới đây vào ngày 13/11/2023, Bộ VHTTDL đã tổ chức hội nghị - hội thảo xin ý kiến góp ý Hồ sơ Dự án Luật Di sản văn hóa (*sửa đổi*). Dự thảo Luật Di sản văn hóa (*sửa đổi*) với những nội dung mới và lần đầu tiên xuất hiện, trong đó có nội dung liên quan đến bảo vệ, phát huy giá trị di sản tư liệu. Nội dung này nằm trong các quy định tại Chương V: Bảo vệ và phát huy giá trị di sản tư liệu, gồm 17 điều, từ điều 85 đến điều 101, với các nội dung chủ yếu: Phân loại di sản tư liệu; Kiểm kê, Ghi danh di sản tư liệu vào Danh mục quốc gia và UNESCO; Trình tự, thủ tục, thẩm quyền quyết định đưa Di sản tư liệu đã được ghi danh ra khỏi Danh mục quốc gia và Danh mục di sản tư liệu của UNESCO. Nguyên tắc quản lý, bảo vệ và phát huy giá trị 11 di sản tư liệu sau khi được ghi danh; Bảo quản; Bản sao; Đưa di sản tư liệu sau khi được ghi danh đi trưng bày, nghiên cứu hoặc bảo quản ở trong nước, nước ngoài và từ nước ngoài về nước; Quyền và trách nhiệm của các chủ sở hữu trực tiếp quản lý, bảo vệ và phát huy giá trị di sản tư liệu[7]… Chúng ta hy vọng rằng sau khi Luật Di sản Văn hóa (*sửa đổi*) được thông qua và có hiệu lực chắc chắn sẽ là cơ sở pháp lý quan trọng để Hội An thực hiện tốt công tác bảo tồn và phát huy các di sản tư liệu trong thời gian đến và để trao truyền cho các thế hệ mai sau◈

[6] Hội An vẫn còn lưu giữ các bức hoành quý giá như "*Lai Viễn kiều*" và "*Cứu thế độ nhân*" do chúa Nguyễn Phúc Chu - Thiên Túng đạo nhân ngự bút vào năm 1719.

[7] Phương Anh, *Nhiều điểm mới trong dự Luật Di sản Văn hóa (sửa đổi),* dẫn theo http://baovanhoa.vn/nghe-thuat/van-hoc/artmid/486/articleid/71330/nhieu-diem-moi-trong-du-luat-di-san-van-hoa-sua-doi

40 NĂM HOẠT ĐỘNG NGHIÊN CỨU KHOA HỌC Ở HỘI AN VÌ SỰ NGHIỆP QUẢN LÝ, BẢO TỒN DI SẢN VĂN HÓA

ThS. Nguyễn Chí Trung

Có thể nói, điều ghi nhận và đáng mừng ở Hội An hiện nay là cộng đồng trách nhiệm quản lý di sản văn hóa. Ngoài cả hệ thống chính trị, cơ quan quản lý, cơ quan chuyên môn, thì từng người dân, chủ sở hữu, người quản lý và thực hành di sản văn hóa (*vật thể, phi vật thể*) đều quan tâm, nhận thức khá tốt về bảo tồn và phát huy di sản văn hóa cho mục tiêu phát triển kinh tế bền vững. Đó là thành quả có sự đóng góp tích cực trên mọi lĩnh vực hoạt động của công tác quản lý, bảo tồn và phát huy di sản văn hóa nói chung. Chính nhờ những nhân tố đó đã quyết định sự thành công của sự nghiệp quản lý, bảo tồn, phát huy di sản văn hóa ở Hội An trong nhiều năm qua mà đã được các cơ quan quản lý nhà nước, cơ quan chuyên môn các cấp và các tổ chức quốc tế đánh giá rất cao. Trong toàn bộ chuỗi hoạt động bảo tồn di sản văn hóa, lĩnh vực tổ chức quản lý, tu bổ - tôn tạo - phục hồi, phát huy di sản cho mục tiêu phát triển kinh tế thường được nhắc đến nhiều trên các phương tiện thông tin. Trong phạm vi của bài viết này, xin khái quát về công tác nghiên cứu khoa học trong 40 năm qua cho mục tiêu bảo tồn, phát huy di sản văn hóa ở Hội An, từ ban đầu là Bộ phận Bảo tồn Bảo tàng thuộc Phòng Văn hóa Thông tin đến Trung tâm Quản lý Bảo tồn Di sản Văn hóa Hội An ngày nay.

1. Từ những bước đi ban đầu (*1983 - 1990*)

Trước hết phải nói rằng, không kể những bài viết nghiên cứu riêng lẻ trước đây của nhiều học giả từ thời Pháp thuộc, hay trong những năm chiến tranh chống Pháp và chống Mỹ xâm lược thì hoạt động nghiên cứu lập hồ sơ khoa học về/ở Hội An được bắt đầu cách đây tròn đúng 40 năm. Tức là khởi đầu từ năm 1983 và tiếp theo là năm 1984, 1985. Vào thời gian này, phố cổ Hội An xuất hiện thật sôi động cảnh phối hợp giữa các cơ quan từ Trung ương (*Vụ Bảo tồn - Bảo tàng, Xí nghiệp Bảo quản Trùng tu Di tích Trung ương, thuộc Bộ Văn hóa*), tỉnh Quảng Nam - Đà Nẵng (*Phòng nghiệp vụ Bảo tàng, thuộc Sở Văn hóa*) và Hội *An* (*có Bộ phận Bảo tồn Bảo tàng - vừa mới hình thành từ Tổ Nghiệp vụ Nhà truyền thống Cách mạng được bổ sung thêm nhiệm vụ*) cùng chung tay điều tra khảo sát lập hồ sơ khoa học trình Bộ Văn hóa xếp hạng di tích cấp Quốc gia. Hiện nay còn nhiều bộ hồ sơ di tích, được đánh máy chữ trên giấy pluy, bản vẽ ghi kiến trúc trên giấy can được ghi nhận, đóng dấu từ năm 1983 đang lưu trữ tại Trung tâm Quản lý Bảo tồn Di sản Văn hóa Hội An[1]. Kết quả là ngày

[1] Thực ra cũng cần phải nói thêm rằng, vào khoảng tháng 6/1982, Trưởng tiểu ban hợp tác Ba Lan - Việt Nam tu bổ di tích Mỹ Sơn, kiến trúc sư người Ba Lan - Kazimierz Kwiatkowsky, tên thân mật là Kazik, cùng đoàn công tác *(có KTS Hoàng Đạo Kính),*

19/3/1985, Bộ Văn hóa ra quyết định xếp hạng di tích cấp quốc gia Khu phố cổ Hội An. Cũng trong thời gian này, nhiều nhà khoa học trong nước đã đến Hội An khảo sát, nghiên cứu viết bài tham luận tham gia hội nghị khoa học quốc gia về Khu phố cổ Hội An lần thứ nhất tại Hội An vào tháng 7 năm 1985. Hội nghị có sự tham gia của 268 đại biểu, 203 nhà khoa học. Hội nghị đã làm sáng tỏ một số vấn đề, cho phép khẳng định những cơ sở khoa học bước đầu xây dựng một đề án bảo tồn Khu phố cổ Hội An. Sau hội nghị khoa học quốc gia, nhiệm vụ nghiên cứu khoa học, quản lý Khu phố cổ được đặt ra thật cấp thiết và nhiều nhà nghiên cứu khoa học, khách tham quan du lịch đến Hội An cần có sự phối hợp, hướng dẫn. Để thực hiện những nhiệm này, Ban Quản lý Di tích và Dịch vụ Du lịch Hội An được thành lập vào tháng 2/1986. Lúc này, hoạt động nghiên cứu khoa học ở Hội An đã được triển khai khá tích cực trên diện rộng, không chỉ việc làm hồ sơ lưu trữ khoa học trong Khu phố cổ, mà còn được mở rộng trên nhiều lĩnh vực về điều tra, điền dã khảo cổ, lịch sử, dân tộc học, văn hóa trên toàn địa bàn thị xã. Chương trình có sự tham gia hợp tác của các nhà khoa học ở Trung tâm Văn hóa Việt Nam thuộc Trường Đại học Tổng hợp - Đại học Quốc gia Hà Nội, Bảo tàng tỉnh Quảng Nam - Đà Nẵng và Ban Quản lý Di tích và Dịch vụ Du lịch Hội An (*nay là Trung tâm Quản lý Bảo tồn Di sản Văn hóa Hội An*). Đặc biệt, lúc này các cán bộ của Ban Quản lý Di tích và Dịch vụ Du lịch Hội An hầu hết còn rất trẻ, hoặc mới học ra trường với nhiều bỡ ngỡ đối với nhiều "*khái niệm về nghề bảo tồn, bảo tàng*", nhưng đã trực tiếp nhận nhiệm vụ khảo sát lập hồ sơ lý lịch di tích[2]. Mạnh dạn hơn (*năm 1987*), lãnh đạo cơ quan còn tạo điều kiện cho một số đồng chí/ anh em trẻ được nhận nhiệm vụ làm chủ nhiệm đề tài nghiên cứu khoa học cấp tỉnh, dù rất khiêm tốn với 2 chữ "*Bước đầu*"[3]. Cũng trong thời gian này (*năm 1988*), xuất phát từ đề nghị của 2 Hội

Hội nghị khoa học về Khu phố cổ Hội An năm 1985

thường về Hội An vào những ngày nghỉ cuối tuần, đoàn đã có đề nghị cần phải bảo tồn phố cổ Hội An, bởi "*đây là tài sản vô giá; người Hội An đang ngồi trên đống vàng*". Lãnh đạo Hội An lúc bấy giờ (*đồng chí Võ Hiên là Bí thư, đồng chí Phan Trung Thứ là Chủ tịch UBND thị xã*) đã hồ hởi tiếp thu một cách tích cực và thống nhất đề nghị đoàn giúp đỡ triển khai ngay các hoạt động nhằm bảo tồn Phố cổ Hội An.

[2] Quả là lúc này đúng là vừa làm, vừa học. Chủ yếu dựa vào một số bản hồ sơ lý lịch di tích do các anh, chị đi trước đã làm để tham khảo cách viết, mô tả và cuốn sổ tay Bảo tồn - Bảo tàng, đồng thời đi thực tế khảo sát, tra cứu sách báo, mặc dù cũng rất hiếm lúc bấy giờ. Nhưng những bài học quý giá mà không có sách vở, trường lớp nào dạy bằng đi khảo sát cùng cố Giáo sư Trần Quốc Vượng kính mến, kể cả giai đoạn sau này.

[3] Trần Văn An với đề tài: Bước đầu tìm hiểu về Folklore ở Hội An; Trần Ánh với đề tài: Bước đầu tìm hiểu kinh tế ngoại thương ở Hội An; Nguyễn Chí Trung với đề tài: Bước đầu tìm hiểu về cư dân - làng xã ở Hội An. Kết quả đã được Hội đồng nghiệm thu đánh giá rất cao.

hữu nghị: Việt - Nhật và Nhật - Việt, được hai bên Chính phủ Việt Nam và Nhật Bản thống nhất việc tổ chức hội thảo khoa học quốc tế về Hội An. Trên cơ sở đó, tháng 4/1989, Ủy ban quốc gia hội thảo quốc tế về Hội An được thành lập, lúc này, một chương trình điều tra, khảo sát, nghiên cứu khoa học toàn diện ở Hội An với nhiều nhóm/ đoàn khác nhau (*bao gồm các đoàn khảo sát địa lý - địa mạo, khảo cổ học, lịch sử, ngôn ngữ học, kiến trúc, nghệ thuật, bảo tồn học…*) và phạm vi điều tra, khảo sát không chỉ giới hạn trong Khu phố cổ, mà được mở rộng cả về không gian và thời gian đã được triển khai để chuẩn bị cho hội thảo khoa học lần này[4]. Và ngày 22 & 23 tháng 3 năm 1990, hội thảo khoa học quốc tế về Đô thị cổ Hội An đã được diễn ra tại thành phố Đà Nẵng. Tham dự có hơn 150 đại biểu, hơn 70 học giả Việt Nam và nước ngoài, với 38 báo cáo khoa học. Ngoài vấn đề chung (*ở phiên khai mạc*), các báo cáo tham luận tập trung vào các chủ đề, chia thành các tiểu ban gồm: khảo cổ và văn hóa, lịch sử, kiến trúc và bảo tồn. Kết thúc hội thảo đã ra lời kêu gọi: Các tổ chức quốc tế, các Ủy ban quốc gia UNESCO của các nước, các tổ chức chính phủ, phi chính phủ giúp đỡ, tài trợ cho đề án phục hồi Đô thị cổ Hội An; các nhà khoa học, các nghệ sĩ, các nhà nghiên cứu tham gia và hợp tác trong việc nghiên cứu về lịch sử và khảo cổ học cũng như việc phục hồi các di tích phong phú, đa dạng của Hội An.

2. Thời kỳ nhộn nhịp hợp tác và khám phá sâu rộng (*1990 - 1999*)

Sau hội thảo quốc tế, năm 1991 Tổng cục Văn hóa Nhật Bản cử chuyên gia đến tìm hiểu hiện trạng phố cổ Hội An và đặt quan hệ hợp tác với Việt Nam nhằm tiến hành điều tra khảo sát phố cổ Hội An trên các lĩnh vực địa lý, địa chất, lịch sử, khảo cổ, văn hóa, kiến trúc… và xây dựng dự án "*Bảo tồn phố cổ Hội An*"[5]. Song hành với dự án này, Quỹ Toyota Foundation (*Nhật Bản*) đã tài trợ trực tiếp cho anh em Hội An thực hiện đề tài: "*Khai quật khảo cổ học về di tích văn hóa mộ chum Sa Huỳnh ở thị xã Hội An, tỉnh Quảng Nam - Đà Nẵng*" từ năm 1993 - 1995 (*do anh Nguyễn Đức Minh làm chủ nhiệm đề tài*). Nhóm nghiên cứu ở Hội An đã triển khai thực hiện nhiệm vụ đề tài với sự tham gia cố vấn của Trung tâm Liên văn hóa lịch sử (*Khoa Lịch sử - Trường Đại học Tổng hợp - Đại học quốc gia Hà Nội, do giáo sư Trần Quốc Vượng chủ trì*). Rất tiếc, vào thời điểm này - tháng 5/1992, Ban Quản lý Di tích và Dịch vụ Du lịch Hội An bị giải thể, nhập về Phòng Văn hóa Thông tin thành Bộ phận Quản lý Di tích[6]. Mặc

[4] Ủy ban quốc gia hội thảo quốc tế về Hội An xác định: Về không gian, mở rộng cả vùng hạ lưu sông Thu Bồn trong phạm vi hoạt động của thương cảng Hội An xưa, từ Dinh trấn Quảng Nam (*ở Thanh Chiêm*) cho đến Cù Lao Chàm, và trong chừng mực nào đó ngược về phía Tây cho đến Trà Kiệu - Mỹ Sơn của Champa. Về thời gian, từ những di tích Hội An hiện còn, ngược về quá khứ thời Tiền sử, Sơ sử, thời văn hóa Chàm - tạm gọi là thời tiền Hội An - và chủ yếu đi sâu vào quá trình, phát triển và suy giảm của thương cảng Hội An.

[5] Phía Nhật Bản, Viện Văn hóa quốc tế (*thuộc Trường Đại học Nữ Chiêu Hòa*) trở thành trung tâm tập hợp các học giả thuộc nhiều trường đại học, Trung tâm khoa học Nhật Bản và là đầu mối vận động kinh phí cho dự án. Phía Việt Nam, đứng đầu về chuyên môn khoa học là cố giáo sư Phan Huy Lê, cùng các cơ quan từ Bộ Văn hóa Thông tin, Ủy ban Nhân dân, Sở Văn hóa Thông tin tỉnh đến Ủy ban Nhân dân thị xã Hội An (*Ban Quản lý Di tích và Dịch vụ Du lịch*) và các cơ quan khoa học: Đại học quốc gia Hà Nội, Đại học kiến trúc Hà Nội, Trung tâm Thiết kế và Trùng tu Di sản văn hóa… cùng hợp tác với đối tác Nhật Bản triển khai dự án.

[6] Nhân viên lúc này chỉ còn 7 người và cũng tiếp tục được điều chuyển công tác khác hoặc đi học, có lúc chỉ còn 3 - 4 nhân viên.

dù vậy, với 2 dự án vào thời gian này (*từ năm 1992 đến 1996*), ở Hội An đã diễn ra thật sôi động hợp tác hoạt động nghiên cứu khoa học, hầu như hết đợt này đến đợt khác, đoàn này về đoàn khác đến liên tục. Phía bạn (*Nhật Bản*) còn thuê cả máy bay trực thăng để quay phim, chụp ảnh tổng thể Hội An từ trên không. Trong khi dự án hợp tác nghiên cứu "*Bảo tồn phố cổ*" tập trung vào nghiên cứu khu vực trung tâm - Khu phố cổ, thì đề tài: "*Khai quật khảo cổ học về di tích văn hóa mộ chum Sa Huỳnh*" triển khai trên diện rộng, toàn bộ địa bàn Hội An, ra tận Cù Lao Chàm và sang đến vùng lân cận ở Duy Xuyên, Điện Bàn. Đặc biệt không chỉ nghiên cứu khảo cổ học, mà bao trùm tất cả việc điền dã, nghiên cứu về lịch sử, văn hóa, dân cư, làng xã và cảnh quan sinh thái - nhân văn. Thành quả to lớn của hoạt động nghiên cứu khoa học giai đoạn này là đã đặt cơ sở, nền tảng nghiên cứu khoa học cơ bản và làm sáng tỏ được nhiều vấn đề lịch sử - văn hóa từ thời Tiền - Sơ sử đến thời kỳ Champa, thời kỳ Đại Việt - Đại Nam ở Hội An, đặt nền móng, phương pháp khoa học cho việc thiết lập bộ hồ sơ khoa học, hồ sơ lưu trữ về Khu phố cổ Hội An, toàn bộ hệ thống di sản văn hóa vật thể và phi vật thể ở Hội An[7]. Cũng vào thời điểm này, một đề tài khoa học đã được đặt ra, được Ủy ban khoa học - kỹ thuật tỉnh Quảng Nam - Đà Nẵng chấp thuận triển khai đó là: Điều tra khảo sát lập kho tư liệu về Đô thị cổ Hội An[8]. Trên cơ sở những hoạt động nghiên cứu khoa học nói trên, Hội An đã bổ sung, điều chỉnh bộ hồ sơ khoa học Khu phố cổ Hội An (*lập năm 1985*) thành bộ Hồ sơ khoa học về Đô thị cổ Hội An gửi Bộ Văn hóa. Đây cũng chính là bộ hồ sơ làm cở sở để bước tiếp chuẩn bị hồ sơ khoa học trình tổ chức UNESCO sau này. Song hành với các hoạt động trên, Bộ phận Quản lý Di tích còn phải chủ trì, phối hợp với các cơ quan chức năng chuyên môn nghiên cứu lập bộ hồ sơ dự án *"Đầu tư tổng thể tu bổ, khai thác di tích Khu phố cổ Hội An giai đoạn 1997 - 2005*" (*được Chính phủ phê duyệt năm 1997*). Một công việc quan trọng trước thời điểm này là tham mưu soạn thảo để Ủy ban Nhân dân thị xã ban hành "*Quy chế quản lý, trùng tu, sử dụng di tích Khu phố cổ Hội An*". Từ những thành quả đạt được về nghiên cứu khoa học, được sự gợi ý của nhiều nhà khoa học, các cơ quan nghiên cứu, các tổ chức quốc tế cả ở trong và ngoài nước, tháng 5/1996 theo đề xuất của Hội An, Ủy ban nhân dân tỉnh Quảng Nam - Đà Nẵng có văn bản trình Chính phủ và tháng 10/1996, sau khi lấy ý kiến của các cơ quan chức năng, Bộ Văn hóa đã có văn bản thống nhất chỉ đạo cho triển khai lập hồ sơ đệ trình Di sản văn hóa Hội An để UNESCO xem xét công nhận Di sản văn hóa thế giới. Điều đặc biệt nữa là bộ hồ sơ đệ trình này cũng do chính anh em Hội An thực hiện. Lúc này, nội dung khoa học về giá trị hiện trạng lịch sử, văn hóa kiến trúc của Đô thị cổ Hội An khá là thuyết phục, tuy nhiên điều kiện để xem xét hồ sơ đệ trình của Hội An, có một số yêu cầu mà trong bộ hồ sơ phải thể hiện đó là: Hội An phải có một cơ quan chuyên môn quản lý di sản văn hóa

[7] Ví dụ như trong Khu phố cổ đã thiết lập một tủ hồ sơ lớn, bao gồm nhiều ngăn/hộc chứa các hộp có kẹp hồ sơ di tích/từng căn nhà chia theo tuyến phố, dãy chẵn, lẻ. Trong kẹp hồ sơ mỗi căn nhà/di tích đều có ảnh chụp, phiếu điều tra, bản vẽ ghi và những tư liệu tài liệu liên quan.

[8] Do nhóm nghiên cứu Hội An thực hiện (*năm 1993 - 1994*), gồm điều tra về di tích kiến trúc (*do Nguyễn Chí Trung phụ trách*); điều tra về tư liệu Folklore (*do Trần Văn An phụ trách*) và điều tra về tư liệu Hán - Nôm (*do Nguyễn Đức Minh phụ trách*).

riêng biệt; phải có kế hoạch quản lý; và phải có quy chế quản lý. Trước những yêu cầu này, Trung tâm Quản lý Bảo tồn di tích Hội An nhanh chóng được thành lập (*vào 10/1996, nhưng đến cuối năm 1997 mới chính thức nhận bàn giao nhiệm vụ, đi vào hoạt động*); về kế hoạch và quy chế quản lý chúng ta đã sớm chủ động triển khai, được phê duyệt, ban hành kịp thời nên kết quả hồ sơ Hội An sớm được tổ chức UNESCO chấp thuận và đúng ngày 4/12/1999 Đô thị cổ Hội An được công nhận là Di sản văn hóa thế giới.

3. Thời kỳ chủ động toàn diện và bài bản (*1999 đến nay*)

Từ năm 1999, sau khi Đô thị cổ Hội An được công nhận Di sản văn hóa thế giới, hoạt động nghiên cứu khoa học ở Hội An được triển khai một cách chủ động, có kế hoạch, khá đồng bộ, tập trung bài bản hơn, với nhiều nguồn kinh phí khác nhau. Riêng nguồn ngân sách thành phố đã chi khá nhiều tỉ đồng, bao gồm cho việc khảo sát, nghiên cứu lập hồ sơ khoa học về di sản văn hóa; xuất bản hơn 40 đầu sách về lịch sử, khảo cổ, về văn hóa ẩm thực, lễ hội, phong tục tập quán, tín ngưỡng, tôn giáo, nghề truyền thống, thông tin về di tích, di sản và hàng chục đơn vị băng đĩa… Số lượng chương trình dự án/đề án, đề tài nghiên cứu khoa học trong thời gian này tăng lên đáng kể. Với 8 chương trình dự án/đề án nghiên cứu khảo sát, điều tra; 4 đề tài ở cấp tỉnh; 9 đề tài cấp ngành (*từ các cơ quan cấp trên*); 6 đề tài cấp thành phố; và gần 30 đề tài cấp cơ sở (*do cơ quan Trung tâm Quản lý Bảo tồn Di sản Văn hóa Hội An quản lý triển khai thực hiện*). Đặc biệt trong thời gian này hướng nghiên cứu được tập trung vào di sản văn hóa phi vật thể và gắn với in ấn, xuất bản, tuyên truyền trên các phương tiên thông tin đại chúng, gắn với công nghệ tin học. Nghiên cứu khoa học ở Hội An còn được thường xuyên trao đổi thông tin kết quả, giới thiệu, tuyên truyền đến với công chúng, nhà khoa học/nghiên cứu bởi từ năm 2008 đến nay đều đặn duy trì thường xuyên, định kỳ: mỗi tuần phối hợp với Đài Phát thanh - Truyền hình Hội An có 1 chuyên mục 15 phút trên sóng FM; 3 tháng 1 kỳ xuất bản tập Thông tin nghiên cứu Bảo tồn Di sản; và thường xuyên đăng tải các bài viết, chuyên khảo của cán bộ cơ quan trên trang website của đơn vị. Đây cũng là một nỗ lực, cố gắng được công chúng, các nhà nghiên cứu/khoa học đón nhận, đánh giá cao, bởi hiếm có ở các khu di sản thế giới và cấp huyện nào làm được như Hội An.

Trung tâm Quản lý Bảo tồn Di sản Văn hóa Hội An, có thể nói là cơ quan cấp huyện duy nhất ở Việt Nam, vừa có một phần chức năng quản lý nhà nước, vừa là cơ quan sự nghiệp về bảo tồn di sản văn hóa, vừa trực tiếp quản lý Di sản văn hóa thế giới, di tích quốc gia đặc biệt - Khu phố cổ Hội An, vừa trực tiếp tham gia thực hiện nhiệm vụ quản lý, bảo tồn di sản văn hóa theo Luật Di sản văn hóa bao gồm Di sản văn hóa vật thể và Di sản văn hóa phi vật thể trên toàn địa bàn thành phố Hội An. Nghĩa là toàn bộ hệ thống di tích lịch sử văn hóa - danh lam thắng cảnh được xếp hạng, hoặc được đưa vào danh mục quản lý (*di tích lịch sử, di tích - dấu tích - sự kiện lịch sử đấu tranh yêu nước cách mạng; di tích khảo cổ, di tích kiến trúc nghệ thuật; các di vật, cổ vật - hệ thống bảo tàng chuyên đề*) và toàn bộ hệ thống các loại hình di

sản văn hóa phi vật thể[9]. Ở đây, toàn bộ việc nghiên cứu lập hồ sơ khoa học xếp hạng di tích và đưa vào danh mục bảo vệ; việc kiểm kê, lập hồ sơ di sản văn hóa phi vật thể; bao gồm cả viết thuyết minh, giới thiệu về di tích, di sản văn hóa Hội An đều do chính cán bộ Hội An trực tiếp thực hiện. Hệ thống di tích - dấu tích ở Hội An cho đến nay hầu hết đều được lập hồ sơ quản lý (*bao gồm: lý lịch di tích, bản vẽ ghi, ảnh chụp kỹ thuật số*) và phần lớn đã được dựng bia - cắm mốc, trích lục sơ đồ đất, thuyết minh/thông tin về di tích - dấu tích và được định vị trên Google map. Từ năm 2004, Trung tâm Quản lý Bảo tồn Di sản Văn hóa Hội An đã triển khai thiết lập phần mềm quản lý di sản và triển khai thiết lập website: hoianheritage.net nhằm vừa phục vụ công tác quản lý, vừa tiện việc thông tin, quảng bá, giới thiệu về Di sản văn hóa Hội An. Trung tâm Quản lý Bảo tồn Di sản Văn hóa Hội An cũng là một cơ quan đã mạnh dạn chủ trì hoặc phối hợp chủ trì, tổ chức nhiều cuộc tọa đàm, hội thảo khoa học với nhiều quy mô khác nhau (*ở địa phương, trong nước và cả quốc tế*), về bảo tồn di sản, về lịch sử - văn hóa... Một nhiệm vụ đặc biệt và cũng khá đặc thù ở Hội An - cấp huyện, nhưng đã tự chủ động thực hiện nhiệm vụ sưu tầm, nghiên cứu, lập hồ sơ khoa học, bảo quản tư liệu - tài liệu, hình ảnh, hiện vật (*di vật, cổ vật*)… và trực tiếp tổ chức trưng bày thông qua hệ thống các bảo tàng chuyên đề với mật độ nhiều nhất ở một khu di sản thế giới, ở cấp huyện trong cả nước. Hệ thống bảo tàng Hội An được hình thành là kết quả của một quá trình 40 năm nghiên cứu, điều tra, khai quật khảo cổ học, dân tộc học, nhân học và về lịch sử - văn hóa Hội An của các lớp thế hệ cán bộ, chuyên môn thuộc Trung tâm Quản lý Bảo tồn Di sản Văn hóa Hội An và bằng nguồn ngân sách đầu tư của thị xã/thành phố Hội An[10]. Tổng số hiện vật trưng bày tại các bảo tàng ở Hội An hiện nay là 3.482 hiện vật và với 8.740 hiện vật kho. Các hiện vật này đã được thiết lập, xây dựng hồ sơ đầy đủ từ lý lịch hiện vật, sổ đăng ký kiểm kê bước đầu, sổ phân loại. Ngoài việc lưu hồ sơ bằng văn bản theo quy định, cán bộ bảo tàng xây dựng phần mềm quản lý, lưu trữ kết nối với phần mềm quản lý di sản của cơ quan (*Trung tâm Quản lý Bảo tồn Di sản Văn hóa Hội An*). Nhờ sự hỗ trợ của công nghệ thông tin mà việc quản lý, lưu trữ và phục vụ công tác thông tin tuyên truyền được thuận lợi. Nhìn chung, hệ thống bảo tàng ở Hội An đã gắn với nhịp sống sôi động trong xã hội, trở nên gần gũi với công chúng và được các nhà nghiên cứu, du

[9] Theo hệ quy định chung về hệ thống quản lý: Cơ quan quản lý các Khu Di sản thế giới ở Việt Nam đều có chức năng nhiệm vụ quản lý trực tiếp Khu di sản. Còn lại hệ thống di tích lịch sử văn hóa - danh lam thắng cảnh, di sản văn hóa phi vật thể theo Luật Di sản văn hóa đều do cơ quan chuyên môn của Sở Văn hóa hoặc Phòng Văn hóa cấp huyện, Ủy ban nhân dân các xã/phường địa phương sở tại trực tiếp quản lý về mặt nhà nước. Nhất là hoạt động nghiên cứu khoa học, nghiên cứu lập hồ sơ khoa học đề nghị công nhận, xếp hạng di tích - di sản văn hóa nói chung ở cấp huyện hầu như rất hiếm, không thực hiện, mà là nhiệm vụ của cấp tỉnh. Nếu có, chỉ làm nhiệm vụ hỗ trợ/phục vụ, giúp đỡ các nhà khoa học, cơ quan nghiên cứu đến làm việc.

[10] Hệ thống Bảo tàng chuyên đề ở Hội An khá đa dạng về cách tiếp cận khác nhau. Ở đây có cách tiếp cận của ngành dân tộc học (*như Bảo tàng Văn hóa dân gian, Bảo tàng Nghề y truyền thống*); khảo cổ học (*như Bảo tàng văn hóa Sa Huỳnh, Bảo tàng Gốm sứ Mậu dịch*); Nhân học - lịch sử văn hóa (*Bảo tàng Đô thị thương cảng Hội An - Bảo tàng Hội An*) hay nhân học - dân tộc học (*Nhà lưu niệm đồng chí Cao Hồng Lãnh, Nhà trưng bày ở Nhà lao Hội An*)... Tuy nhiên các bảo tàng ở Hội An không được hưởng những cơ chế, chính sách như một thiết chế bảo tàng, bởi theo luật Di sản văn hóa, cấp huyện không có bảo tàng.

khách gần xa đến tham quan, nghiên cứu.

4. Bài học và đề xuất

Cần khẳng định rằng, những kết quả đạt được trên lĩnh vực hoạt động nghiên cứu khoa học ở Hội An trong 40 năm qua chính là nhờ vào sự quan tâm hỗ trợ, chỉ đạo của các lớp thế hệ lãnh đạo thành phố Hội An, sự ủng hộ giúp đỡ của các cơ quan chuyên môn, nhà khoa học, bạn bè trong và ngoài nước thông qua các chương trình, đề án/dự án nghiên cứu. Tuy nhiên cũng phải nói rằng, do cơ chế cấp huyện, chế độ lương và đãi ngộ quả là khó để giữ người/giữ cán bộ có nhiều khả năng nghiên cứu, nên cũng không ít các bạn trẻ đã về với Hội An, rồi đành phải di chuyển đến các thành phố khác để có điều kiện phát triển về nhiều mặt hơn. Nhưng cũng phải khẳng định chính nhờ vào sự nỗ lực, bền bỉ, tính năng động, tinh thần say mê khoa học, kiên trì gắn bó với quê hương, với Hội An của các lớp thế hệ cán bộ chuyên môn của Trung tâm Quản lý Bảo tồn Di sản Văn hóa Hội An và đi theo là một số giải pháp chủ động, tích cực của các thế hệ lãnh đạo cơ quan đã tạo điều kiện để nuôi dưỡng phong trào nghiên cứu khoa học, bồi dưỡng nguồn nhân lực tại chỗ. Trước hết đó là luôn quan tâm tạo điều kiện cho anh chị em nâng cao nghiệp vụ thông qua nhiều hình thức: giao nhiệm vụ viết bài tham gia hội thảo cả trong và ngoài nước khi có cơ hội; phân công tham dự các lớp tập huấn chuyên môn phù hợp; đặt nhiệm vụ mỗi cán bộ chuyên môn hàng năm phải có từ 1 - 3 bài viết nghiên cứu; ngoài việc phải nắm bắt chung nhiệm vụ nghiên cứu của cơ quan, tùy vào năng lực, sở trường chuyên môn của mỗi người mà phân công nhiệm vụ nghiên cứu chuyên sâu; tạo điều kiện cho cán bộ chuyên môn tham gia lập đề cương nghiên cứu khoa học tùy khả năng theo từng cấp (*tỉnh, thành phố, và cơ quan*) hoặc làm nhiệm vụ chủ trì các đề án, dự án hoặc được phân công tham gia nghiên cứu, viết chuyên đề, viết bài cho các đề tài, dự án, in ấn xuất bản, tuyên truyền - phát thanh … hoặc có cơ chế tạo điều kiện khuyến khích cán bộ trẻ theo học các lớp đào tạo nâng cao, cả sau đại học, tăng cường các buổi sinh hoạt chuyên đề/báo cáo chuyên đề. Mọi việc trên đều được định hướng, góp ý, hỗ trợ của Hội đồng khoa học/hội đồng chuyên môn của cơ quan từ bước triển khai (*thông qua báo cáo đề cương, dự thảo kế hoạch*) đến khi nghiệm thu kết quả thực hiện. Nhờ vào những hình thức này mà cán bộ chuyên môn không ngừng được trưởng thành, nắm vững về phương pháp, cách thức tổ chức, triển khai thực hiện đề tài và ngày càng say mê nghiên cứu khoa học, nâng cao hiểu biết chuyên môn, tích cực tham gia nghiên cứu khoa học gắn với thực tiễn quản lý. Hơn nữa, đối với cán bộ chuyên môn thông qua hoạt động nghiên cứu khoa học, có sản phẩm khoa học được công bố qua in ấn xuất bản, thấp nhất cũng được đăng tải qua tập Thông tin nghiên cứu Bảo tồn Di sản hoặc trang thông tin điện tử của Trung tâm Quản lý Bảo tồn Di sản Văn hóa Hội An (*sau khi được góp ý chỉnh sửa*). Những phương thức nêu trên, vừa đem lại sự hứng thú về tinh thần, vừa tạo cơ sở được có thu nhập thêm dù ít ỏi về kinh phí, nhưng chính đáng và đáng quý từ sản phẩm khoa học của mỗi cán bộ chuyên môn, đồng thời lực lượng cán bộ tham gia nghiên cứu gắn với nhiệm vụ chuyên môn ngày càng đông đảo. Từ nguồn nhân lực này mà cũng ở Hội An, cấp huyện duy nhất cả nước có hai chi hội

trực thuộc Trung ương Hội đó là: Chi hội Văn nghệ dân gian và Chi hội Hội khoa học lịch sử. Từ 2 chi hội này cũng tập hợp được lực lượng nghiên cứu, có khả năng nghiên cứu ở Hội An và cả tỉnh cùng tham gia đóng góp kết quả nghiên cứu của mình trên nhiều lĩnh vực cho Hội An. Và cũng rất mừng là hiện nay tại Trung tâm Quản lý Bảo tồn Di sản Văn hóa Hội An, đội ngũ cán bộ chuyên môn trẻ khá dồi dào về số lượng và năng lực chuyên môn, trên nhiều lĩnh vực hoạt động nghiên cứu khoa học, đủ năng lực, tầm để tổ chức, triển khai tốt các chương trình, đề tài nghiên cứu, tổ chức in ấn - xuất bản. Tuy nhiên chúng ta đang thiếu một định hướng cụ thể trước những khối lượng đồ sộ về nguồn tư liệu, về công trình nghiên cứu Hội An hiện nay.

Cũng cần phải ghi nhận, hiện nay ở trong nước và ngoài nước cũng có khá nhiều công trình, kết quả nghiên cứu về Hội An thông qua các dự án, chương trình, đề tài nghiên cứu. Bởi các tổ chức, viện, cơ quan nghiên cứu, các trường đại học; bởi từng nhà khoa học/nhà nghiên cứu, nghiên cứu sinh (*tiến sĩ*), học viên (*cao học*), sinh viên (*đại học*); và cũng khá nhiều công trình nghiên cứu, ghi chép, mô tả liên quan đến Hội An của các nhà truyền giáo, thương nhân… các học giả trong và ngoài nước từ thế kỷ 17 đến đầu thế kỷ 20 (*chủ yếu bằng tiếng Pháp, tiếng Hán đã được dịch thuật*)… Tất cả các kết quả trên hầu hết đã được tái bản, xuất bản giới thiệu hoặc lưu trữ với nhiều hình thức khác nhau khá dễ để tiếp cận, nhất là có sự hỗ trợ của công nghệ truyền thông - số hóa. Cùng với thành quả nghiên cứu khoa học 40 năm qua ở Hội An, đặc biệt có công trình/đề tài Nghiên cứu, biên soạn địa chí Hội An với hơn 200 chuyên đề chuyên khảo, tập hợp được khá nhiều tác giả/ học giả ở địa phương, chuyên gia trong nước và ngoài nước tham gia, theo 5 nội dung chính: Sinh thái/tự nhiên, lịch sử, văn hóa, kinh tế - xã hội, chính trị. Đề tài cũng tập hợp được khá nhiều nguồn tư liệu quý từ các Trung tâm lưu trữ quốc gia *(1, 2, 3, 4)* và Viện Nghiên cứu Hán Nôm, cùng các trung tâm lưu trữ, thư viện ở trong nước và nguồn tư liệu Hán Nôm dồi dào ở địa phương. Phần lớn các nguồn tư liệu này đã được dịch thuật, số hóa. Tổng quan những thành quả nói trên, có thể nói kết quả nghiên cứu khoa học về Hội An khá quy mô, đồ sộ trên nhiều lĩnh vực; nhiều vấn đề về lịch sử, văn hóa Hội An đã được làm sáng tỏ. Chúng ta có thể phục dựng được tiến trình lịch sử - văn hóa Hội An từ thời Tiền - Sơ sử, đến thời kỳ văn hóa Champa, Đại Việt, Đại Nam, Việt Nam. Đúng hơn là, nghiên cứu khoa học về Hội An đã được tiếp cận từ nhiều chuyên ngành, liên ngành khoa học: khảo cổ, lịch sử, văn hóa dân gian, dân tộc học, kiến trúc, mỹ thuật, kinh tế, chính trị, xã hội học,… Các loại hình của di tích lịch sử - văn hóa, danh lam thắng cảnh, các thành tố của di sản văn phi vật thể ở Hội An đến nay về cơ bản đã được lập hồ sơ lưu trữ khoa học… Vậy một câu hỏi đặt ra hôm nay là: nghiên cứu khoa học ở Hội An, chúng ta sẽ làm gì trong thời gian đến?

- Việc đầu tiên chúng tôi cho rằng, cơ quan chủ quản/chủ trì khoa học Trung tâm Quản lý Bảo tồn Di sản Văn hóa Hội An cần có đề dẫn (*đánh giá, đề xuất định hướng cụ thể về khảo cổ, lịch sử, văn hóa dân gian,…*) để tổ chức tọa đàm khoa học, lấy phiếu tham khảo các nhà khoa học, nhà nghiên cứu (*với hội viên của 2 Chi hội ở Hội An làm nòng cốt*), đặc biệt nên quan tâm

gắn với đầu tư cho việc xử lý, số hóa nguồn tư liệu lưu trữ. Trên cơ sở kết quả này xây dựng kế hoạch định hướng cho hoạt động nghiên cứu khoa học ở Hội An trong thời gian đến. Tham mưu lãnh đạo thành phố thống nhất chủ trương để có nguồn lực về kinh phí và con người triển khai thực hiện (*theo kế hoạch 5 hoặc 10 năm*).

- Trung tâm Quản lý Bảo tồn Di sản Văn hóa Hội An, không hoặc chưa thay đổi tên gọi (*định danh*) và chức năng, quyền hạn, nhiệm vụ nhưng trong hoạt động khoa học cần hướng đến là một Viện Bảo tồn Di sản Văn hóa Hội An. Nghĩa là phải quan tâm đến tính học thuật. Mọi công tác/hoạt động bảo tồn và phát huy phải đặt vấn đề nghiên cứu khoa học lên hàng đầu. Ví dụ như tu bổ di tích phải được nghiên cứu kỹ lưỡng, cụ thể trước, trong và sau khi tu bổ một cách bài bản, khoa học. Sau đó có báo cáo kết quả nghiên cứu cụ thể, ít nhất từ 5 - 10 di tích cùng loại hình, bằng phương pháp xác suất thống kê đưa ra những chỉ số kỹ thuật khoa học… Tất nhiên không phải hàng ngàn di tích trong Khu phố cổ đều làm như vậy, mà phải có tiêu chí, khảo sát, đánh giá, phân loại chọn lựa định hướng, có kế hoạch từ trước. Hiện nay tiêu chí phân loại giá trị mức độ bảo tồn di tích trong Khu phố cổ đã trải qua hơn 30 năm, theo chúng tôi nên chăng cũng cần nghiên cứu điều chỉnh cho phù hợp.

- Đối với Khu phố cổ Hội An, chắc chắn một quan điểm đúng và xuyên suốt từ khi đặt vấn đề nghiên cứu bảo tồn cho đến này đó là: Khu phố cổ Hội An như một Bảo tàng sống - Bảo tàng lịch sử kiến trúc, dân cư đô thị. Đây là một cách ví von, nhưng có hàm ý về học thuật. "*Bảo tàng*" nghĩa là về mặt học thuật việc giữ gìn, phát huy di sản phố cổ phải được triển khai theo hướng Bảo tồn - Bảo tàng học - có cơ sở khoa học. Tức là, từng đối tượng, lĩnh vực, thành tố cấu thành Khu phố cổ Hội An đều phải được nghiên cứu một cách tỉ mỉ, có kết quả định tính, định lượng cụ thể, trên cơ sở có khảo sát, điều tra xã hội học, có tham vấn của từng nhóm, địa bàn cộng đồng dân cư và tham gia tư vấn của chuyên gia trên từng lĩnh vực. Cần có nghiên cứu kỹ để Khu phố cổ Hội An gồm: Không gian, cảnh quan, cấu trúc, bố cục, hình thể, sắc màu trở về với thế kỷ trước trên nguyên tắc tu bổ, phục hồi, tôn tạo đảm bảo tính chân xác và gắn với con người (*sống*) sinh hoạt hiện tại. Loại bỏ những lắp đặt, những hoạt động trình diễn, biểu diễn, sự kiện… hoặc đưa chúng ra ngoài chí ít là ngoài khu vực 1 của Khu phố cổ. Hãy cuốn hút du khách bằng chính tính chân xác - tính toàn vẹn của di sản văn hóa. Và phải hiểu Khu phố cổ Hội An "*như một bảo tàng sống*" với đúng nghĩa khoa học của nó.

- Các bảo tàng chuyên đề ở Hội An, điều thuận lợi là gắn với, nằm trong Khu phố cổ nên có khách tham quan, tìm hiểu, nhiều năm qua phát huy tốt. Nhưng cần nhìn nhận thực tế là phương thức, phương tiện, kỹ thuật trưng bày theo cách truyền thống đã quá lỗi thời. Tất nhiên do điều kiện nguồn vốn đầu tư, trước mắt cần có kế hoạch đưa Bảo tàng Đô thị thương cảng Hội *An* (*Bảo tàng Hội An*) đổi mới hướng đến ứng dụng công nghệ - kỹ thuật số. Bởi ứng dụng công nghệ mới ngày càng trở nên quan trọng và trở thành trợ thủ đắc lực trong mọi hoạt động của bảo tàng. Đây đang là mục tiêu, là xu hướng mới của hầu hết các bảo tàng trên thế giới◈

QUY ĐỊNH VỀ SỞ HỮU DI TÍCH, QUYỀN VÀ NGHĨA VỤ CỦA CHỦ SỞ HỮU DI TÍCH - MỘT SỐ VẤN ĐỀ THỰC TIỄN GẮN VỚI QUÁ TRÌNH QUẢN LÝ, BẢO TỒN VÀ PHÁT HUY GIÁ TRỊ VÙNG LÕI DI SẢN VĂN HÓA THẾ GIỚI ĐÔ THỊ CỔ HỘI AN

ThS. Phạm Phú Ngọc

Đô thị cổ Hội An được được Bộ Văn hóa quyết định xếp hạng Di tích lịch sử - văn hóa cấp quốc gia vào năm 1985, Thủ tướng Chính phủ quyết định xếp hạng Di tích cấp quốc gia đặc biệt năm 2009 và được tổ chức UNESCO công nhận là Di sản văn hóa thế giới vào năm 1999.

Vùng lõi của di sản là Khu phố cổ, được khoanh vùng bảo vệ thành 02 khu vực: Khu vực I và khu vực II (*gồm có khu vực IIA và IIB*), với tổng diện tích là 130 ha. Bên ngoài phạm vi Khu phố cổ còn có 264 di tích, một số làng nghề truyền thống như: Làng gốm Thanh Hà, mộc Kim Bồng, trồng rau Trà Quế cũng là những bộ phận quan trọng cấu thành của Đô thị cổ Hội An, hiện vẫn còn bảo tồn được cảnh quan sinh thái, văn hóa và nhiều di tích cùng các lễ hội, tín ngưỡng, tập quán truyền thống. Dù trải qua các giai đoạn lịch sử với nhiều thăng trầm, nhưng đến nay hình thái của một đô thị - thương cảng quốc tế vang danh một thời vẫn còn gìn giữ được đậm nét.

Đặc biệt là quần thể kiến trúc Khu phố cổ Hội An vẫn được bảo tồn nguyên vẹn từ cấu trúc tổng thể đến từng công trình di tích trong mối quan hệ hài hòa giữa kiến trúc và cảnh quan. Dù diện tích không lớn nhưng trong Khu phố cổ có đến hàng ngàn di tích đơn lẻ tựa vào nhau tạo nên quần thể kiến trúc độc đáo. Riêng trong khu vực I với diện tích 30 ha nhưng có đến 1.175 di tích kiến trúc nghệ thuật, thuộc các công trình dân dụng (*nhà ở, cầu, giếng, chợ*), công trình tín ngưỡng (*đình, chùa, miếu, hội quán, nhà thờ tộc*) và công trình đặc thù (*mộ*). Mỗi loại hình kiến trúc đều có những đặc điểm, sắc thái riêng nhưng đó là sự kết hợp hài hòa giữa không gian, bố cục và sự đan quyện tài tình giữa các phong cách kiến trúc Việt - Hoa - Nhật - Phương Tây và đều góp phần tăng thêm tính phong phú, đa dạng văn hóa của Đô thị cổ Hội An. Những đường phố nhỏ, mái chùa cong uyển chuyển, tường nhà so le trồi thụt, mái ngói âm dương nhấp nhô, bờ nóc giật cấp mềm mại, ngõ hẻm thâm trầm rêu phong, đôi mắt cửa huyền bí, hoa văn chạm trổ tuyệt nghệ... làm cho "*vẻ đẹp không trùng lặp*" của phố cổ Hội An chứa đựng trong sự phong phú của các thể dáng kiến trúc, những cái điển hình gắn kết trong sự đa thể, đồng thời được tô điểm ở sự kết dính hoàn hảo từng di tích với nhau.

Một góc phố cổ Hội An - Ảnh: Hồng Việt

So với các di sản văn hóa khác ở Việt Nam, Khu phố cổ Hội An được đánh giá với ý nghĩa: như một "*Bảo tàng sống*", "*Bảo tàng về lịch sử kiến trúc, dân cư đô thị*". Ở đó là không gian diễn ra hoạt động sinh hoạt thường ngày của người dân - họ đồng thời cũng là chủ sở hữu phần lớn các di tích. Hiện trạng sở hữu di tích trong Khu phố cổ là đa chủ thể, gồm có sở hữu nhà nước, sở hữu tập thể (*tộc họ, cộng đồng, bang hội*) và sở hữu tư nhân; trong đó sở hữu của tư nhân là chủ yếu và tập trung ở loại hình nhà ở. Số liệu thống kê trong khu vực I cho thấy: Di tích thuộc sở hữu tư nhân chiếm 82,3%, di tích thuộc sở hữu cộng đồng chiếm 1,2%, di tích thuộc sở hữu nhà nước chiếm 16,5%. Riêng phường Minh An - là phường trung tâm của Khu phố cổ có tổng cộng 865 di tích, trong đó 96% di tích thuộc loại hình nhà ở; về sở hữu: Có đến 693 di tích thuộc sở hữu tư nhân, chiếm 80,11%, sở hữu nhà nước có 164 di tích, chiếm 18,95%, sở hữu tập thể có 8 di tích, chiếm 0,94%.

Như vậy phần lớn (*hơn 80%*) di tích trong Khu phố cổ thuộc về quyền sở hữu của tư nhân và tập thể. Chủ nhân thực sự của di sản là chủ sở hữu các di tích. Họ không chỉ là chủ nhân nắm giữ các di tích mà còn đang thực hành, bảo lưu các giá trị di sản văn hóa phi vật thể, gìn giữ "*phần hồn*" của di sản với những tập quán xã hội truyền thống của cư dân đô thị, những món ăn truyền thống, những lễ hội văn hóa cộng đồng… Sự mất - còn của di sản phụ thuộc vào ý thức, sự đồng hành của các chủ sở hữu. Vì thế yêu cầu các quy định của nhà nước, nhất là Luật

Di sản Văn hóa cần có những quy định cụ thể, có tính đặc thù về vấn đề sở hữu di tích, quy định rõ quyền và nghĩa vụ của chủ sở hữu di tích để đảm bảo vấn đề về mặt quản lý nhà nước và thực thi các giải pháp quản lý, bảo tồn, phát huy giá trị di sản được hiệu quả, nhằm đạt được mục tiêu vừa bảo tồn và phát huy tốt giá trị di sản, vừa giải quyết được quyền và nghĩa vụ hợp pháp của công dân theo quy định của pháp luật, đảm bảo hài hòa lợi ích mang lại từ di sản với việc thực hiện nghĩa vụ bảo vệ di sản của chủ sở hữu.

Thực tiễn ở Hội An trong thời gian qua đã có nhiều giải pháp tập trung để giải quyết hài hòa mối quan hệ này. Quan trọng hàng đầu là hoạt động tuyên truyền, giáo dục được đẩy mạnh bằng nhiều hình thức đã giúp cho chủ sở hữu di tích nhận thức sâu sắc giá trị di sản mình đang nắm giữ, dần dần bồi đắp lòng trân quý đối với di sản, ý thức rằng di sản đó không chỉ thuộc quyền sở hữu của bản thân họ, là giá trị kinh tế mang lại cho cuộc sống hiện tại của họ, mà di tích đó còn là tài sản được nhiều thế hệ đi trước lưu truyền từ quá khứ, cần có trách nhiệm gìn giữ lại cho thế hệ mai sau. Nhờ đó mà mọi chính sách bảo tồn di sản đề ra đều được chủ sở hữu đồng thuận, hưởng ứng tích cực. Khu phố cổ được bảo tồn và phát huy tốt - là điểm du lịch hấp dẫn, nổi tiếng trong và ngoài nước. Cũng từ đó đã giúp nâng cao giá trị di tích của chủ sở hữu, giúp chủ sở hữu di tích hưởng lợi từ các hoạt động thương mại - dịch vụ - du lịch thông qua việc tự kinh doanh hoặc cho thuê mặt bằng kinh doanh. Song song với đó, nhiều chính sách, giải pháp phát huy quyền và nghĩa vụ của chủ sở hữu di tích cũng được thực hiện, hiệu quả nhất là ban hành Cơ chế hỗ trợ kinh phí tu bổ, sửa chữa - cải tạo công trình, nhà ở riêng lẻ thuộc sở hữu tư nhân - tập thể. Theo đó, tùy theo giá trị và vị trí di tích, chủ sở hữu di tích phải có giấy tờ hợp pháp về quyền sử dụng đất và sở hữu nhà, đồng thời nhà và đất chưa qua mua bán, chuyển nhượng từ năm 1999 trở về sau sẽ được Nhà nước hỗ trợ từ 40 - 75% kinh phí đầu tư khi chủ sở hữu tiến hành tu bổ di tích. Các trường hợp được hỗ trợ đều được cơ quan chuyên môn là Trung tâm Quản lý Bảo tồn Di sản Văn hóa Hội An tư vấn hỗ trợ kỹ thuật hoặc làm chủ đầu tư nhằm đảm bảo thủ tục đầu tư, giải pháp thi công theo nguyên tắc bảo tồn tính chân xác, nguyên vẹn của di tích. Các trường hợp chủ di tích xin phép tu bổ di tích cũng được Trung tâm kiểm tra, cấp phép, giám sát và hướng dẫn chủ di tích thực hiện theo nội dung được cấp, đảm bảo quy định của Quy chế đã được ban hành.

Bên cạnh đó, liên quan đến vấn đề sở hữu di tích, quyền và nghĩa vụ của chủ di tích ở Khu phố cổ Hội An nảy sinh từ thực tiễn có những vấn đề chủ yếu sau:

- Tình trạng mua bán, chuyển nhượng nhà ở thuộc sở hữu tư nhân có chiều hướng gia tăng làm thay đổi chủ sở hữu di tích. Việc mua bán, chuyển nhượng là quyền của chủ sở hữu được pháp luật bảo vệ, nhưng đối với việc mua bán, chuyển nhượng là di tích thì bên cạnh thay đổi chủ sở hữu còn dẫn đến tình trạng biến đổi chức năng cấu trúc, không gian của các di tích, ảnh hưởng đến việc gìn giữ *"phần hồn"* của di tích, sự bảo tồn toàn vẹn giá trị văn hóa chung (*vật thể và phi vật thể*) của

Khu phố cổ. Đặc biệt đối với các di tích có giá trị cao (*được phân loại đặc biệt, loại I*) - khi có thay đổi chủ sở hữu sẽ dẫn đến nguy cơ cao suy giảm mạnh giá trị di tích. Trong khi đó, hiện nay vẫn chưa có cơ chế để chủ di tích ưu tiên chuyển nhượng lại cho nhà nước/để nhà nước được ưu tiên mua lại nhằm mục đích bảo vệ di tích đó.

- Các vấn đề về: Mua bán, chuyển nhượng nhà ở thuộc sở hữu tư nhân; cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất và tách thửa của di tích thuộc sở hữu tư nhân và tập thể được thực hiện theo quy định pháp luật, nhưng trong các thủ tục hiện hành không có quy định thông qua cơ quan quản lý di sản nên cơ quan quản lý di sản không được cập nhật, nắm bắt tình hình di tích trong công tác quản lý.

- Những di tích sở hữu cộng đồng (*đình, miếu, hội quán*) khó xác định chủ thể để thực hiện thủ tục cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất.

- Để bảo tồn nguyên trạng vùng lõi di sản (*khu vực I của Khu phố cổ*), từ trước đến nay các thửa đất trong khu vực I của Khu phố cổ không được tách thửa. Tuy nhiên quy định pháp luật hiện hành chưa có quy định cụ thể để đảm báo tính pháp lý thực thi vấn đề này.

- Những di tích có đồng sở hữu gặp khó khăn trong việc xác định quyền thừa kế, xác định người đại diện để thực hiện các thủ tục hành chính trong việc bảo vệ di tích, như trong việc huy động kinh phí tu bổ di tích khi bị xuống cấp, thực hiện quyền giao dịch dân sự liên quan đến di tích…

- Trong khi "*phần hồn*" của Khu phố cổ đang bị đe dọa, trở thành nguy cơ lớn đối với Khu phố cổ thì thực tế có nhiều gia đình là cư dân bản địa đã thuê nhà sở hữu nhà nước, sinh sống trong Khu phố cổ nhiều năm góp phần gìn giữ "*phần hồn*" của Khu phố cổ nhưng theo quy định hiện hành, giá thuê nhà ở hiện nay quá cao so với khả năng của họ nên không thể khuyến khích họ ở lại sinh sống trong Khu phố cổ.

- Thực tế không hẳn toàn bộ chủ sở hữu di tích trong Khu phố cổ (*kể cả nhiều di tích ngoài Khu phố cổ sau khi được xếp hạng/bảo vệ để đưa vào đối tượng quản lý theo Luật Di sản Văn hóa*), do không thể/chưa có cơ hội tạo ra hoạt động phát huy nên chủ di tích không có nguồn lợi từ di tích, trong khi chủ di tích phải thực hiện nghĩa vụ bảo vệ di tích nghiêm ngặt theo quy định.

Từ thực tế ở Hội An cho thấy quy định về sở hữu di tích, quy định quyền và nghĩa vụ của chủ sở hữu di tích trong quy định pháp luật nói chung, đặc biệt là Luật Di sản Văn hóa nói riêng là nội dung quan trọng, có ý nghĩa chi phối các mối quan hệ hoạt động trong lĩnh vực quản lý, bảo tồn, phát huy di tích. Do vậy trong dự thảo Luật Di sản văn hóa (*Sửa đổi, bổ sung*) sắp đến cần bổ sung thêm các thuật ngữ: "*Chủ sở hữu di tích*", "*Đại diện chủ sở hữu di tích*", "*Tổ chức, cá nhân được giao quản lý di tích*", "*Đô thị di sản*". Có như vậy, một số vấn đề khó khăn, bất cập của Đô thị cổ Hội An nói chung, những nảy sinh liên quan đến sở hữu di tích, quyền và nghĩa vụ của chủ sở hữu di tích nêu trên sẽ có cơ sở pháp lý thực hiện nhiệm vụ quản lý, bảo tồn và phát huy giá trị di sản được hiệu quả hơn◈

BẢO TỒN KHU PHỐ CỔ HỘI AN VÀ VẤN ĐỀ XÃ HỘI HÓA

NNC. Nguyễn Đức Minh

Theo số liệu thống kê, hiện nay trên địa bàn thành phố Hội An có 1.439 di tích thuộc đủ 4 loại hình quy định tại Luật Di sản văn hóa. Quần thể di tích Khu phố cổ Hội An đươc khoanh vùng bảo vệ thành 2 khu vực, khu vực I là khu vực bảo vệ nguyên trạng và khu vực II (*được chia làm khu vực IIA và IIB*) là vùng bao quanh khu vực I, giữ chức năng bảo vệ cảnh quan và môi trường - sinh thái. Tại khu vực I Khu Phố cổ có 1.175 di tích, trong đó sở hữu tư nhân và tập thể chiếm 82,3%, sở hữu cộng đồng chiếm 1,2%, sở hữu nhà nước chiêm 16,5%.

Trong các công trình kiến trúc, kết cấu chung là hệ chịu lực chủ yếu bằng gỗ, xung quanh có tường bao che bằng gạch vữa vôi truyền thống, vừa có tác dụng hỗ trợ chịu lực, vừa đảm bảo chống mưa nắng,... mái lợp ngói âm dương. Do được xây dựng từ lâu lại liên tục được các chủ sở hữu tu bổ không đồng bộ, hư đâu thay đấy, nhiều công trình kiến trúc nằm trong tình trạng kỹ thuật đã xuống cấp. Mặt khác, do khu phố được thiết lập ở vùng đất bồi ven sông nên có nền địa chất không ổn định. Hàng năm, ảnh hưởng bởi sự chuyển dời, bồi lấp của dòng sông, cửa biển phổ biến thường xảy ra hiện tượng sạt lở, lũ lụt (*mỗi lần ngập từ 3 - 4 ngày*). Như vậy, trên nền móng kém bền vững lại bị đe dọa trước các áp lực về môi trường (*khí hậu nóng ẩm, mưa nhiều, mối mọt,...*), thiên tai (*mưa bão, lũ lụt...*), áp lực về xu thế đô thị hóa, công nghiệp hóa, về ảnh hưởng của phát triển du lịch... và gần đây lại bị tác động lớn, rất rõ của các hiện tượng biến đổi khí hậu, những tác động của hàng chục công trình thủy điện ở thượng nguồn nên những nguy cơ đe doạ sự mất còn của Khu phố cổ Hội An khó có thể lường trước. Từ đầu năm 1986, Ban Quản lý Di tích và Dịch vụ Du lịch Hội An (*sau này là Trung tâm Quản lý Bảo tồn Di sản Văn hóa Hội An*) đã được thành lập trực thuộc UBND thị xã Hội An (*nay là thành phố Hội An*). Đây là cơ quan chuyên ngành về bảo tồn di sản và tổ chức các hoạt động du lịch đầu tiên trên đất Hội An. Thành phố cũng cho lập hồ sơ khoa học, điều tra, vẽ ghi chi tiết về các di tích kiến trúc ở Hội An. Bên cạnh việc phân loại giá trị bảo tồn, còn phân loại cụ thể về tình trạng kỹ thuật của các di tích, thường xuyên kiểm tra sự xuống cấp của di tích để định ra kế hoạch trùng tu, tôn tạo, đồng thời xây dựng, lấy ý kiến đóng góp của người dân để ban hành quy chế, quy trình về quản lý bảo tồn các di tích ở Khu phố cổ, trong đó coi trọng việc xác định khoanh vùng các khu vực bảo vệ, phân loại mức độ giá trị bảo tồn cho các di tích kiến trúc từ loại đặc biệt đến loại 4, nhằm có cơ chế, sự đầu tư thích hợp cho việc bảo tồn.

Kinh phí tu bổ di tích hàng năm chủ yếu từ các nguồn: Chương trình mục tiêu của Bộ Văn hóa, ngân sách của tỉnh, quỹ thu bán vé tham quan tại thành phố và những đóng góp của chính người đang có quyền sở hữu di tích. Trước khối lượng di tích thuộc sở hữu tập thể, tư nhân quá lớn, chủ trương đẩy mạnh xã hội hóa đã được đưa ra như một biện pháp nhằm bảo tồn vững chắc, lâu dài di tích. Một loạt các văn bản pháp quy được ban hành như: *Quy chế quản lý, bảo tồn, sử dụng di tích trong Khu phố cổ Hội An, Quy chế quản lý hoạt động quảng cáo, viết đặt biển hiệu trên địa bàn thị xã Hội An, Quy chế hoạt động tham quan du lịch trên địa bàn thị xã Hội An, Quy chế quản lý hoạt động sản xuất, kinh doanh hàng hóa, dịch vụ thương mại trong khu phố cổ và một số vùng phụ cận,…* Gần đây, ngày 18/12/2020, UBND tỉnh Quảng Nam có Quyết định số 19/2020/QĐ-UBND, ban hành *Quy chế bảo vệ Di sản văn hóa thế giới Khu Phố cổ Hội An* đã dần đi vào đời sống và phát huy tác dụng. Các lực lượng quản lý hoạt động tu bổ di tích đã tích cực bám sát nhân dân để tư vấn kỹ thuật, thủ tục tu bổ di tích. Đối với các di tích đang chờ kinh phí tu bổ lớn, hàng năm được dùng ngân sách để chống đỡ, gia cố, tránh tình trạng sập đổ bất thường.

Tu bổ nhà thờ tộc Phạm, số 58/9 Lê Lợi - Ảnh: Hồng Việt

Nhằm giảm mật độ dân số trong Khu phố cổ, thành phố dành quỹ đất xây dựng các khu dân cư mới ở ngoại vi tạo điều kiện di dời bớt các hộ đông người. Quan điểm chung của Hội An trong bảo tồn là tìm mọi cách giữ gìn nguyên vẹn và lâu dài Khu phố cổ trong mô hình một thiết chế lịch sử - văn hóa - nhân văn - kiến trúc chỉnh thể. Đồng thời vẫn đáp ứng được nhu cầu cuộc sống hiện đại của cộng đồng dân cư theo nguyên tắc song hành tồn tại cùng di tích trong môi trường - sinh thái - nhân văn mà trọng tâm là Sinh thái - Văn hóa - Du lịch. Theo hướng gắn kết giữa khu di sản với các làng quê - làng nghề truyền thống, với việc bảo tồn di sản văn hóa vùng ven, với việc phát huy khai thác, tái sử dụng di tích, phát triển du lịch tạo đà thúc đẩy xã hội hóa trong sự nghiệp bảo tồn di sản văn hóa có sự cân bằng giữa bảo tồn và phát triển kinh tế.

Đứng trước tình hình di tích thuộc sở hữu tư nhân, tập thể chiếm số lượng, tỉ lệ lớn, nhận thức và lợi ích của các chủ di tích vẫn tồn tại những phức tạp, không phải bao giờ tất cả mọi người cũng thống nhất với các nguyên tắc bảo

tồn thì chủ trương xã hội hóa trong bảo tồn di sản thực sự khó khăn và phức tạp. Ngay từ những năm 90 của thế kỷ 20, một số chuyên gia bảo tồn di tích của Nhật Bản, UNESCO đã từng khuyến cáo rằng khi người dân giàu lên, nhiều người sẽ tự tu sửa di tích theo ý mình, nếu không có những động thái ứng phó trước trong tâm lý và nhận thức, chính chủ di tích sẽ phá di tích. Những lời khuyên của họ xuất phát từ thực trạng quần thể kiến trúc Khu phố cổ Hội An là tổng thể di tích với ý nghĩa một bảo tàng sống, là nơi cư trú, bán buôn, sáng tạo và lưu giữ các giá trị văn hóa của người Hội An qua bao thế hệ hiện vẫn đang tiếp diễn cuộc sống đời thường trong sự đối kháng va chạm tiếp biến văn hóa giữa thực tế và nhu cầu đương đại của cuộc sống. Các nhà khoa học cũng lưu ý rằng, những ngôi nhà gỗ thế kỷ 19 trở về trước có bố cục không gian gây khá nhiều trở ngại, không phù hợp đối với con người đầu thế kỷ 21 hiện nay khi sống trong những ngôi nhà đó đang cần những phương tiện hiện đại phục vụ sinh hoạt, buôn bán, trưng bày sản phẩm... Một ngôi nhà thuộc sở hữu tư nhân trong Khu phố cổ, về mặt văn hóa là di tích nhưng về quyền sử dụng thì lại là tài sản riêng của họ, về đô thị thì các ngôi nhà ấy lại thuộc phạm vi cơ chế kết nối điều chỉnh sự tồn tại và phát triển nhất là trong hoàn cảnh diễn biến không ngừng nghỉ của xu hướng đô thị hóa. Để có thể thực hiện việc dung hòa quyền lợi, trách nhiệm giữa cá nhân với lợi ích chung của quốc gia, thành phố đã huy động cả hệ thống chính trị vào cuộc, tăng cường vận động, truyền thông trong cộng đồng dân cư nhằm tiến đến sự đồng thuận, nhận thức đúng để có trách nhiệm cao, tích cực thuận theo sự chỉ dẫn của chuyên môn và tự giác chấp hành nghiệp vụ trong công tác tu bổ di tích. Theo thống kê, trong 10 năm đầu (*1985 - 1996*), ở thời giá lúc đó, Hội An chỉ nhận được tài trợ từ Trung ương và Nhật Bản khoảng 60 triệu đồng cho tu bổ di tích. Trong thời gian gần đây (*1997 - 2017*), tổng số kinh phí cho các dự án tu bổ di tích ở Hội An là 216 tỉ đồng, trong đó từ Trung ương và tỉnh 39,21 tỉ đồng, thành phố vừa trực tiếp đầu tư cho các di tích 138 tỉ đồng, vừa hỗ trợ nhân dân 16,4 tỉ đồng, các tổ chức quốc tế và nước ngoài hỗ trợ 4,89 tỉ đồng, nhân dân đóng góp 17,5 tỉ đồng. Với kinh phí trên đã triển khai lớn nhỏ 561 lượt tu bổ di tích, trọng tâm vẫn là Khu phố cổ. Chưa kể số kinh phí các chủ di tích - nhà ở, các cơ sở tôn giáo được cấp giấy phép tự đầu tư tu bổ hàng năm (*theo số liệu bình quân mỗi năm có gần 200 lượt được cấp giấy phép sửa chữa, tu bổ*). Trong 6 năm (*2017 - 2022*), tổng kinh phí đầu tư từ nhiều nguồn cho tu bổ di tích khoảng 148,4 tỉ đồng[1]. Đặc biệt, với danh hiệu di sản, các dịch vụ thương mại - du lịch phát triển rầm rộ giải quyết công ăn việc làm cho hàng vạn người, nhiều chủ di tích có tiền đã tự đầu tư tu bổ hoặc phục dựng chính ngôi nhà mình (*cũng là di tích*) đến hơn 500 tỉ đồng.

Riêng việc chủ di tích tự chủ trì tu bổ di tích, thành phố có chính sách hỗ trợ kinh phí phù hợp theo tỷ lệ cho từng loại như sau:

[1] Thống kê của Trung tâm Quản lý Bảo tồn Di sản Văn hóa Hội An

Tỷ lệ hỗ trợ kinh phí tu bổ di tích thuộc sở hữu tập thể, tư nhân: (%)

Loại di tích	**Nhà dọc trục đường chính**		**Nhà trong kiệt, hẻm**	
	Nhà nước hỗ trợ	Chủ sở hữu đầu tư	Nhà nước hỗ trợ	Chủ sở hữu đầu tư
Loại đặc biệt	60	40	75	25
Loại I và II	45	55	65	35
Loại III và IV	40	60	60	40

Để tạo điều kiện cho việc góp vốn của các chủ di tích, thành phố đã lập dự án tạo nguồn cho chủ sở hữu vay vốn ưu đãi tối đa để tự trùng tu di tích của mình. Việc tham mưu cấp phép, giám sát sửa chữa, trùng tu di tích có sự phối hợp đồng bộ giữa các cơ quan chức năng. Các hồ sơ liên quan đến việc trùng tu từng di tích đều đươc tập hợp, lưu trữ tại Trung tâm Quản lý Bảo tồn Di sản Văn hóa phục vụ theo dõi đối chứng lâu dài. Để chủ động hỗ trợ chuyên môn cho tu bổ di tích bằng chính lực lượng địa phương, thị xã *(sau này là thành phố)* đã hỗ trợ kinh phí cho các cơ sở mua thêm dụng cụ, phôi liệu, tổ chức mời nghệ nhân giàu kinh nghiệm trực tiếp giảng dạy, truyền nghề về chạm trổ, khôi phục nghề mộc truyền thống Kim Bồng. Nhờ vậy, hàng trăm thợ trẻ có tay nghề được bổ sung vào đội ngũ đáp ứng phục vụ trùng tu các di tích trong Khu phố cổ.

Ngoài vấn đề kỹ thuật - tay nghề, địa phương còn chú trọng việc vận động nhân dân khôi phục sản xuất, sử dụng các loại vật liệu truyền thống như vôi, gạch, ngói, gỗ,... nhằm bảo tồn tối đa các yếu tố nguyên gốc, loại trừ dần các yếu tố hiện đại, từng bước đưa Khu phố cổ trở về với nguyên trạng hơn. Gần đây, những di tích thuộc sở hữu tập thể (*tộc họ*) do thiếu nhất quán trong việc đóng góp kinh phí tu bổ làm cho di tích kéo dài tình trạng xuống cấp rất nguy hiểm, vì vậy thành phố đã áp dụng cách thức đầu tư toàn bộ kinh phí để tu bổ di tích, chủ di tích ủy quyền lại cơ quan chức năng của thành phố phát huy giá trị của di tích để thu hồi phần kinh phí mà đáng ra chủ di tích phải đóng góp. Sau thời hạn số năm đã cam kết, chủ di tích sẽ toàn quyền sử dụng, phát huy giá trị di tích. Phương pháp này vừa bảo tồn được di tích, vừa đảm bảo duy trì được trách nhiệm và quyền sở hữu của nhân dân. Tuy mới áp dụng thí điểm ở nhà thờ tộc Lâm, số 120 Trần Phú từ năm 2015, với kinh phí gần 2 tỷ đồng *(đại diện tộc họ thống nhất ủy quyền lại cho nhà nước đầu tư tu bổ hoàn toàn và cho thuê kinh doanh phần mặt tiền. Sau khi thu đủ kinh phí để trả lại nhà nước (phần mà đúng ra tộc họ phải đóng góp) thì tộc họ sẽ toàn quyền sử dụng di tích)* nhưng đã được các cấp lãnh đạo và nhân dân đồng tình đánh giá cao, cho đây là sáng tạo mẫu hình mới về xã hội hóa trong bảo tồn di tích của cộng đồng.

Một góc phố cổ Hội An - Ảnh: Quang Ngọc

Các biện pháp truyền thông khác như nghiên cứu khoa học, xuất bản ấn phẩm về lịch sử, khảo cổ, về văn hóa ẩm thực, lễ hội, phong tục tập quán, tín ngưỡng, nghề truyền thống; quay phim, chụp ảnh về di sản được thực hiện đồng bộ, hiệu quả. Ngoài ra, đã thiết lập 6 bảo tàng, nhà lưu niệm, trưng bày, lưu giữ gần 10 ngàn hiện vật, hàng năm đón gần 1 triệu lượt khách tham quan, nghiên cứu. Trong các năm qua, Hội An còn tăng cường xây dựng, nâng cao các sản phẩm du lịch độc đáo: Đêm phố cổ, phố đi bộ, phố không động cơ, chợ đêm,... gắn với nhiều lễ lệ, lễ hội, trong đó "*Lễ hội truyền thống, tập quán xã hội và tín ngưỡng Tết Nguyên tiêu Hội An*", "*Lễ hội truyền thống, tập quán xã hội và tín ngưỡng Tết Trung thu ở Hội An*" vừa được Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch công nhận là Di sản Văn hóa phi vật thể quốc gia. Mặt khác, Hội An cũng chú trọng xây dựng nhiều tuyến tham quan sông nước, làng quê, làng nghề truyền thống, biển - đảo,... gắn Khu phố cổ với Cù Lao Chàm trong tổng thể Khu Dự trữ sinh quyển thế giới Cù Lao Chàm - Hội An. Chính việc tổ chức những lễ hội, những sự kiện văn hóa và sáng tạo các sản phẩm du lịch hướng đến nguồn thu cho cộng đồng là biện pháp nâng cao khả năng tự tu bổ di tích trong dân. Phát huy thế mạnh một địa phương nhỏ bé nhưng có đến 3 di sản được thế giới tôn vinh[2]. Mới đây, trong dịp kỷ niệm Ngày các thành phố thế giới (*31/10/2023*), Tổng Giám đốc UNESCO đã ký quyết định công nhận Đà Lạt và Hội An của Việt Nam cùng 53 thành phố khác trên toàn thế giới chính thức gia nhập Mạng lưới "*Các thành phố sáng tạo của UNESCO (UCCN)*". Hội An cũng đã thực hiện nhiều hoạt động hợp tác, giao lưu văn hóa, kết nghĩa, lưu diễn nghệ thuật giữa Hội An với nhiều địa phương trong, ngoài nước như Hồng Kông - Trung Quốc, Ý, Thái Lan, Đức, Nhật Bản, Hàn Quốc,... đưa chủ trương "*ngoại giao văn hóa*", "*ngoại giao nhân dân*" trở thành động lực thúc đẩy nâng tầm giá trị Di sản Hội An thêm hấp dẫn, độc đáo thu hút đông đảo du khách tham quan, hưởng thụ, từ đó tác động mạnh đến nhận thức của người dân.

Công tác xã hội hóa trong bảo tồn di tích Khu phố cổ Hội An không phải là lý thuyết hoặc chỉ một vài biện pháp mà cần hiểu là được tiến hành nhiều biện pháp đồng bộ, tất cả lồng ghép thành một thể thống nhất, được cộng đồng dân cư chủ sở hữu di tích đồng tình ủng hộ, thể hiện thái độ cùng lo, cùng trách

[2] Khu Phố cổ Hội An, Khu Dự trữ sinh quyển thế giới Cù Lao Chàm - Hội An, đồng sở hữu Nghệ thuật Bài chòi Trung bộ

nhiệm. Kết quả là quần thể kiến trúc Khu phố cổ nói riêng, di sản văn hóa Hội An nói chung được quản lý, bảo tồn và phát huy ngày càng tốt hơn, có hiệu quả hơn, được UNESCO và các tổ chức quốc tế đánh giá cao. Tính đến tháng 11/2023, các tổ chức về du lịch trên thế giới đã vinh danh 76 danh hiệu cho Di sản Hội An[3]. Điều quan trọng nhất vẫn là Di sản văn hóa Hội An mà hạt nhân là Khu phố cổ đã thực sự trở thành động lực của sự phát triển kinh tế - xã hội của Hội An, góp phần đắc lực vào sự phát triển của ngành kinh tế du lịch - dịch vụ Hội An. Nếu năm 1999 chỉ có 160.000 lượt khách tham quan thì đến năm 2019 con số này đã lên đến 5,35 triệu lượt khách[4]. Tuy nhiên, do ảnh hưởng dịch COVID những năm 2000 - 2023 lượng khách đến có sụt giảm. Năm 1999[5] thành phố Hội An có 22 cơ sở khách sạn, nhà nghỉ, đến nay, tính đến thời điểm 31/10/2023[6] toàn thành phố có 856 cơ sở với 12.684 phòng. Trong đó, loại hình khách sạn: 167 cơ sở với 8.653 phòng, loại hình biệt thự du lịch: 267 cơ sở với 2.219 phòng, loại hình homestay: 415 cơ sở với 1.638 phòng, loại hình nhà nghỉ: 6 cơ sở với 118 phòng, loại hình khác (*phân viện*): 01 cơ sở với 56 phòng.

Từ Phố cổ đến thôn quê nhà nhà đều tham gia làm kinh tế trên các lĩnh vực dịch vụ, du lịch, thương mại, đưa hoạt động du lịch dịch vụ ở Hội An trở thành ngành kinh tế mũi nhọn.

Trước thành quả của công việc bảo tồn, nhiều nhà khoa học đã chung nhận xét "*Hội An đã trở thành một trong những trường hợp thành công nhất ở Việt Nam trong việc đảm bảo sự tồn tại lâu dài của các di sản văn hóa và nâng cao chất lượng của cuộc sống người dân bằng định hướng phát triển du lịch. Lý do của thành công này là ở chỗ Hội An có một hệ thống các chính sách liên kết chặt chẽ quản lý di sản văn hóa và phát triển du lịch*". Nên: "*Những người dân Hội An - và tất cả những người đã ủng hộ họ về tầm nhìn đã mang quá khứ vào tương lai, về cam kết những tiêu chuẩn kỹ thuật cao nhất của công tác bảo tồn di sản. Kết quả này là cả sự tuyệt vời và mẫu mực,chắc chắn rằng Di sản văn hóa cùng cộng đồng dân cư của phố cổ xinh đẹp này sẽ không bao giờ mất đi...*"[7]

Bài học kinh nghiệm từ việc xã hội hóa trong bảo tồn di tích Khu phố cổ Hội An chính là mối quan hệ lợi ích giữa nhà nước và nhân dân, nói cụ thể hơn là kết quả sự liên kết của 5 nhà: Nhà nước - Nhà doanh nghiệp - Nhà khoa học - Nhà truyền thông - Cộng đồng nhân dân. Mối quan hệ biện chứng giữa việc bảo tồn tối đa các yếu tố nguyên gốc trong kiến trúc truyền thống với việc đáp ứng tối ưu các nhu cầu sống của cư dân đương đại đã được giải quyết một cách bền vững, hài hòa, trong đó vấn đề mấu chốt là các chủ trương, chính sách của Hội An về việc quản lý, bảo tồn và phát huy di sản văn hóa Hội An luôn sát đúng với thực tiễn nên đã được cộng đồng nhân dân đồng thuận và tích cực hưởng ứng thực hiện. Ngược lại, người dân khi thấy rõ lợi ích thiết thực từ việc bảo tồn di tích mới tha thiết với di tích để tìm mọi cách bảo vệ, giữ gìn◈

[3] Thống kê của Trung tâm VHTT-TTTH Hội An

[4] https://baoquangnam.vn/du-lich/nam-2019-hoi-an-don-535-trieu-luot-khach-du-lich-82873.html

[5] Niên giám thống kê Hội An, 1999.

[6] Theo thống kê của Phòng Văn hóa Thông tin Hội An

[7] Ông Richard Engelhardt - nguyên Cố vấn Văn hóa UNESCO Khu vực châu Á Thái Bình Dương

PHÁT HUY GIÁ TRỊ LÀNG GỐM THANH HÀ GẮN VỚI PHÁT TRIỂN DU LỊCH

ThS. Phạm Phú Ngọc
KTS. Trần Thanh Hoàng Phúc

Bên cạnh Khu phố cổ, Hội An còn được biết đến với các làng nghề truyền thống có lịch sử lâu đời, còn bảo tồn được cảnh quan sinh thái, văn hóa, nhiều di tích và các lễ hội, tín ngưỡng, tập quán truyền thống, đó là làng gốm Thanh Hà, làng mộc Kim Bồng và làng rau Trà Quế. Bảo tồn, phát huy giá trị làng nghề cũng đồng nghĩa với việc bảo tồn, phát huy các giá trị di sản văn hóa đặc trưng. Một trong những phương pháp phát huy giá trị di sản hiệu quả nhất là gắn với hoạt động du lịch. Phát triển du lịch và các dịch vụ đi kèm giúp đem lại lợi ích về kinh tế - xã hội cho địa phương, đồng thời giải quyết việc làm, nâng cao thu nhập, cải thiện đời sống kinh tế của người dân khu vực làng nghề. Nghề truyền thống giúp đem lại sinh kế ổn định thì người dân mới yên tâm theo nghề, duy trì, gắn bó với nghề, và thêm yêu nghề. Nắm bắt được điều đó, thành phố Hội An đã có những chủ trương, chính sách quản lý, bảo tồn làng nghề, đồng thời thực hiện nhiều giải pháp thu hút khách du lịch, phát huy giá trị di sản. Có thể xem làng gốm Thanh Hà là một ví dụ điển hình. Dưới đây là một số thông tin về việc quản lý cảnh quan kiến trúc, bảo tồn làng gốm Thanh Hà gắn với phát triển du lịch đã được UBND thành phố Hội An triển khai thực hiện trong thời gian qua.

Làng gốm Thanh Hà nằm ở vùng ngoại ô phía tây của Hội An, thuộc địa phận khối Nam Diêu, phường Thanh Hà, là làng nghề truyền thống có hơn 400 năm tuổi, chuyên sản xuất ngói (*âm dương*), gạch lát nền và các sản phẩm gốm gia dụng như hũ, bình vôi, vại, nồi, thạp, trả, om... Các sản phẩm gạch, ngói của Thanh Hà đã được sử dụng trong việc xây dựng nhà cửa của cư dân Hội An qua các thế hệ. Do có vị trí "*cận thị*", "*cận giang*" nên sản phẩm gốm Thanh Hà không chỉ tiêu thụ mạnh ở cảng thị Hội An, các tỉnh duyên hải miền Trung - Việt Nam mà có giai đoạn còn là một mặt hàng xuất khẩu ra nước ngoài[1].

Đặc trưng sản phẩm gốm Thanh Hà là gốm đỏ và gốm sành nâu. "*Các sản phẩm gốm không hề được phủ men và sản phẩm gốm truyền thống của Thanh Hà đều không trang trí, chỉ có một số ít các loại hũ có miệng hẹp được trang trí ở quanh phần cổ và vai với đồ án phổ biến là viền răng cưa nổi hay viền chỉ nổi. (...) Trong toàn bộ quá trình sản xuất của nghề gốm Thanh Hà, việc phân công lao động diễn ra chặt chẽ. Việc chuốt gốm truyền thống ở Thanh Hà do phụ nữ thực hiện, đàn ông không tham gia vào công đoạn này. Trong việc chuốt gốm, người phụ nữ ít tuổi hơn sẽ đảm*

[1] UBND thành phố Hội An (2015), *Di tích - Danh thắng Hội An*, Nxb Đà Nẵng, tr.130.

trách việc đẩy bàn xoay còn người lớn tuổi hơn ngồi chuốt gốm. Đàn ông thì thực hiện các công việc như làm đất, chỉnh sửa sản phẩm, nung gốm, riêng việc chỉnh sửa sản phẩm cũng có trường hợp phụ nữ tham gia làm"[2]. Hiện nay, nhiều hộ gia đình trong làng còn theo nghề, chuyên sản xuất ngói và các sản phẩm lưu niệm bằng đất nung.

1. Cảnh quan, kiến trúc làng gốm Thanh Hà

Về cảnh quan, bao quanh Làng gốm là con sông Thu Bồn hiền hòa và các nhánh sông nhỏ, tạo cảnh quan sinh thái thơ mộng. Trong làng có hàng trăm ngôi nhà có quy mô nhỏ và vừa, phân bố dọc theo những con đường làng quanh co, bao bọc bởi hàng rào chè tàu, vườn hoa màu, cây ăn trái xanh mát. Hàng chục ngôi nhà có kiểu dáng kiến trúc truyền thống hiện còn có giá trị về mặt kiến trúc, bảo tồn được cách thức bố trí công năng sử dụng bên trong nhà... Nằm đan xen giữa các ngôi nhà là các lò gốm truyền thống, cây cổ thụ và các thiết chế văn hóa tín ngưỡng quan trọng trong đời sống cộng đồng như đình, miếu,… đặc biệt là Khu miếu Tổ nghề gốm Nam Diêu, trung tâm thực hiện nghi lễ tín ngưỡng của cư dân cả ấp Nam Diêu và thờ chủ thần Tổ nghề gốm. Các lễ, lệ và mối quan hệ làng xã, gia đình, tộc họ còn được duy trì khá rõ nét.

Về kiến trúc, trong khuôn viên làng gốm hiện tồn một số ngôi nhà có kiểu dáng kiến trúc truyền thống gồm nhà rường 3 gian 2 chái và nhà 3 gian (*xét kiến trúc nhà chính*). Những ngôi nhà này do thợ mộc Kim Bồng, hoặc do chính thợ ở Thanh Hà (*học nghề ở Kim Bồng*) làm nên.

Các ngôi nhà rường dạng 3 gian 2 chái hiện còn đều được xây dựng trước năm 1960. Mặt bằng các ngôi nhà đều có quy mô vừa phải, bề rộng gian giữa tương đương hoặc rộng hơn so với hai gian bên. Nhà xây thấp để hạn chế tác động gió bão, hệ khung chịu lực (*cột, kèo, xiên, trính*) bằng gỗ, tường bao che xây gạch và vữa vôi (*sau này bị bong tróc, tô trát lại bằng vữa xi măng*), nền lát gạch thẻ hoặc láng xi măng, mái lợp ngói âm dương, bờ nóc, bờ chảy có hình thức đơn giản. Hình thức kèo phổ biến: kèo trước là kèo kẻ chuyền, kèo sau có dạng kèo suốt.

Nhà 3 gian có mặt tiền ảnh hưởng kiến trúc kiểu Pháp với hệ cửa đi, cửa sổ là cửa pano lá sách gỗ, được xây dựng trong giai đoạn từ 1960 đến 1975. Quy mô nhà tương đương nhà rường, bề rộng gian giữa nhỏ hơn so với hai gian bên. Nhà có hệ khung chịu lực (*kèo, xiên, trính*) bằng gỗ, tường bao che xây gạch, nền lát gạch thẻ (*một số láng xi măng hoặc lát gạch men*), mái lợp ngói âm dương hoặc ngói Tây. Hệ khung nhà đều có kiểu "*con tiền cái hậu*" (*trốn hàng cột nhất tiền, cột này gối lên trính - như trụ đội*).

Cách bố trí công năng nhà chính trong 2 kiểu nhà này tương tự nhau: Gian chính giữa dùng làm nơi thờ tự và tiếp khách. Nền gian thờ xây cao hơn nền nhà một bậc, có nhà còn trang trí thêm hoành phi, liễn đối và tô vẽ tường bao quanh gian thờ. Hai gian bên bố trí giường ngủ, kho cất vật dụng. Đây là nguồn cung cấp nhiều thông tin, tư liệu quan trọng để nghiên cứu về lĩnh vực

[2] Nguyễn Thị Ngà (2022), *Làng nghề gốm Thanh Hà, Hội An - Nét đặc trưng từ một làng nghề gốm truyền thống ở miền Trung*, nguồn: https://hoianheritage.net/vi/trao-doi-chuyen-nganh/chuyen-de-nghien-cuu-trao-doi/lang-nghe-gom-thanh-ha-hoi-an-net-dac-trung-tu-mot-lang-nghe-gom-truyen-thong-o-mien-trung-996.html

kiến trúc truyền thống và nếp sống, sinh hoạt của cư dân địa phương, góp phần làm phong phú, đa dạng các loại hình kiến trúc nghệ thuật ở Hội An.

2. Công tác bảo tồn cảnh quan, kiến trúc làng gốm Thanh Hà

Nhận thấy việc giữ gìn và phát huy giá trị của quần thể di tích, di vật lịch sử, các di sản văn hóa phi vật thể liên quan đến cộng đồng làng xã, hoạt động sản xuất của làng nghề địa phương là rất cần thiết, ngay từ năm 2008, UBND thành phố Hội An đã ban hành Quy chế quản lý, bảo tồn làng gốm Thanh Hà theo Quyết định số 09/2008/QĐ-UBND ngày 14/11/2008. Theo đó, làng gốm Thanh Hà được chia thành 2 khu vực bảo vệ: Khu vực bảo vệ I (*vùng lõi*): khu vực bảo vệ nguyên trạng; Khu vực bảo vệ II (*vùng đệm*): khu vực bảo vệ cảnh quan và môi trường sinh thái.

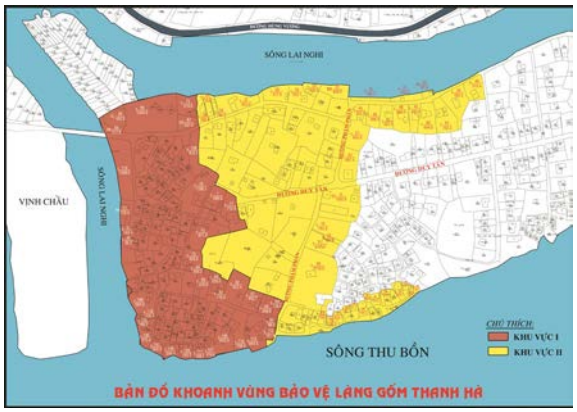

Các di tích và nhà ở trong khu vực khoanh vùng bảo vệ[3]:

Loại di tích	Khu vực 1	Tổng số di tích, nhà ở khu vực	Khu vực 2	Tổng số di tích, nhà ở khu vực	Tổng số di tích, nhà ở cả hai khu vực
		1		**2**	
I	26	103	6	63	166
II	57		35		
III	20		22		

Trong đó, có 01 di tích cấp Quốc gia là đình Xuân Mỹ; 02 di tích cấp Tỉnh: khu miếu Tổ nghề gốm Nam Diêu, nhà ông Lê Bàn; 01 di tích nằm trong Danh mục di tích - danh thắng được UBND tỉnh bảo vệ; 07 di tích nằm trong Danh mục bảo vệ của UBND thành phố Hội An. Các di tích, nhà đơn lẻ trong khu vực khoanh vùng bảo vệ được phân loại theo 03 mức độ giá trị bảo tồn: loại I, loại II, loại III để thực hiện công tác quản lý phù hợp theo từng loại công trình.

Cuối năm 2016, UBND Thành phố có quyết định điều chỉnh một số nội dung của Quy chế quản lý, bảo tồn làng gốm Thanh Hà (*tại Công văn số 4989/UBND ngày 14/12/2016*) cho phù hợp với tình hình thực tế, đáp ứng yêu cầu về phát triển kinh tế - xã hội, đồng thời bổ sung nội dung hỗ trợ kinh phí tu bổ hệ mái ngói đối với nhà loại I theo Cơ chế hỗ trợ kinh phí đầu tư, tu bổ di tích trên địa bàn thành phố nằm ngoài Khu phố cổ (*theo Quyết định số 17/2/10/QĐ-UBND ngày 27/7/2010 nêu trên*). Về mức hỗ trợ, Trung tâm Quản lý Bảo tồn Di sản Văn hóa Hội An phối hợp với các ngành liên quan để thống nhất, tham mưu UBND thành phố Hội An thực hiện.

Trong đợt điều tra (*bằng phiếu khảo sát*) năm 2017 của Trung tâm nhằm thu thập ý kiến của người dân trong khu vực làng gốm sau gần 10 năm áp dụng Quy chế quản lý, bảo tồn làng gốm Thanh Hà, có đến 94,3% ý kiến thống nhất rằng việc bảo tồn nghề gốm và cảnh quan, di tích, nhà ở liên quan đến làng nghề là cần thiết. Người dân rất hoan nghênh và ủng hộ nội dung điều chỉnh

[3] Theo số liệu thống kê tại thời điểm ban hành Quy chế năm 2008.

Quy chế năm 2016, tuy nhiên vẫn cần điều chỉnh, bổ sung một vài nội dung nhằm đáp ứng hơn nữa nhu cầu, nguyện vọng của người dân.

3. Phát huy giá trị làng gốm Thanh Hà gắn với phát triển du lịch

Làng gốm Thanh Hà được đưa vào tuyến tham quan từ năm 2001 và được quản lý khá quy củ theo hướng phát triển du lịch cộng đồng, sinh thái bền vững. Khi đến làng gốm, du khách sẽ được chứng kiến, trực tiếp trải nghiệm các công đoạn làm gốm cùng các nghệ nhân, chiêm ngưỡng các tác phẩm gốm và được đắm mình trong khung cảnh thanh bình của làng quê yên ả. Nguồn thu từ hoạt động bán vé tham quan tại làng gốm sẽ được điều phối về cơ quan tổ chức hoạt động hướng dẫn tham quan tại đây, mức 40% nhằm phục vụ công tác quản lý, xúc tiến các hoạt động du lịch, dịch vụ, đầu tư cho con người, các hoạt động biểu diễn nghệ thuật… Còn lại 60% sẽ do UBND phường Thanh Hà quản lý dùng để chi các hoạt động đầu tư cơ sở vật chất, bảo vệ cảnh quan, môi trường và đặc biệt là chi trực tiếp cho các nghệ nhân, đội ngũ phục vụ các hoạt động du lịch cộng đồng tại làng gốm. Các nghệ nhân, thợ thủ công tùy theo mức độ lành nghề, mức độ đóng góp vào các hoạt động du lịch mà sẽ nhận được mức chi trả thích hợp định kỳ dựa vào nguồn thu vé tham quan.

Ở mỗi hộ trải nghiệm, người dân còn có thể trực tiếp bán các sản phẩm thủ công mỹ nghệ được sản xuất tại làng đến tay du khách, được tổ chức các lớp học làm gốm, vẽ mặt nạ gốm và các dịch vụ khác cho du khách. Ngoài ra, bà con còn được thành phố hỗ trợ đào tạo nghề, tham quan, tìm hiểu các mô hình sản xuất gốm trên khắp cả nước, được hỗ trợ đưa sản phẩm gốm tham gia vào các hội chợ, triển lãm trong và ngoài nước. Điều này cho thấy người dân làng gốm được hưởng nhiều lợi ích từ hoạt động du lịch. Họ ý thức rõ nghề gốm, cảnh quan, kiến trúc làng nghề là yếu tố lôi cuốn khách du lịch, do đó luôn trân trọng và giữ gìn, bảo tồn các di sản này.

Để tăng sức thu hút, cảnh quan khu vực làng gốm cũng được quan tâm đầu tư chỉnh trang. Như không gian quen thuộc của làng quê truyền thống "*cây đa - bến nước - sân đình*" tại đình Xuân Mỹ được bảo tồn, đồng thời tôn tạo tượng gốm đất nung 12 con giáp khu vực sát bờ sông trước đình. Trong các đường làng ngõ xóm, khuyến khích người dân trồng hàng rào cây xanh (*chè tàu*), dùng các sản phẩm gốm địa phương để trang trí tường rào,… kết hợp với các hoạt động sản xuất gốm, phơi phôi gốm diễn ra thường nhật, tạo sự thích thú cho du khách. Công tác vệ sinh, thu gom rác thải được thực hiện hằng ngày. Nhờ đó, cảnh quan làng gốm luôn được giữ gìn sạch đẹp.

Việc áp dụng Quy chế quản lý, bảo tồn làng gốm Thanh Hà cùng với các biện pháp quản lý du lịch địa phương đã đem lại những kết quả ấn tượng. Ngày 02/12/2013, UBND phường Thanh Hà ban hành Quyết định số 01/2013/QĐ-UBND về ban hành Quy chế tổ chức và quản lý hoạt động sản xuất kinh doanh và dịch vụ du lịch tại làng gốm Thanh Hà. Ban quản lý hoạt động với sự hỗ trợ về công tác chuyên môn của Trung tâm Văn hóa - Thể thao và Truyền thanh - Truyền hình Hội An. Kể từ đó, lượng khách tham quan tăng nhảy vọt. Năm 2013, tổng lượt

khách đến tham quan làng gốm Thanh Hà là 29.590 lượt, trong đó khách quốc tế là 20.090 lượt, khách Việt Nam là 3.500 lượt[4]. Cao điểm năm 2019, làng gốm đón 707.549 lượt khách tham quan, cuộc sống của người dân địa phương có nhiều khởi sắc. Trong năm 2020 và 2021, lượng khách tham quan sụt giảm đáng kể do chịu ảnh hưởng nặng nề của đại dịch Covid-19, hiện đang trên đà phục hồi.

Sự phát triển của du lịch tại làng gốm Thanh Hà trong những năm gần đây giúp cho mức thu nhập bình quân của người dân khu vực tăng lên đáng kể, thể hiện qua bảng thống kê tổng lượng khách tham quan và nguồn thu vé tham quan các năm gần đây (*xem bảng dưới*)[5]*:*

Năm	2018	2019	2020	2021	2022	Đến 9/2023
Quốc tế	589,540	683,365	81,183	3	110,341	389,287
Việt Nam	23,219	24,184	6,170	2917	21,511	30,156
Tổng cộng	612,759	707,549	87,353	2920	131,852	419,443
Doanh thu (nghìn đồng)	19,120,985	24,764,215	3,057,355	102,200	4,614,820	14,680,505

Năm 2018, UBND tỉnh Quảng Nam đã có Quyết định số 864/QĐ-UBND, ngày 09/3/2018 công nhận Điểm du lịch làng gốm Thanh Hà, phường Thanh Hà, thành phố Hội An, tỉnh Quảng Nam.

Có thể nói trong thời gian qua, công tác quản lý, phát huy giá trị di sản trên địa bàn thành phố Hội An nói chung, các làng nghề truyền thống nói riêng đã và đang đạt được những thành quả tốt đẹp. Nhà nước và người dân làng nghề cùng hưởng lợi và nguồn thu của hoạt động du lịch, dịch vụ du lịch được điều phối một cách hài hòa, hợp lý. Việc này sẽ khó thực hiện được nếu không có sự đồng thuận, chung tay từ người dân, nhất là với loại hình di tích nhà ở truyền thống thuộc sở hữu tư nhân, tập thể, sự vào cuộc quyết liệt đầy trách nhiệm của các nhà chuyên môn, nhà quản lý.

Về công tác bảo tồn kiến trúc nhà truyền thống, cảnh quan làng nghề: "*Các làng nghề, xóm nghề, ngành nghề truyền thống ở Hội An là những thực thể văn hóa sống động, gắn với quá trình phát triển của các xã phường và cộng đồng dân cư, với không gian văn hoá, cảnh quan địa lý - sinh thái của từng làng xã, địa phương cụ thể. Vì vậy, có thể nói rằng, nếu đánh mất những thực thể này hoặc làm biến dạng chúng cũng có nghĩa là đã đánh mất đi vốn di sản văn hoá mà cha ông đã dày công bồi đắp và truyền lại từ hàng trăm năm trước. Việc bảo tồn và phục hồi lại diện mạo sống động, nhộn nhịp của một số làng nghề, xóm nghề, ngành nghề truyền thống đặc trưng của địa phương tuy còn gặp nhiều khó khăn nhưng chắc chắn sẽ đạt được kết quả nếu có những nhận thức đầy đủ, toàn diện về vai trò, vị trí, giá trị văn hóa của chúng, có những biện pháp phù hợp, có sự tham gia góp sức của nhiều cấp chính quyền, nhiều nhà chuyên môn và sự đồng thuận cao của nhân dân*"[6]. Những kết quả khả quan ở làng gốm Thanh Hà hiện nay là minh chứng rõ ràng, cụ thể nhất cho nhận định nêu trên◈

[4] Nguồn: Báo cáo tình hình phát triển kinh tế - xã hội phường Thanh Hà năm 2013.

[5] Nguồn: *Niên giám thống kê thành phố Hội An*, Chi cục thống kê thành phố Hội An.

[6] Dẫn theo Trung tâm Quản lý Bảo tồn Di sản Văn hóa Hội An (2019), *Làng nghề, ngành nghề truyền thống ở Hội An trước vận hội mới*, nguồn: https://hoianheritage.net/vi/trao-doi-chuyen-nganh/chuyen-de-nghien-cuu-trao-doi/lang-nghe-nganh-nghe-truyen-thong-o-hoi-an-truoc-van-hoi-moi-784.html

CÔNG TÁC SƯU TẦM, NGHIÊN CỨU VÀ PHÁT HUY GIÁ TRỊ NGỮ VĂN DÂN GIAN Ở HỘI AN

ThS. Thái Thị Liễu Chi

1. Công tác sưu tầm

Những tác phẩm ngữ văn dân gian là cả một kho tàng tri thức giàu có và tinh tế của người xưa truyền lại. Với cách thể hiện duyên dáng, mộc mạc và gần gũi, những tác phẩm nghệ thuật ấy bộc lộ tâm can, trí tuệ và cảm nhận của người dân lao động về thế giới khách quan, thế giới nội tâm rất phong phú. Tiếng nói ấy xuyên qua không gian, thời gian, xâu chuỗi, kết tinh tài năng và trí tuệ của nhiều thế hệ để rồi định hình một cách tròn trịa, đầy sức hấp dẫn trong cảm quan của mỗi chúng ta.

Ở Hội An, công tác sưu tầm, giới thiệu về ngữ văn dân gian đã được thực hiện từ rất sớm và thường xuyên, thông qua các chuyên đề, đề tài nghiên cứu và các chương trình điều tra, sưu tầm do Trung tâm Quản lý Bảo tồn Di sản Văn hóa Hội An chủ trì hoặc phối hợp thực hiện.

Năm 2010, Trung tâm Quản lý Bảo tồn Di sản Văn hóa Hội An đã hỗ trợ khoa Ngữ văn - trường Đại học Quy Nhơn sưu tầm và tập hợp được khá nhiều đơn vị ngữ văn dân gian trên địa bàn thành phố.

Từ tháng 4 đến tháng 7 năm 2019, Trung tâm Quản lý Bảo tồn Di sản Văn hóa Hội An tổ chức điều tra, khảo sát, sưu tầm ngữ văn dân gian Hội An trên quy mô toàn thành phố, thu thập được 1531 đơn vị ngữ văn dân gian, thuộc các thể loại ca dao - dân ca, tục ngữ - thành ngữ, câu đố, hò vè, truyện kể,… Đa số trong đó là ca dao dân ca với 1399 đơn vị, bằng 91,4 %[1]. Kết quả của hoạt động sưu tầm đã cho thấy kho tàng ngữ văn dân gian ở Hội An khá dồi dào về số lượng, đa dạng về thể loại và nội dung, góp phần vào sự giàu có của di sản văn hóa phi vật thể ở Hội An.

Các thể loại ngữ văn dân gian đã sưu tầm được trong năm 2019 gồm:

Stt	Tên thể loại	Số lượng	Tỉ lệ %
1	Ca dao - dân ca	1399	91,4
2	Tục ngữ - thành ngữ	80	5,2
3	Câu đố	12	0,8
4	Vè	24	1,5
5	Truyền thuyết	1	0,1
6	Giai thoại	15	1,0
	Tổng	**1531**	**100**

Nội dung của các đơn vị ca dao dân ca thu thập được phản ánh nhiều mặt đời sống nhân sinh. Ở đó có tình yêu quê

[1] Theo số liệu thống kê tại phiếu kiểm kê di sản văn hóa phi vật thể ngữ văn dân gian kháng chiến ở Hội An của Nguyễn Thị Khánh Vân, Trung tâm Quản lý Bảo tồn Di sản Văn hóa Hội An, năm 2020, trang 3.

hương đất nước, tình yêu lứa đôi, những kinh nghiệm trong lao động sản xuất, các mối quan hệ, tình cảm và ứng xử trong gia đình, ngoài xã hội:

Stt	Các chủ đề trong ca dao, dân ca	Số lượng	Tỉ lệ %
1	Quê hương đất nước	189	13,5
2	Lịch sử kháng chiến	391	27,9
3	Tình yêu đôi lứa	367	26,3
4	Lao động sản xuất	15	1,1
5	Văn hóa xã hội	109	7,8
6	Gia đình	297	21,2
7	khác	31	2,2
	Tổng	**1399**	**100**

Các chủ đề trong tục ngữ, thành ngữ:

Stt	Các chủ đề	Số lượng	Tỉ lệ %
1	Lịch sử xã hội	50	62,5
2	Lao động sản xuất	19	23,75
3	Thời tiết	11	13,75
	Tổng	**80**	**100**

Đợt sưu tầm năm 2019 thu thập được khá ít các đơn vị câu đố, truyền thuyết, giai thoại, vè. Tuy nhiên, trên thực tế Hội An còn đang lưu truyền nhiều đơn vị ngữ văn thú vị khác nữa thuộc các thể loại nói trên. Có thể các nhân chứng chưa kịp nhớ ra để cung cấp trong khoảng thời gian đoàn đi khảo sát, và tất nhiên một đợt sưu tầm chưa thể nào khảo sát hết các nguồn cung cấp trong cộng đồng. Riêng trường hợp câu đố, dựa vào kết quả sưu tầm trong năm 2010 của Khoa Ngữ văn - Trường Đại học Quy Nhơn và lọc từ các công trình nghiên cứu đã công bố, số lượng các câu đố sưu tầm được trên địa bàn thành phố đã có trên 35 đơn vị. Điều đó cho thấy rằng, kho tàng văn hóa, văn học dân gian của địa phương vẫn chưa được khai mở hoàn toàn. Cần nhiều đầu tư tìm tòi, nghiên cứu hơn nữa, cũng như có phương pháp hiệu chỉnh, đánh giá, phê bình để phát huy trong đời sống hiện tại.

Một số giá trị nổi bật

Có những tác phẩm ngữ văn dân gian thân thuộc, phổ biến đến mức hầu như người Hội An nào, từ già lão cho đến trẻ thơ cũng có thể đọc vanh vách như: "*Bồng con mà bỏ vô nôi/ Để mẹ đi chợ mua vôi ăn trầu/ Mua vôi chợ Quán chợ Cầu/ Mua cau Vĩnh Điện mua trầu Hội An*" hay "*Hội An đất chật người đông/ Nhân tình thuần hậu lá bông đủ màu*"...

Khác với thành ngữ, tục ngữ, hình thức biểu hiện của ca dao - hò vè chủ yếu thông qua hình thức diễn xướng vì bản thân những tác phẩm này có nhạc điệu tự nhiên, quy định bởi thể thơ đặc trưng của dân tộc. Ca dao được hát lên thành khúc hát ru con, các điệu đối đáp trong sinh hoạt giao lưu văn nghệ thường ngày cho đến lời tế lễ trong các nghi thức tín ngưỡng của lễ hội dân gian. Hát ru là một loại hình diễn xướng dân gian khá đặc biệt. Chính vì hình thức này diễn ra trong môi trường gia đình, người hát ru là người thân của đứa trẻ, đối tượng thưởng thức thường chỉ có một nên tính linh hoạt

cao, không ràng buộc về nội dung, điệu thức. Không gian và điều kiện diễn xướng đó tạo điều kiện nảy sinh dòng cảm xúc, nhu cầu tâm tình, thủ thỉ, giãi bày những điều uẩn ức chưa được giải tỏa và gửi gắm ước mơ vào tâm hồn trẻ thơ; qua đó, nuôi lớn những cảm xúc yêu thương, gần gũi, cảm thông giữa các thành viên trong gia đình; mối giao hòa gắn kết ngày càng được thắt chặt thêm. Lấy chất liệu từ ca dao dân ca vốn có kết cấu mở, lời hát ru con vô cùng linh hoạt về cấu trúc; việc chọn lựa, lắp ghép các bài ca dao vào khúc hát tùy thuộc trí nhớ và tâm trạng của người ru. Những làn điệu dân ca từ ngày này sang ngày khác thẩm thấu một cách tự nhiên, sâu đậm vào tâm trí của đứa trẻ, khiến tâm hồn con người mới ấy đẹp hơn, giàu có cảm xúc, nuôi dưỡng khả năng cảm nhận âm nhạc từ thuở ấu thơ, bắt nguồn từ giai điệu âm nhạc dịu dàng, trữ tình của xứ sở.

Các thể loại vè, đồng dao là bạn đồng hành đặc biệt của tuổi thơ thuở trước. Một đứa trẻ con bắt đầu ngồi vững thì đã có thể đùa vui với người lớn trong nhà qua những trò chơi có lời hát. Người lớn vừa mặt đối mặt với trẻ vừa hát những khúc đồng dao ngắn cho bé vui tai và tập nói, tăng cường khả năng giao tiếp, nhận biết những nét biểu đạt trên gương mặt người đối diện. Với nhiều trò chơi được đặt lời đồng dao, trẻ em vừa mặc sức nô đùa chạy nhảy, vừa nghêu ngao hát hò vui vẻ tạo không khí vô cùng sôi nổi, càng thêm hiệu quả kết nối, phấn khích tinh thần, rèn luyện trí não. Trẻ con Hội An thường chơi các trò đi chợ về chợ, rồng rắn lên mây, ma gia lên bờ, đánh nẻ…

Ngoài những bài quen thuộc mà ngày nay nhiều trẻ con biết hát như Bắc kim thang, Thằng bờm, trẻ con ở Hội An ngày trước cũng thường hát các bài đồng dao kiểu chọc ghẹo pha trò: *Chị ăn cá/ Em mút xương/ Chị nằm giường/ Em nằm đất/ Chị ăn mật/ Em liếm ve/ Chị ăn chè/ Em liếm bát/ Chị coi hát/ Em vỗ tay/ Chị ăn mày/ Em bốc chợ* (*xách bị*)*;* có bài đồng dao như đưa từng nét vẽ, phác dần hình hài của mặt trăng từ đầu đến cuối tháng (*theo âm lịch*): *Mồng một lưỡi trai/ Mồng hai lá lúa/ Mồng ba câu liêm/ Mồng bốn lưỡi liềm/ Mồng năm liềm giật/ Mồng sáu thật trăng/ Mười rằm trăng náu/ mười sáu trăng treo… Ba mươi chẳng thấy mặt mày trăng đâu*. Không chỉ là kho ngôn từ dào dạt, sống động, đồng dao còn ắp đầy tính nhạc, tính họa, dội vào tâm hồn trong trẻo của trẻ con và tất cả nguyên vẹn ở đấy, suốt cả cuộc đời. *Con nít con nít/ Cái mình nhỏ xít/ Đội mũ lá mít/ Cưỡi ngựa tàu cau/ Đứa trước đứa sau/ Rủ nhau một lũ/ Ăn rồi đi ngủ/ Ngủ dậy đi chơi/ Xuống nước tập bơi/ Lên bờ đánh đá/ Miệng thổi kèn lá/ Tay xách cờ tre/ Rủ nhau hè hè/ Giả đò đánh giặc.* Có lẽ cũng xưa như cổ tích, từ khi con người biết sử dụng ngôn ngữ và dành tặng những gì êm ái, hồn nhiên nhất của ngôn từ để chuyện trò với trẻ con thì khúc hát đồng dao đã đến làm bạn cùng tuổi thơ, dạy cho trẻ con biết nói, dạy trẻ con biết chơi đùa, hình thành những hiểu biết ban đầu về thế giới xung quanh và cả những khái niệm khá trừu tượng về các mối quan hệ gia đình, hiện tượng thiên nhiên, tình yêu quê hương, đất nước.

Ở vào thời đại của thơ ca dân gian, tâm hồn mỗi con người luôn được nuôi dưỡng, bao bọc trong nguồn mạch văn nghệ dân gian dồi dào, lai láng. Từ khi cất tiếng khóc chào đời, câu ca dao quê mẹ là khúc hát ru ngọt ngào, êm dịu bên vành nôi, dạy cho trẻ con biết nói, biết lớn khôn. Cũng từ những lời thơ, truyện cổ dân gian ấy, tâm hồn mỗi con người tìm thấy điểm tựa những khi va vấp trước thử thách của cuộc đời. Truyện cổ và thơ ca dân gian truyền cho những số phận đơn côi yếm thế trong xã hội nguồn sức mạnh từ những người đồng cảnh ngộ, sự cảm thông chia sẻ và cả thái độ lạc quan, tích cực để không ngừng phấn đấu, vượt lên số phận. Nguồn trí tuệ dân gian ấy truyền dạy những kinh nghiệm lao động, lề thói ứng xử, tri thức cuộc sống để mỗi con người ngày một trưởng thành trong môi trường cộng đồng. Đó còn là phương thức gìn giữ, lưu truyền tiếng nói dân tộc, những tinh hoa văn hóa, phong tục truyền thống của ông cha qua bao thế hệ, bao biến loạn thời thế. Không chỉ dừng lại ở các giá trị nhận thức, giáo dục, mỗi tác phẩm ngữ văn dân gian còn mang trong mình nhiều giá trị thẩm mỹ, nhân văn sâu sắc, không ngừng nuôi dưỡng, nâng đỡ tâm hồn, tình cảm mỗi cá nhân của cộng đồng. Để rồi, đến lúc nhắm mắt xuôi tay, con người còn được bao bọc bởi âm thanh tuyệt vời của những lời hát tiễn tha thiết yêu thương của quê hương, chòm xóm.

Điểm dạy hát dân ca ở phố cổ Hội An
Ảnh: Liễu Chi

2. Công tác nghiên cứu, giới thiệu và phát huy

Trước đợt sưu tầm ngữ văn dân gian của Trung tâm Quản lý Bảo tồn Di sản Văn hóa Hội An, đã có 2 công trình nghiên cứu của tác giả Trần Văn An giới thiệu các giá trị di sản ngữ văn dân gian tại địa phương là: Di sản Văn hóa văn nghệ dân gian Hội An, xuất bản năm 2014 và Biển đảo trong văn hóa văn nghệ dân gian ở Hội An, xuất bản năm 2016.

Từ kết quả của đợt sưu tầm ngữ văn dân gian ở Hội An năm 2019, Trung tâm Quản lý Bảo tồn Di sản Văn hóa Hội An đã tổ chức hiệu chỉnh, tập hợp, phân loại, thống kê và phân tích, đánh giá để giới thiệu, phát huy các giá trị của di sản. Qua bước đầu xử lý và nghiên cứu, năm 2021 Trung tâm đã xuất bản sách *Thơ ca dân gian ở Hội An về kháng chiến và Bác Hồ*.

Cũng dựa trên kết quả sưu tầm của năm 2019, nhiều khía cạnh, vấn đề lý thú của ngữ văn dân gian đã được phân tích, giới thiệu qua một số bài viết đăng trên website, tập Thông tin nghiên cứu Bảo tồn Di sản của Trung tâm Quản lý Bảo tồn Di sản Văn hóa Hội An, tập san Văn hóa Hội An, chuyên mục phát thanh Bảo tồn Di sản hàng tuần của Đài Truyền thanh - Truyền hình Hội An. Trong thời gian tới, Trung tâm sẽ tiếp tục tổ chức biên soạn, xuất bản các ấn phẩm mới để giới thiệu nhiều hơn nữa các giá trị ngữ văn dân gian ở Hội An đến cộng đồng cư

dân và bạn bè gần xa. Công tác sưu tầm, nghiên cứu ngữ văn dân gian tại địa phương cũng cần tiếp tục triển khai để hạn chế tối đa số lượng đơn vị ngữ văn dân gian bị bỏ sót.

Tuy nhiên, ngữ văn dân gian cũng như các loại hình văn hóa nghệ thuật dân gian khác, có đặc điểm cốt lõi là tính truyền khẩu. Thông qua truyền khẩu, các tác phẩm nghệ thuật ấy được tồn tại và nhuận sắc, trở thành những viên ngọc ngôn từ lung linh, hấp dẫn. Phát huy các giá trị của ngữ văn dân gian không chỉ bằng công tác sưu tầm, tập hợp, biên soạn; điều quan trọng hơn cả là tái tạo được môi trường sinh tồn của di sản ấy. Đó là môi trường sinh hoạt văn hóa, văn nghệ cộng đồng: từ nhỏ nhất, hạn hẹp nhất của không gian gia đình cho đến không gian và các mối quan hệ rộng lớn của làng xóm, nghề nghiệp, đoàn thể,… Nếu vì một lý do nào đó về tập quán sinh hoạt gia đình, không gian sinh hoạt gia đình thay đổi hay những rào cản nào khác ngăn trở, khiến cho lớp trẻ không thường xuyên được đắm mình trong những điệu khúc dân ca, những truyện cổ dân gian, họ càng ít có cơ hội ôn lại lời ru, câu chuyện đã từng được thưởng thức, từ đó gần như xa lạ, ít có điều kiện cảm nhận cái hay từ văn học dân gian và dần tách rời sự ảnh hưởng của văn hóa dân tộc. Khi đấy, họ không thể là cầu nối cho thế hệ tiếp theo thuộc và hiểu biết về kho tàng văn hóa văn nghệ dân gian. Mối dây lưu truyền xem như bị đứt đoạn. Càng nhiều gia đình như vậy trong cộng đồng sẽ càng tạo ra lỗ hổng thiệt hại lớn, khó khăn cho công tác khôi phục, phát huy vốn truyền thống bản địa.

Để tăng cao hiệu quả phát huy vốn di sản ca dao, dân ca, văn nghệ dân gian, thành phố cần đầu tư nguồn kinh phí hàng năm cho việc trao truyền nghệ thuật dân gian, nhất là khi Hội An đã tham gia mạng lưới Thành phố sáng tạo của UNESCO.

Các lớp học hát dân ca hiện đang được thành phố Hội An duy trì tại Khu phố cổ Hội An hàng đêm và dịp hè. Tuy nhiên, cần mở rộng quy mô và đổi mới cách thức nhằm thu hút thêm nhiều thành phần, số lượng học viên ở các địa phương, trường học tham gia. Để triển khai rộng rãi việc truyền dạy dân ca trong môi trường học đường, thành phố cần có bước tổ chức tập huấn, bồi dưỡng về kiến thức và kỹ năng thực hành văn nghệ dân gian cho đội ngũ giáo viên âm nhạc; mời các nhà nghiên cứu, nghệ nhân, nghệ sĩ dân gian tham gia truyền truyền đạt, hướng dẫn. Trong dạy hát ca dao dân ca, rất cần chú ý giới thiệu những khúc hát đồng dao, trò chơi dân gian có lời hát, khuyến khích các địa phương tổ chức thường xuyên hoặc tập trung trong khoảng thời gian nghỉ hè để học sinh có điều kiện tham gia. Những hoạt động truyền dạy dân ca, đồng dao, hò vè cũng cần được tổ chức tại những không gian mở để kết nối với cộng đồng dân cư, như Công viên Hội An, thư viện thành phố. Một khi không gian phố thị và cả nông thôn đang chật hẹp dần, mối quan hệ hàng xóm láng giềng đã ít mặn mà đi, không còn nhiều cơ hội cho trò chơi dân gian, những hoạt động ca hát dân gian diễn ra, hãy dành tặng nhiều khoảng không công cộng cho các cháu nhỏ để tăng sự kết nối, quan hệ giao tiếp cộng đồng của trẻ. Đấy cũng là nỗ lực gìn giữ nét sinh hoạt văn hóa mộc mạc mà sâu sắc, nhân văn của vốn xưa ông cha để lại, dần hình thành một thế hệ mới hiểu biết và yêu mến văn học dân gian của địa phương◈

XÂY DỰNG VÀ BAN HÀNH CÁC HƯỚNG DẪN CHO CỘNG ĐỒNG TRONG BẢO VỆ VÀ PHÁT HUY GIÁ TRỊ DI TÍCH - TRƯỜNG HỢP HỘI AN

CN. Võ Hồng Việt

I. Tổng quan về hệ thống di tích ở Hội An

Hội An là thành phố ven biển nằm ở hạ lưu sông Thu Bồn, thuộc tỉnh Quảng Nam, miền Trung Việt Nam. Thành phố Hội An có diện tích tự nhiên khoảng hơn 60km^2, có tọa độ địa lý từ 15º15'26" đến 15º55'15" vĩ độ Bắc, 108º17'08" đến 108º23'10", cách trung tâm thành phố Đà Nẵng 30km về phía Nam, cách thành phố tỉnh lỵ Tam Kỳ khoảng 50km về phía Bắc. Về mặt hành chính, thành phố Hội An gồm 9 phường, 4 xã, trong đó có xã đảo Tân Hiệp (*Cù Lao Chàm*) nằm cách đất liền chừng 15km về phía Đông.

Nhờ vào vị trí địa lý và điều kiện tự nhiên thuận lợi, ngay từ rất sớm, khoảng hơn 3000 năm cách ngày nay, con người đã đến sinh sống trên mảnh đất Hội An. Trải qua quá trình lịch sử, với sự cần cù, sáng tạo, các lớp/ thế hệ cư dân đã khai phá, phát triển Hội An trở thành một cảng thị sơ khai vào thời kỳ văn hóa Sa Huỳnh, Hội An từng là địa chỉ được đánh dấu đậm nét trên bản đồ hàng hải khu vực thời kỳ Champa, rồi trở thành cảng thị quốc tế sầm uất nổi tiếng thế giới vào thời Đại Việt, đặc biệt là thế kỷ 16 - 18. Có thể thấy, bằng nội lực của mình, kết hợp với việc tiếp thu chọn lọc những giá trị bên ngoài thông qua hoạt động giao lưu văn hóa, buôn bán quốc tế, các lớp/ thế hệ cư dân Hội An từng bước tạo dựng và không ngừng bồi đắp, giữ gìn để lại hôm nay kho tàng di sản văn hóa vật thể và phi vật thể hết sức đặc sắc, đa dạng, phong phú. Riêng Khu phố cổ Hội An với những giá trị nổi bật toàn cầu đã được UNESCO ghi danh Di sản văn hóa thế giới vào năm 1999. Nhiều di sản văn hóa phi vật thể đã được công nhận di sản văn hóa phi vật thể quốc gia.

Dưới góc độ di tích, theo thống kê, hiện nay trên địa bàn thành phố Hội An có 1.439 di tích thuộc đủ 4 loại hình theo phân loại của Luật Di sản văn hóa và các nghị định, thông tư liên quan. Trong đó, có 24 di tích khảo cổ, 1.337 di tích kiến trúc nghệ thuật, 70 di tích lịch sử, 08 danh thắng. Các di tích phân bố tập trung ở khu phố cổ Hội An thuộc 3 phường Minh An, Cẩm Phô và Sơn Phong, còn lại phân bố rải rác ở các địa phương từ đất liền ra đến hải đảo Cù Lao Chàm. Trong số 1.337 di tích kiến trúc, chiếm đến khoảng 80% là thuộc sở hữu tư nhân và tập thể. Địa phương có số lượng di tích được thống kê nhiều nhất là phường Minh An với 884 di tích, ít nhất là phường Cửa Đại có 6 di tích. Trong số 1.439 di tích được thống kê, có 27 di tích xếp hạng cấp quốc gia, 49 di tích xếp hạng cấp tỉnh, 104 di tích ghi danh trong

danh mục bảo vệ của tỉnh Quảng Nam giai đoạn 2019 - 2024. Địa phương có số di tích được xếp hạng nhiều nhất là phường Cẩm Phô (*13 di tích xếp hạng cấp quốc gia, cấp tỉnh*).

Về di tích khảo cổ học, trong số 24 di tích, có 02 di tích xếp hạng cấp quốc gia, 04 di tích xếp hạng cấp tỉnh. Di tích có niên đại sớm nhất là di chỉ Bãi Ông ở Cù Lao Chàm cách ngày nay hơn 3000 năm. Hầu hết các di tích khảo cổ thuộc nền văn hóa Sa Huỳnh phân bố trên địa bàn phường Thanh Hà.

Các di tích kiến trúc dân dụng ở Hội An gồm có cầu, chợ, giếng cổ và nhà cổ với 1.095 ngôi nhà cổ mà hầu hết thuộc sở tư nhân.

Các di tích kiến trúc tín ngưỡng, tôn giáo có đình (*24 di tích, địa phương nhiều nhất là phường Cẩm Châu*), chùa - tịnh xá (*17 di tích, địa phương nhiều nhất là xã Tân Hiệp*), miếu (*70 di tích, địa phương nhiều nhất là xã Tân Hiệp*), lăng, hội quán (*5 di tích, 4 ở phường Minh An, 1 ở phường Sơn Phong*), nhà thờ tộc họ (*46 di tích, địa phương nhiều nhất là phường Minh An*), thánh thất - nhà thờ, mộ (*48 di tích, địa phương nhiều nhất là phường Thanh Hà*). Qua các di tích kiến trúc tín ngưỡng, tôn giáo đã minh chứng tính đa dạng, phong phú trong đời sống văn hóa, tinh thần, tín ngưỡng và tôn giáo của cư dân Hội An, đồng thời cũng thể hiện mối quan hệ, giao lưu văn hóa đa chiều, nhiều nguồn gốc tại đây trong lịch sử. Riêng về loại hình miếu cho thấy đối tượng thờ tự, tín ngưỡng vô cùng đa dạng như thờ Ngũ Hành, thờ Tổ nghề, thờ Cô hồn - Âm linh, thờ Thành Hoàng, thờ Ông Địa - Thổ thần, thờ các nhân vật lịch sử (*Quan Công, Khổng tử,…*), thờ bà Mộc, bà Mụ, bà Bạch, Cao Cát, Bô Bô, Lục vị…

II. Việc xây dựng và ban hành các hướng dẫn cho cộng đồng trong bảo vệ, chăm sóc và phát huy giá trị di tích ở Hội An

Do hệ thống di tích ở Hội An có số lượng khá nhiều, nguồn gốc và loại hình đa dạng, nhiều hình thức sở hữu mà trong đó sở hữu tư nhân chiếm đa số, đặc trưng di tích kiến trúc hầu hết có kết cấu bằng gỗ, lợp ngói âm dương,… nên để bảo tồn và phát huy hiệu quả các giá trị của di tích, từ rất sớm, Hội An đã triển khai nhiều nhóm giải pháp khác nhau, trong đó việc nghiên cứu, biên soạn các ấn phẩm tuyên truyền, hướng dẫn để chủ di tích và cộng đồng hiểu về giá trị, đặc tính di tích; cách thức bảo vệ, chăm sóc di tích; quy định pháp luật và chế tài liên quan đến di tích,... giữ vai trò quan trọng.

Năm 2000, Trung tâm Quản lý Bảo tồn Di tích Hội An (*nay là Trung tâm Bảo tồn Di sản Văn hóa Hội An*) đã khảo sát, thống kê, phân loại và biên tập xuất bản tập sách *Danh mục di tích Hội An.* Bên cạnh nội dung giới thiệu các tiêu chí để Khu phố cổ Hội An được công nhận Di sản văn hóa thế giới vào năm 1999 và các tiêu chí phân loại mức độ giá trị bảo tồn di tích trong Khu phố cổ, tập sách thống kê danh mục 1360 di tích ở Khu phố cổ Hội An và vùng ven, danh mục các di tích được xếp hạng cấp quốc gia từ năm 1985 - 1993 và các di tích nằm trong danh mục bảo vệ của tỉnh Quảng Nam theo quyết định ban hành vào năm 1997. Các di tích trong danh mục đều thể hiện hình thức sở hữu và được phân loại giá trị bảo tồn 5 mức độ thuận tiện cho việc theo dõi, đối chiếu trong công tác nghiên cứu lập hồ sơ khoa học, quản lý, hỗ trợ tu bổ, tôn tạo... Tập sách được phát hành rộng rãi đến chủ di tích ở Khu

phố cổ, các địa phương và cơ quan chuyên môn của thành phố Hội An và những cá nhân, đơn vị, doanh nghiệp có liên quan đến công tác quản lý, bảo tồn và phát huy giá trị Khu phố cổ. Việc phân loại cụ thể về mức độ giá trị bảo tồn của từng di tích giúp người dân, chủ di tích vừa nắm được giá trị của di tích, đồng thời chủ động hơn trong việc phối hợp với các cơ quan quản lý, cơ quan chuyên môn thực hiện các hoạt động liên quan đến di tích - ngôi nhà của mình, đặc biệt là sửa chữa, tu bổ. Kế thừa và bổ sung nội dung tập sách này, năm 2015, Trung tâm Quản lý Bảo tồn Di sản Văn hóa Hội An tổ chức biên soạn và xuất bản tập *Di tích - Danh thắng Hội An*. Tập sách *Di tích - Danh thắng Hội An* cập nhật thêm nhiều nội dung mới gồm giới thiệu khái quát về đặc điểm tự nhiên và lịch sử - văn hóa Hội An; giới thiệu các loại hình di tích ở Hội An và thông tin giá trị của từng loại hình, di tích (*giới thiệu tổng quan và cụ thể các loại hình di tích khảo cổ, kiến trúc nghệ thuật, lịch sử và danh thắng*); giới thiệu Luật Di sản Văn hóa và các văn bản pháp quy của Trung ương, quy chế, cơ chế của địa phương liên quan đến quản lý, bảo tồn và phát huy giá trị di tích. Phần quan trọng trong nội dung tập sách là danh mục 1.429 di tích được xác định cụ thể về hình thức sở hữu và mức độ giá trị bảo tồn, danh mục di tích xếp hạng cấp quốc gia, cấp tỉnh tính đến năm 2014, danh mục di tích bảo vệ của tỉnh Quảng Nam.

Liên quan đến di tích của từng xã phường ở Hội An, Trung tâm Quản lý Bảo tồn Di sản Văn hóa Hội An cũng đã biên soạn và xuất bản các tập sách giới thiệu như: Di tích - Danh thắng Cù Lao Chàm (*xuất bản năm 2007 và 2018*), Di tích - Danh thắng Cẩm Thanh (*xuất bản năm 2014*), Di tích - Danh thắng Cẩm Kim (*xuất bản năm 2022*).

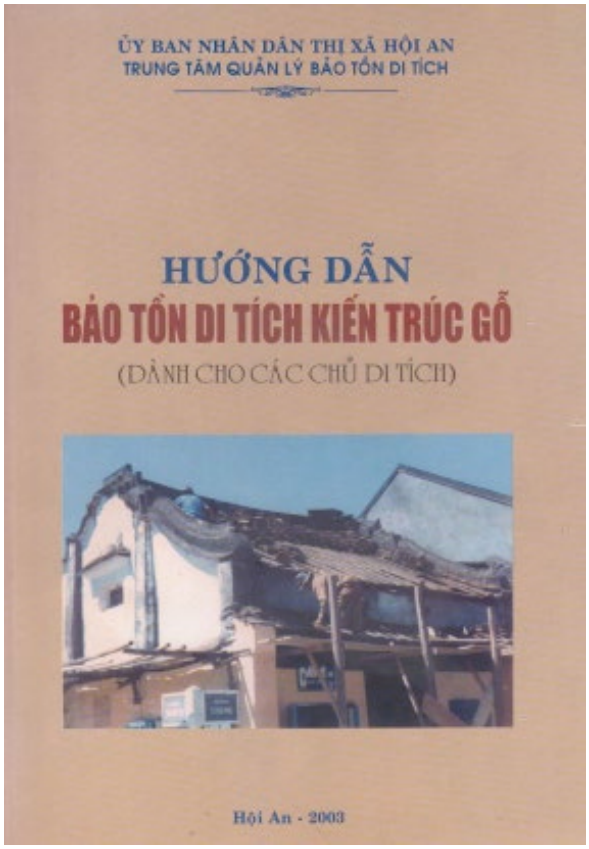

Bìa sách *Hướng dẫn Bảo tồn Di tích kiến trúc gỗ* được in năm 2003

Ngoài những tập sách trên, đến nay Trung tâm Quản lý Bảo tồn Di sản Văn hóa Hội An đã biên soạn và xuất bản gần 50 đầu sách và 63 tập Thông tin nghiên cứu bảo tồn di sản giới thiệu các giá trị của di sản văn hóa Hội An (*vật thể, phi vật thể, tư liệu*), trong đó có các di tích phục vụ nhu cầu nghiên cứu, tìm hiểu về Hội An của nhân dân, du khách và các nhà nghiên cứu.

Những ấn phẩm, tài liệu, nội dung hướng dẫn trong công tác bảo vệ, gia cố di tích; phát hiện và xử lý côn trùng gây hại và xử lý cây xanh nấm mốc xâm hại di tích; kỹ thuật tạo vữa vôi truyền thống sử dụng gia cố, tu bổ di tích; hướng dẫn

thủ tục, trình tự xin phép tu bổ di tích… cũng được biên soạn xuất bản phổ biến đến chủ di tích và các cá nhân, đơn vị có liên quan. Năm 2003, Trung tâm Quản lý Bảo tồn Di tích Hội An đã biên soạn và xuất bản sách *Hướng dẫn bảo tồn di tích kiến trúc gỗ* (*dành cho các chủ di tích*). Nội dung của tập sách gồm: Lý do và mục tiêu bảo tồn; nội dung bảo tồn (*những nguyên tắc bảo tồn, nguyên nhân gây hư hại, cách phòng chống và sửa chữa: nguyên nhân trực tiếp gây hư hại di tích; những vị trí, bộ phận hay bị hư hại, một số cách phòng chống xuống cấp, một số biện pháp xử lý, sửa chữa cần lưu ý khi di tích bị hư hại, việc phục hồi lại, phòng ngừa và diệt mối, cách sử dụng vữa vôi, cách sử dụng màu sắc*); quy trình và thủ tục sửa chữa; cơ sở pháp lý bảo tồn di tích (*các văn bản pháp quy,…*); tiêu chí phân loại di tích.

Trên cơ sở tập sách *Hướng dẫn bảo tồn di tích kiến trúc gỗ* (*dành cho các chủ di tích*), năm 2008, tập sách *Cẩm nang bảo tồn dành cho chủ di tích, Khu di sản thế giới Hội An, Việt Nam* được xuất bản bởi Trung tâm Quản lý Bảo tồn Di tích Hội An phối hợp với Viện Văn hóa quốc tế - Trường Đại học Nữ Chiêu Hòa (*Nhật Bản*) và UNESCO thực hiện. Nội dung tập sách thông tin, hướng dẫn khá đầy đủ và chi tiết các nội dung mang tính tiêu chuẩn về bảo tồn di tích Khu Di sản văn hóa thế giới phố cổ Hội An, bao gồm: Bối cảnh và công tác bảo tồn (*tìm hiểu các nguyên tắc bảo tồn, bối cảnh lịch sử và xã hội, bối cảnh đô thị, bối cảnh khu di sản, các loại hình di tích*); tìm hiểu về ngôi nhà di tích của bạn (*tìm hiểu về loại hình di tích, dữ liệu, xác định điểm quan trọng trong ngôi nhà, việc sử dụng di tích trong tương lai và những yêu cầu, các quy định pháp lý về công tác bảo tồn*); đánh giá về tình trạng di tích (*tìm hiểu những vị trí dễ bị hư hỏng, đánh giá phần nội thất, phần ngoại thất, đánh giá di tích, hướng dẫn thực hành kiểm tra di tích, hướng dẫn thực tiễn, tóm tắt hiện trạng di tích*); thiết lập mục tiêu bảo tồn (*xác định những phần cần giữ lại và những phần có thể thay đổi, tu sửa hay thay đổi hay tái sử dụng thích hợp, thiết lập các mục tiêu bảo tồn, xác định thứ tự ưu tiên đối với công tác bảo tồn*); lập dự án bảo tồn (*thủ tục hành chính, tư vấn kỹ thuật, các nguồn tài chính, mẫu dự trù kinh phí, chuẩn bị kế hoạch và kinh phí thực hiện*); sửa chữa và bảo tồn (*các yếu tố liên quan đến gỗ, phần nề, những vấn đề của di tích, phần ngoại thất, nội thất, kiểm tra di tích, ngăn ngừa rủi ra*), nguồn lực (*nguồn lực địa phương: vật liệu, thợ thủ công, cán bộ kỹ thuật, các nguồn tài chính, danh mục tài liệu tham khảo, thuật ngữ*), phụ lục (*các quy định về bảo tồn, bộ hồ sơ mẫu của một ngôi nhà cổ, mẫu đơn xin tu bổ, …*).

Với đặc thù Khu phố cổ Hội An là "*bảo tàng sống*", vấn đề giải quyết bài toán giữa bảo tồn và phát triển gắn với đáp ứng những yêu cầu thiết yếu của nhân dân khu di sản đã được chính quyền thành phố Hội An, tỉnh Quảng Nam quan tâm từ rất sớm. Năm 1987, sau khi Khu phố cổ Hội An được công nhận di tích cấp quốc gia (*năm 1985*), UBND tỉnh Quảng Nam - Đà Nẵng đã ban hành Quy chế bảo vệ và sử dụng Khu phố cổ Hội An. Ngay sau khi Khu phố cổ Hội An được công nhận Di sản văn hóa thế giới, vào năm 2000, UBND thị xã Hội An (*nay là thành phố Hội An*) đã ban hành Quy chế quản lý, bảo tồn và sử dụng di tích và danh thắng Hội An. Để đáp ứng yêu cầu bảo tồn Khu phố cổ trước áp lực phát triển du lịch ngày càng mạnh mẽ, năm 2006, UBND thị xã Hội

An ban hành Quy chế quản lý, bảo tồn, sử dụng di tích trong Khu phố cổ Hội An (*theo Quyết định số 2337/2006/QĐ-UBND ngày 10/10/2006*). Từ năm 2006-2008, Hội An tiếp tục ban hành nhiều quy chế liên quan đến bảo tồn và phát huy giá trị di tích như: Quy chế quản lý hoạt động quảng cáo, viết đặt biển hiệu trên địa bàn thị xã Hội An ban hành theo Quyết định số 1036/2006/QĐ-UBND ngày 23/3/2006 (*có quy định về viết đặt biển hiệu tại di tích ở Khu phố cổ*), Quy chế hoạt động tham quan du lịch trên địa bàn thị xã Hội An theo Quyết định số 04/2007/QĐ-UBND ngày 6/4/2007, Quy chế quản lý hoạt động sản xuất, kinh doanh hàng hóa, dịch vụ thương mại trong khu phố cổ và một số vùng phụ cận được ban hành theo Quyết định số 06/2008/QĐ-UBND ngày 30/6/2008. Tất cả các quy chế trên cùng với Quy chế tạm thời về quản lý hoạt động vận chuyển khách du lịch bằng đường thủy trên địa bàn thị xã Hội An ban hành theo Quyết định số 1831/2007/QĐ-UBND ngày 19/7/2007 được Phòng Thương mại và Du lịch Hội An tập hợp, xuất bản thành tập sách "*Một số quy định quản lý, bảo tồn, sử dụng di tích, kinh doanh thương mại - du lịch và dịch vụ trong Khu phố cổ và trên địa bàn thành phố Hội An*" vào năm 2008 để phổ biến rộng rãi trong nhân dân. Riêng đối với khu di tích làng gốm Thanh Hà, năm 2008, thành phố Hội An ban hành Quy chế quản lý, bảo tồn làng gốm Thanh Hà. Ngoài các quy chế, thành phố Hội An còn ban hành Cơ chế quản lý hỗ trợ kinh phí xây dựng, sửa chữa - cải tạo công trình, nhà ở riêng lẻ thuộc sở hữu tư nhân - tập thể trong Khu phố cổ Hội An kèm theo Quyết định số 2431/QĐ-UBND ngày 27/10/2016. Theo cơ chế này, ngân sách thành phố sẽ hỗ trợ tu bổ di tích tư nhân - tập thể trong khu phố cổ từ 40 - 75% tổng mức kinh phí tùy theo loại giá trị bảo tồn và vị trí của di tích. Có thể thấy, các quy chế, cơ chế do UBND thị xã Hội An bàn hành đảm bảo được lợi ích giữa các bên liên quan, hài hòa mối quan hệ giữa bảo tồn trong phát triển nên được nhân dân đồng thuận ủng hộ. Vì vậy, Hội An đạt được nhiều thành tựu trong công tác bảo tồn và phát huy giá trị di sản, được các chuyên gia, các nhà nghiên cứu trong nước và quốc tế đánh giá là "*chuẩn mực quốc tế về bảo tồn*".

Năm 2020, theo những quy định mới về thẩm quyền ban hành các văn bản pháp quy cũng như để đáp ứng yêu cầu bảo tồn và phát huy di sản văn hóa thế giới Khu phố cổ Hội An trong giai đoạn mới (*Luật tổ chức chính quyền địa phương năm 2015 và quy định của Nghị định 109/2017/NĐ-CP ngày 21/9/2017 Quy định về bảo vệ và quản lý di sản văn hóa và thiên nhiên thế giới ở Việt Nam,…*), thành phố Hội An tham mưu bộ quy chế mới để quản lý di sản văn hóa thế giới Khu phố cổ Hội An. Bộ quy chế này (*Quy chế Bảo vệ Di sản văn hóa thế giới Khu phố cổ Hội An*) được UBND tỉnh Quảng Nam ban hành tại Quyết định số 19/2020/QĐ-UBND ngày 18/12/2020. Quy chế có 10 chương, 37 điều, đó là sự tích hợp các quy chế và cơ chế đã được UBND thành phố Hội An ban hành trước đây. Để tuyên truyền phổ biến Quy chế Bảo vệ Di sản văn hóa thế giới Khu phố cổ Hội An đến với đông đảo tầng lớp nhân dân, đặc biệt là chủ di tích, các cá nhân, cơ quan, doanh nghiệp có liên quan đến hoạt động bảo tồn và phát huy giá trị Khu di sản thế giới phố cổ Hội An, Trung tâm Quản lý Bảo tồn Di sản Văn hóa Hội An đã tổ chức xuất

bản tập sách giới thiệu nội dung quy chế, tổ chức nhiều hội nghị tuyên truyền quy chế. Trong tập sách *Quy chế Bảo vệ Di sản văn hóa thế giới Khu phố cổ Hội An,* bên cạnh giới thiệu nội dung quy chế và các phụ lục kèm theo còn có nội dung hướng dẫn thủ tục cấp giấy phép tu bổ, tôn tạo di tích - nhà ở trong Khu phố cổ: quy trình cấp phép, thành phần bộ hồ sơ đề nghị cấp phép, các mẫu đơn liên quan; thông tin về các cơ quan, đơn vị cần liên hệ,…

Bên cạnh biên soạn và xuất bản sách, tài liệu để tuyên truyền, việc ứng dụng công nghệ thông tin, đa dạng hóa các kênh thông tin, sử dụng các kênh thông tin đại chúng, các nền tảng xã hội để tăng cường hiệu quả tuyên truyền về giá trị di tích và quy định pháp luật về di tích đã được Hội An đẩy mạnh thực hiện. Từ năm 2008, Trung tâm Quản lý Bảo tồn Di sản Văn hóa Hội An đã mở chuyên mục phát thanh Bảo tồn Di sản trên sóng FM đài Truyền thanh - Truyền hình Hội An, phát sóng với thời lượng 15 phút/lần, tuần 2 lần. Thiết lập 02 website (*hoianheritage.net, hoianmuseum.com*) có modun/ nhóm tin riêng về di tích và văn bản/ hướng dẫn liên quan đến bảo tồn di tích; 2 địa chỉ facebook (*Di sản Hội An, Bảo tàng Hội An*) và Oazalo Trung tâm Quản lý Bảo tồn Di sản Văn hóa Hội An để thông tin. Ngoài ra, thành phố Hội An còn thành lập Lực lượng cộng tác viên Bảo tồn di sản với thành phần gồm tổ trưởng, tổ phó tổ dân phố; khối trưởng, khối phó khối phố; cán bộ chuyên trách một số xã phường, cán bộ chuyên môn một số phòng ban; các nhà nghiên cứu địa phương. Lực lượng này là "*cánh tay nối dài*" để thành phố Hội An tiếp nhận thông tin, kịp thời điều chỉnh các giải pháp để công tác quản lý, bảo tồn và phát huy di sản văn hóa Hội An nói chung, các di tích nói riêng được tốt hơn. Hằng năm, thành phố Hội An đều tổ chức gặp mặt lãnh đạo thành phố với chủ di tích, đại diện chủ di tích, lực lượng cộng tác viên bảo tồn di sản,… để phổ biến những thông tin mới, đồng thời trao đổi, thảo luận, tiếp thu ý kiến để có biện pháp giải quyết các vướng mắc, bất cập phát sinh liên quan đến di tích.

Đối với các di tích cộng đồng, tùy theo cấp xếp hạng di tích và theo phân cấp quản lý nhà nước, tất cả đều có thành lập tổ quản lý để trông nôm, chăm sóc, bảo vệ di tích. Quy chế làm việc của tổ quản lý di tích, các quy định về bảo vệ di tích cũng được cơ quan chuyên môn ở Hội An biên soạn, in ấn và công khai tại di tích.

Chương trình cắm mốc khoanh vùng, lập bia, gắn, đặt bảng thông tin di tích được Hội An triển khai từ rất sớm giúp nhân dân và du khách biết được lịch sử, giá trị của di tích để qua đó cùng hiểu hơn về di sản quê hương và chung tay bảo vệ. Hiện nay, hầu hết các di tích khảo cổ học, các di tích lịch sử cách mạng, các di tích tín ngưỡng cộng động đã được dựng, gắn, đặt bảng thông tin giới thiệu di tích. Cùng với đó, tại các địa phương như xã Cẩm Thanh, xã Cẩm Hà, Cẩm Nam cũng được dựng bảng chỉ đường đi đến di tích tạo điều kiện thuận lợi cho người dân và du khách tiếp cận, tìm hiểu di tích, góp phần phát triển du lịch cộng đồng ở các địa phương.

III. Thay lời kết

Việc xây dựng và ban hành các hướng dẫn cho cộng động trong bảo vệ, chăm sóc và phát huy giá trị di tích đã mang lại những hiệu quả tích cực, không chỉ góp phần để cộng đồng nhận thức

được giá trị của di tích qua đó nâng cao lòng tự hào về di sản của tiền nhân để lại, mà còn hiểu được các nguyên tắc, phương pháp, cách thức, quy định, lợi ích,… của việc gìn giữ và trao truyền di tích, di sản lại cho thế hệ mai sau. Chính vì vậy, Hội An đã huy động được nguồn lực xã hội to lớn để bảo tồn di sản. Bên cạnh hỗ trợ của nhà nước, chủ di tích đã chủ động đầu tư kinh phí quét vôi, gia cố, dặm vá, sửa chữa, tu bổ di tích. Đến nay, đóng góp của cộng đồng trong công tác tu bổ di tích là rất lớn, Hội An không còn di tích xuống cấp nặng. Sự phối hợp giữa nhà nước và chủ sở hữu trong bảo vệ, tu bổ di tích ở Hội An được đánh giá là kinh nghiệm điển hình. Nhiều công trình tu bổ di tích ở Hội An được UNESCO châu Á - Thái Bình Dương trao tặng giải thưởng như Giải thưởng công nhận nỗ lực bảo tồn di sản của địa phương (*LEAP*) và Giải thưởng công nhận nghệ nhân hợp tác trong bảo tồn di sản - ông Huỳnh Ri vào năm 2001; Giải thưởng Công trạng cho nhà thờ tộc Trương về bảo tồn công trình văn hóa vào năm 2004; Giải thưởng Danh dự cho nhà thờ tộc Tăng về bảo tồn công trình văn hóa vào năm 2009… Những di tích được bảo tồn một cách chu đáo là tài nguyên, nguồn lực quan trọng để phát triển kinh tế - xã hội ở Hội An, đặc biệt là phát triển du lịch theo định hướng xây dựng Hội An - Thành phố sinh thái, văn hóa, du lịch◈

<u>Tài liệu tham khảo chính:</u>

1. Trần Ánh (2005), *Nhà gỗ Hội An - Những giá trị và giải pháp bảo tồn*,in tại Công ty in Quảng Nam

2. Nguyễn Chí Trung (2010), *Cư dân Faifo - Hội An trong lịch sử*, NXB Đà Nẵng

3. Trung tâm Quản lý Bảo tồn Di tích Hội An (2000), *Danh mục di tích Hội An*, in tại Công ty in Quảng Nam

4. Trung tâm Quản lý Bảo tồn Di tích Hội An (2003), *Hướng dẫn Bảo tồn di tích kiến trúc gỗ (dành cho các chủ di tích)*, in tại Công ty in Quảng Nam

5. Trung tâm Quản lý Bảo tồn Di tích Hội An (2007), *Di tích – Danh thắng Hội An (song ngữ Việt - Anh)*, in tại Công ty cổ phần In và Dịch vụ Quảng Nam

6. Trung tâm Quản lý Bảo tồn Di sản Văn hóa Hội An (2014), *Di tích - Danh thắng Cẩm Thanh*, NXB Đà Nẵng

7. Trung tâm Quản lý Bảo tồn Di sản Văn hóa Hội An (2015), *Di tích - Danh thắng Hội An*, NXB Đà Nẵng

8. Trung tâm Quản lý Bảo tồn Di sản Văn hóa Hội An (2020), *Quy chế Bảo vệ di sản văn hóa thế giới Khu phố cổ Hội An*, NXB Đà Nẵng

9. Trung tâm Quản lý Bảo tồn Di sản Văn hóa Hội An (2022), *Di tích - Danh thắng Cẩm Kim*, NXB Đà Nẵng

10. Trung tâm Quản lý Bảo tồn Di tích Hội An, Viện Văn hóa quốc tế - Đại học Nữ Chiêu Hòa, UNESCO (2008), *Cẩm nang bảo tồn dành cho chủ di tích, Khu di sản thế giới Hội An, Việt Nam*, NXB Đà Nẵng

TRUNG TÂM QUẢN LÝ BẢO TỒN DI SẢN VĂN HÓA HỘI AN VỚI CÔNG TÁC QUẢN LÝ, BẢO TỒN, PHÁT HUY GIÁ TRỊ DI SẢN VĂN HÓA HỘI AN THEO LUẬT DI SẢN

CN. Trần Phương

Sự ra đời của Luật Di sản văn hóa vào ngày 26/9/2001 và sửa đổi bổ sung một số điều năm 2009 cùng với một hệ thống văn bản dưới luật đã tạo nên cơ sở pháp lý thuận lợi, đảm bảo cho công tác quản lý, bảo vệ, phát huy giá trị di sản văn hóa của dân tộc, góp phần tác động tích cực đến đời sống văn hóa, kinh tế xã hội đất nước trong thời gian qua. Nhận thức được tầm quan trọng đó, thành phố Hội An đã thực hiện nhiều giải pháp nhằm đảm bảo thực hiện theo đúng quy định và phù hợp với tình hình thực tế đặc thù của địa phương, đặc biệt trong công tác quản lý, bảo vệ, phát huy giá trị di sản theo Luật Di sản văn hóa.

Tổng quan về di sản văn hóa Hội An

Về di sản văn hóa vật thể, theo số liệu thống kê, hiện nay trên địa bàn thành phố Hội An có 1.439 di tích thuộc đủ 4 loại hình theo phân loại của Luật Di sản văn hóa và các nghị định, thông tư liên quan. Trong đó, có 24 di tích khảo cổ, 1.337 di tích kiến trúc nghệ thuật, 70 di tích lịch sử, 08 danh thắng. Trong số 1.337 di tích kiến trúc nghệ thuật, sở hữu tư nhân và tập thể chiếm đến khoảng 80%. Di sản văn hoá phi vật thể trên địa bàn thành phố Hội An cũng rất phong phú, đa dạng khi có đầy đủ cả 07 loại hình theo Thông tư số 04/2010/TT-BVHTTDL ngày 30/6/2010 của Bộ Văn hoá, Thể thao và Du lịch. Di sản tư liệu ở Hội An hiện nay cũng khá phong phú, được lưu giữ, bảo quản tốt trong các cơ quan, cộng đồng, tộc họ, gia đình và được Trung tâm thực hiện công tác sưu tầm, tập hợp, nghiên cứu, xuất bản ấn phẩm trong thời gian qua.

Công tác quản lý, bảo vệ di sản văn hóa Hội An

Ngoài việc áp dụng các văn bản pháp quy của trung ương và tỉnh, với những đặc thù của di tích ở Hội An, Trung tâm đã tham mưu UBND thành phố xây dựng, ban hành nhiều quy định thông qua các Quy chế, Cơ chế như: "*Quy chế quản lý, bảo tồn, sử dụng di tích trong khu phố cổ (2006)*"; Quy chế này đã được Trung tâm tham mưu, điều chỉnh, bổ sung vào các năm 2008, 2015,... Đến năm 2020, "*Quy chế bảo vệ di sản văn hóa thế giới khu phố cổ Hội An*" *(tích hợp Quy chế này và một số Quy chế liên quan)* được UBND tỉnh Quảng Nam ban hành tại Quyết định số 19/2020/QĐ-UBND ngày 18/12/2020.

Đối với di tích trong khu phố cổ, Trung tâm đã tham mưu UBND thành phố ban hành Cơ chế quản lý hỗ trợ kinh phí xây dựng, sửa chữa - cải tạo công trình, nhà ở riêng lẻ thuộc sở hữu tư nhân - tập thể vào năm 2016. Theo đó, ngân sách nhà nước sẽ hỗ trợ từ 40% đến

Miếu tổ nghề yến ở Cẩm Thanh (miếu Ông Tiến) - Ảnh: Quang Ngọc

75% kinh phí cho chủ di tích trong công tác tu bổ, tùy theo giá trị bảo tồn của di tích, địa điểm di tích ở trục đường chính hay kiệt/hẻm và đảm bảo các quy định khác liên quan.[1] Đối với di tích ngoài khu phố cổ, vào năm 2010, Trung tâm đã tham mưu UBND thành phố ban hành Cơ chế hỗ trợ kinh phí đầu tư tu bổ; trong đó, tùy theo giá trị và hình thức sở hữu, ngân sách nhà nước sẽ có mức hỗ trợ đầu tư tu bổ cụ thể.[2] Cũng trong năm này, Trung tâm đã tham mưu UBND thành phố ban hành Quyết định về việc hỗ trợ kinh phí bảo vệ di tích cho 46 di tích tín ngưỡng cộng đồng.[3] Mạng lưới cộng tác viên quản lý, bảo tồn di sản trong khu phố cổ được thành lập từ năm 2011 và được kiện toàn vào năm 2020 với 27 thành viên (*khối trưởng, tổ trưởng dân phố, cán bộ công tác tại các cơ quan, đơn vị trên địa bàn thành phố có liên quan đến công tác quản lý, bảo tồn khu phố cổ, những người hoạt động trong lĩnh vực văn hóa, những người có tâm huyết với di sản*).[4]

Công tác điều tra, khảo sát, thống kê, lập danh mục di tích lịch sử - văn hóa trên địa bàn thành phố thường xuyên được Trung tâm thực hiện. Hàng năm, danh mục di tích được cập nhật, bổ sung khi có phát hiện di tích mới. Riêng di tích trong khu phố cổ đã thực hiện đánh giá, phân loại giá trị bảo tồn từng công

[1] Quyết định số 1912/QĐ-UBND ngày 05/9/2008 của UBND thành phố Hội An về việc ban hành Cơ chế quản lý việc hỗ trợ kinh phí tu bổ các di tích sở hữu tư nhân - tập thể *(Cơ chế này đã được thay thế)* bằng Quyết định số 2431/QĐ-UBND ngày 27/10/2016 của UBND thành phố Hội An về việc ban hành Cơ chế quản lý hỗ trợ kinh phí xây dựng, sửa chữa - cải tạo công trình, nhà ở riêng lẻ thuộc sở hữu tư nhân - tập thể trong khu phố cổ Hội An.

[2] Di tích cấp quốc gia: Di tích nhà nước được đầu tư 100%, di tích sở hữu tư nhân - tập thể là từ 40 - 100%. Di tích cấp tỉnh: Di tích nhà nước được đầu tư 100%, di tích sở hữu tư nhân - tập thể là từ 10 - 75%. Di tích trong danh mục bảo vệ thành phố: Di tích nhà nước được đầu tư 100%, di tích sở hữu tư nhân - tập thể là từ 30 - 60%.

[3] Mức hỗ trợ hiện nay được phân cấp theo giá trị di tích là: Di tích cấp quốc gia: 350.000đ/tháng/người, di tích cấp tỉnh: 300.000 đ/tháng/người, di tích thuộc danh mục bảo vệ của thành phố: 270.000 đ/tháng/người.

[4] Kinh phí hỗ trợ hoạt động cho đội ngũ này là 150.000đ/tháng/người.

trình, từ loại đặc biệt, loại I, II, III, IV để có giải pháp quản lý, bảo tồn phù hợp. Công tác nghiên cứu, lập hồ sơ khoa học trình đề nghị xếp hạng di tích các cấp thường xuyên được quan tâm thực hiện, qua đó tạo cơ sở pháp lý để quản lý và bảo vệ di tích. Các di tích tín ngưỡng cộng đồng trên địa bàn thành phố đều được thành lập Tổ quản lý di tích. Công tác khảo sát, nắm bắt tình hình di tích được Trung tâm thực hiện định kỳ trong từng năm, qua đó giải quyết kịp thời các vấn đề phát sinh, triển khai các giải pháp chống đỡ bảo vệ di tích trước mùa bão lũ. Hầu hết các di tích đều đã được khoanh vùng bảo vệ, cắm mốc, đặt bảng nội quy, thông tin thuyết minh di tích. Công tác cấp phép xây dựng, tu bổ di tích trong khu phố cổ, giám sát tu bổ di tích, trật tự xây dựng có sự tham gia phối hợp thường xuyên của Trung tâm cùng các cơ quan chức năng.

Công tác khai quật khảo cổ được quan tâm triển khai thực hiện xuyên suốt, đảm bảo tính khoa học (*từ năm 1999 đến năm 2022, Trung tâm đã phối hợp tiến hành 14 đợt khai quật, thám sát khảo cổ trên địa bàn thành phố*). Các di chỉ khảo cổ học được thực hiện các thủ tục khoanh vùng, dựng bia cắm mốc để bảo vệ. Các hiện vật khảo cổ được xử lý, bảo quản tốt, phục vụ trưng bày tại các bảo tàng do Trung tâm quản lý.

Công tác tu bổ di tích đạt nhiều thành quả, nguồn kinh phí đầu tư cho hoạt động này được mở rộng, đa dạng (*hỗ trợ nước ngoài, kinh phí của trung ương, tỉnh, thành phố, của chủ di tích và xã hội hóa*). Đối với kinh phí trung ương chủ yếu thực hiện Quy hoạch đầu tư tổng thể bảo tồn, tôn tạo và phát huy giá trị di sản văn hóa thế giới khu phố cổ Hội An gắn với phát triển thành phố Hội An và Du lịch giai đoạn 2012 - 2025 theo Quyết định số 78/QĐ-TTg ngày 12/01/2012 của Thủ tướng Chính phủ. Nguồn kinh phí của tỉnh đầu tư cho Dự án đầu tư tu bổ khẩn cấp các di tích có nguy cơ sụp đổ trong khu phố cổ với cơ chế phân bổ kinh phí 60% của tỉnh và 40% của thành phố Hội An. Nguồn kinh phí của thành phố thu từ bán vé tham quan khu phố cổ được đầu tư tu bổ cho di tích nhà nước 100% và hỗ trợ di tích tư nhân - tập thể theo Cơ chế hỗ trợ nêu trên. Kinh phí đầu tư của chủ/đại diện chủ di tích cho việc tu bổ di tích cũng khá lớn. Toàn bộ di tích nhà nước, di tích thuộc sở hữu tập thể cộng đồng do nhà nước làm chủ đầu tư; di tích còn lại do chủ/ đại diện chủ di tích làm chủ đầu tư, có sự tham gia giám sát, hướng dẫn của cơ quan chuyên môn.

Đối với di sản văn hóa phi vật thể, qua các đợt khảo sát, kiểm kê trên địa bàn thành phố, Trung tâm đã nhận diện và lập hồ sơ cho hơn 40 di sản; trong đó đã có 06 di sản đã được đưa vào Danh mục di sản văn hoá phi vật thể quốc gia[5] (*hiện nay đã trình Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch 02 hồ sơ di sản: Nghề đan võng ngô đồng ở Tân Hiệp và nghề làm nhà tre dừa ở Cẩm Thanh*). Trung tâm đã lập hồ sơ đề nghị công nhận nghệ nhân ưu tú cho 04 nghệ nhân trên lĩnh vực di sản văn hóa phi vật thể. Năm 2016, Trung tâm đã tham mưu UBND thành phố ban hành Đề án Bố trí buôn bán hàng rong, vỉa hè trong khu phố cổ Hội An. Hoạt động buôn bán hàng rong, vỉa hè trong khu phố cổ đã xuất hiện từ xưa, là một trong những yếu tố tạo nên phần "hồn" của khu phố cổ và là sản

[5] Nghề mộc Kim Bồng, nghề khai thác yến sào Thanh Châu, nghề gốm Thanh Hà và nghề trồng rau Trà Quế, Tết Trung Thu ở Hội An, Tết Nguyên Tiêu ở Hội An

phẩm văn hóa truyền thống của thành phố. Vì thế, đề án được xây dựng với mục đích vừa gìn giữ bảo tồn yếu tố truyền thống văn hóa buôn bán vỉa hè, hàng rong, vừa phát triển tạo nên một sản phẩm du lịch đặc sắc của khu phố cổ Hội An nhưng đồng thời phải đảm bảo sự ổn định, trật tự, an toàn, phù hợp với giá trị truyền thống và cảnh quan của khu phố cổ.

Di sản tư liệu liên quan đến Hội An được Trung tâm đặc biệt bảo quản, gìn giữ tốt, từng bước được thực hiện số hóa nhằm lưu giữ, bảo quản, phát huy các giá trị của tư liệu di sản văn hóa Hội An một cách hiệu quả. Công tác số hóa di sản được Trung tâm quan tâm thực hiện nhằm phục vụ công tác quản lý, bảo tồn và phát huy giá trị di sản văn hóa Hội An trong bối cảnh hiện nay. Nhận thức đây là một trong những nhiệm vụ quan trọng của công tác quản lý, bảo tồn và phát huy giá trị di sản văn hóa Hội An nên song song với việc xây dựng hồ sơ giấy, Trung tâm đã tiến hành xây dựng file điện tử về hồ sơ di tích thông qua việc số hóa hồ sơ giấy kết hợp sử dụng các thiết bị số để tạo lập file bổ sung (*phim, ảnh*) hoặc xây dựng hồ sơ mới. Đến nay, hầu hết các di tích trên địa bàn thành phố Hội An đều có hồ sơ để quản lý. Những bài viết nghiên cứu, giới thiệu về giá trị lịch sử - văn hóa của di tích, hiện vật tại di tích cũng được chú trọng thực hiện để tuyên truyền giới thiệu ở chuyên mục phát thanh Bảo tồn Di sản phát trên sóng Đài Truyền thanh - Truyền hình Hội An, cập nhật trên trang thông tin điện tử.

Hợp tác quốc tế nghiên cứu khảo cổ học ở Hội An
Ảnh: Hồng Việt

Trung tâm cũng đã ứng dụng Google Earth, Google Map để cập nhật, định vị di tích. Đặc biệt, vừa qua di tích Chùa Cầu đã được số hóa bằng công nghệ quét 3D. Việc thực hiện quét mã QR cũng được triển khai cho một số di tích lịch sử cách mạng. Hiện nay, Trung tâm đang xây dựng hồ sơ dự án Số hóa và xây dựng cơ sở dữ liệu số về di sản văn hóa Hội An. Mục tiêu và nội dung của dự án này hướng đến góp phần thực hiện Chương trình số hóa di sản văn hóa Việt Nam giai đoạn 2021 - 2030 được phê duyệt tại Quyết định số 2026/QQĐ-TTg ngày 02/12/2021 của Thủ tướng Chính phủ.

Công tác phát huy giá trị di sản văn hóa Hội An

Hiện nay, Trung tâm đang quản lý 06 bảo tàng/phòng trưng bày chuyên đề. Với đặc thù của di sản văn hóa Hội An,

chủ đề trưng bày của các bảo tàng/ phòng trưng bày chuyên đề này khá đa dạng, từ các nền văn hóa, di vật khảo cổ đến văn hóa dân gian, lịch sử cách mạng, ngành nghề truyền thống,... trong đó có 02 bảo tàng trưng bày các di vật khảo cổ về văn hóa Sa Huỳnh[6] và Gốm sứ mậu dịch[7]. Từ khi thành lập cho đến nay, các bảo tàng chuyên đề này đã phát huy tốt vai trò tuyên truyền, giới thiệu về lịch sử, văn hóa Hội An qua các giai đoạn lịch sử. Trong những năm qua, trước xu thế phát triển của hệ thống bảo tàng trên thế giới cũng như nhu cầu của khách tham quan, các bảo tàng từng bước được đổi mới phương pháp trưng bày, công tác phục chế đảm bảo tính mỹ thuật của hiện vật trưng bày được chú trọng; hoạt động trải nghiệm, tương tác với du khách khi đến với bảo tàng được đẩy mạnh nhằm tạo nên các điểm đến hấp dẫn hơn.[8] Nằm trong nội dung chương trình "*Chúng em cùng nhau khám phá bảo tàng*", Trung tâm thường xuyên tổ chức hoạt động trải nghiệm khảo cổ dành cho các em học sinh của các trường học trên địa bàn thành phố tại bảo tàng Gốm sứ Mậu dịch (*80 Trần Phú*) để các em được tham gia hoạt động tham quan trải nghiệm. Tại đây các em học sinh được tìm hiểu về các dòng gốm Việt Nam, Nhật Bản, Trung Hoa, đồng thời dưới sự hướng dẫn của nhân viên bảo tàng, các em học sinh được tham gia trải nghiệm tự gắn ghép những mảnh gốm cùng loại về chất liệu (*gốm đất nung, gốm tráng men*) và tìm hiểu hoa văn trang trí trên gốm. Qua hoạt động này giúp cho các em học sinh tiếp cận, hiểu hơn về di sản văn hóa địa phương và công tác khảo cổ.

Có thể khẳng định, công tác quản lý, bảo vệ, phát huy giá trị di sản văn hóa Hội An theo Luật Di sản văn hóa là một trong những nhiệm vụ quan trọng hàng đầu của thành phố Hội An trong thời gian qua, qua đó góp phần gìn giữ, bảo tồn, phát huy giá trị của di sản của các thế hệ tiền nhân, thu hút du khách đến tham quan, thúc đẩy phát triển kinh tế địa phương hiệu quả. Do đó, công tác quản lý, bảo vệ, phát huy giá trị di sản văn hóa trên địa bàn thành phố Hội An cần tiếp tục được đầu tư, nghiên cứu, bổ sung, điều chỉnh một cách hợp lý theo tình hình thực tế trong hiện tại và tương lai◈

---

[6] Bảo tàng Văn hóa Sa Huỳnh được thành lập từ năm 1994, hiện ở tại số 149 đường Trần Phú, trong ngôi nhà cổ 2 tầng mang phong cách kiến trúc Pháp, diện tích trưng bày 503m^2. Tại đây trưng bày 787 đơn vị hiện vật cùng các hình ảnh và thông tin về các di tích khảo cổ từ thời kỳ Tiền Sa Huỳnh đến Sa Huỳnh và giai đoạn Champa sớm có niên đại hơn 2.000 năm cách ngày nay. Các hiện vật trưng bày thuộc nhiều loại hình, chất liệu như bát, cốc, "đèn", bát bồng, chum mộ,.. bằng đất nung, hạt chuỗi, khuyên tai chất liệu đá mã não, thuỷ tinh, nephrite,.. dao, rìu, đục,.. bằng sắt, hay tiền đồng,...

[7] Bảo tàng Gốm sứ Mậu dịch mở cửa từ năm 1995, trong ngôi nhà cổ 2 tầng bằng gỗ điển hình ở số 80 đường Trần Phú, thành phố Hội An. Diện tích sử dụng cho trưng bày là 519m^2, trưng bày bộ sưu tập hơn 430 hiện vật gốm thương mại Việt Nam, Trung Quốc, Thái Lan, Nhật Bản, Trung Cận Đông,.. có niên đại từ thế kỷ VIII-IX đến đầu thế kỷ XX, được phát hiện qua các đợt khai quật khảo cổ tại di tích Bãi Làng, đình Cẩm Phô, tàu đắm Cù Lao Chàm,...

[8] Năm 2018, các điểm bảo tàng, di tích do Trung tâm trực tiếp quản lý đã đón 2.396.372 lượt khách đến tham quan. Trong đó khách quốc tế là 2.050.449 lượt, khách trong nước là 345.923 lượt. So với năm 2017, tổng lượt khách tham quan năm 2018 tăng 20%, trong đó khách quốc tế tăng 30,8%.

MỘT SỐ THÔNG TIN VỀ CHÍNH SÁCH "THỌ QUAN" VÀ "THỌ DÂN" CỦA NHÀ NGUYỄN

ThS. Phạm Phước Tịnh

Trong lịch sử Việt Nam, nhà Nguyễn (*1802 - 1945*) là một trong những triều đại để lại nhiều dấu ấn và thành tựu trên nhiều lĩnh vực kinh tế, văn hóa, xã hội, đặc biệt là di sản văn hóa vô cùng phong phú và đa dạng. Nhiêu di sản văn hóa của Huế đã được UNESCO công nhận là di sản văn hóa thế giới, di sản tư liệu, kí ức đó là *Quần thể di tích cố đô Huế, Nhã nhạc cung đình Huế, Châu bản triều Nguyễn, Mộc bản triều Nguyễn, Thơ văn trên kiến trúc cung đình Huế*.

Dưới thời nhà Nguyễn, nhiều chính sách, điển lệ được các vua ban hành để xây dựng và phát triển vương triều lớn mạnh và vững chắc, đặc biệt một trong những chính sách văn hóa được ban hành và ghi vào điển lệ để thực hiện, đó là chính sách "*thọ quan*" và "*thọ dân*" để ban cho với quan lại, người dân trong cả nước, trong đó có Hội An nói riêng, Quảng Nam nói chung. Chính sách này đã được quy định và ghi chép trong các bộ sử lớn của triều Nguyễn như *Đại Nam thực lục, Khâm định Đại Nam hội điển sử lệ,…*

Để thực hiện cho chính sách này, theo *Đại Nam thực lục*[1] ghi chép: vào năm Minh Mệnh thứ 4 (*1823*), định lệ nêu thưởng quan thọ và dân thọ. Vua dụ Bộ Lễ rằng: "*Thượng cổ đều lấy trăm tuổi là kỳ hạn. Song từ trước đến nay thọ đến 70 tuổi đã khen là ít có. Huống chi thọ tới 100 tuổi, được đến tuổi "kỳ dị" như thế thực là điều tốt của người buổi thái bình. Trẫm mong nước và dân trường thọ để được thấm nhuần ơn lớn. Từ nay các chức quan lớn nhỏ, tuổi 80 trở lên, thì cho đề tâu rõ ràng, đợi chỉ để thưởng cấp tiền lụa theo thứ bậc. Như quan nhất nhị tam phẩm mà thọ đến 100 tuổi thì thưởng 100 lạng bạc, 10 tấm lụa; từ ngũ lục phẩm thì 80 lạng bạc, 8 tấm lụa; thất bát cửu phẩm thì 60 lạng bạc, 6 tấm lụa. Mệnh phụ thì chiếu phẩm mà giảm 1 phần 3. Đều cấp cho biển ngạch, dựng đình ở cửa làng để nêu khen. Lại cách ngoại gia thêm quan hàm và thưởng thêm ghế, gậy, đồ vặt, gấm, đoạn, vàng, lụa. Tới kỳ thì tâu rõ ràng, đợi chỉ để ban cấp.*

Thọ 110 tuổi thì lại thêm 50 lạng bạc, 5 tấm lụa; cứ thêm 10 tuổi thì số tiền lụa lại gấp đôi lên, thưởng cấp hậu thêm. Còn như sĩ lưu, hương trưởng mà thọ 100 tuổi thì thưởng 30 lạng, vải lụa đều 5 tấm, cũng cho biển ngạch và dựng đình treo biển. Đàn ông thọ 100 tuổi thì thưởng 30 lạng bạc, vải lụa mỗi thứ 3 tấm, đàn bà thọ 100 tuổi thì thưởng 20 lạng bạc, lụa vải đều 2 tấm; đều được cấp biển treo ở chỗ ở. Trở lên, cứ thêm 10 tuổi thì thưởng thêm 10 lạng bạc. Nơi nào có người già thọ như thế thì quan thủ hiến và trưởng quan phủ huyện, thì thường phải hỏi thăm, đầu năm sai người đến nhà cấp rượu thịt, để tỏ rõ cái chí ưu dưỡng người già". Sai bộ Lễ chiếu lệ nêu thưởng.

[1] Quốc sử quán triều Nguyễn (bản dịch, 2007) *Đại Nam thực lục*, tập 2, Nxb Giáo Dục, tr.256-257.

Về biển ngạch: Chữ biển ngạch thọ quan và sĩ lưu thì tới kỳ tâu xin sắc cho, chữ biển ngạch của dân đàn ông thì khắc hai chữ "*Thọ dân*", của đàn bà thì khắc hai chữ "*Trinh thọ*".

Bức biển "*Thọ Dân*" treo tại nhà thờ tộc Phạm ở phường Cẩm Nam, Hội An

Sau khi ban hành định lệ, các địa phương đã dâng sách tâu lên, những người dân thọ 100 tuổi trở lên có 100 người, trong đó Quảng Nam có 37 người. Tuy nhiên, có 8 người thọ dân ở Quảng Đức, Quảng Nam, Quảng Bình, vì danh sách tâu chậm, bị bệnh chết trước. Vua nghe tin nói: "*Tuổi tác là cái quý trong thiên hạ từ lâu. Chính sách của vương giả lấy việc dưỡng lão làm đầu. Đời Hán ban chiếu lệnh ở Sơn Đông thì những người già xin thong thả đừng chết vội để xem đức hoá. Nay địa phương kinh kỳ có người tuổi cao như thế mà lại để cho thân không kịp hưởng phúc trạch thái bình, đó là tội của quan địa phương. Dinh thần đều giáng một cấp*". Điều này cho thấy, những năm đầu khi mới lên ngôi, vua Minh Mạng đã rất quan tâm đến chính sách thọ dân, thọ quan, qua đó góp phần "*an dân, trị quốc*" và xây dựng chính quyền ngày càng lớn mạnh.

Về chính sách thọ dân, theo *Khâm định Đại Nam hội điển sử lệ tục biên* [2] ghi chép: Vào Tự Đức năm thứ 16 (*1863*) có Sớ tâu được chuẩn, chiếu theo bảng danh sách theo thế thứ các thọ dân được các quan ở tỉnh Quảng Nam kê khai có tấu thêm về biển ngạch của thọ dân nghĩ nên giao cho tỉnh này cấp. Phần lớn trước đây biển ngạch cấp thọ dân ở các hạt thuộc Thừa Phủ, Quảng Trị, Quảng Bình, Quảng Nam, Quảng Ngãi giao cho Vũ Khố làm, các tỉnh phái người đến kho lãnh về để cấp. Nay các quan ở tỉnh này bàn xin giao cho tỉnh chế cấp cũng ổn thoả tiện lợi. Từ nay về sau, các hạt thuộc Quảng Trị, Quảng Bình, Quảng Nam, Quảng Ngãi nếu có biển ngạch cấp thưởng cho thọ dân, về kích thước cùng tiền gạo, chi nhân công và vật liệu bao nhiêu giao cho bộ Lễ xét kỹ, rồi tư cho các hạt ấy chế cấp.

Riêng các hạt thuộc Thừa Thiên Phủ vẫn giao cho Vũ Khố làm để được giản tiện. Đối với thọ dân 100 tuổi đối là sĩ lưu, hương trưởng: thưởng cho mỗi người 20 lạng bạc, vải lụa mỗi thứ 2 xấp, 1 tấm biển ngạch (*biển xung quanh khắc chạm hồi văn hoa lá cách điệu rồng giao, sơn son thếp bạc. Phần trước khắc 2 chữ Hán Sắc tứ - chữ bạc phủ son, phần giữa khắc ngang 2 chữ Hán lớn thọ dân, phần dưới khắc hạng người, họ tên, xã, tổng, huyện, phủ, tỉnh và dòng chữ Hán: Thọ đăng bách tuế đặc tứ tinh thưởng dụng biểu thăng bình nhân thuy, phần sau khắc niên hiệu tháng ngày*), cứ thọ thêm 10 tuổi lại thưởng thêm 10

[2] Quốc sử quán triều Nguyễn (bản dịch, 2007), *Khâm định Đại Nam hội điển sử lệ tục biên*, tập 5, Nxb Giáo dục, tr.220-222.

lạng bạc, vải lụa mỗi thứ một xấp; dân Nam thưởng 15 lạng bạc, 2 xấp vải, 1 xấp lụa, 1 tấm biển. Cứ thọ thêm 10 tuổi thưởng thêm 8 lạng bạc, 1 xấp lụa.

Như vậy, việc giao quyền cho quan tỉnh các nơi phụ trách việc cấp thưởng thọ dân cho người dân địa phương góp phần rút ngắn thời gian trình tấu lên Bộ Lễ xem xét, mặt khác đáp ứng kịp thời nguyện vọng của người dân.

Đến năm Tự Đức thứ 36 (*1883*), định lệ thưởng dân thọ có sự thay đổi, 100 tuổi: Sĩ lưu, hương trưởng mỗi người thưởng 10 lượng bạc, vải lụa mỗi thứ 1 xấp, 1 tấm biển. Cứ thọ thêm 10 tuổi, mỗi người được thưởng thêm 5 lạng bạc, 1 xấp lụa; dân Nam thì thưởng 8 lạng bạc, vải lụa mỗi thứ 1 xấp, 1 tấm biển ngạch. Cứ thọ thêm 10 tuổi mỗi người thưởng thêm 3 lạng bạc, 1 xấp lụa.

Thời các vua nhà Nguyễn, *theo Đại Nam thực lục*, tỉnh Quảng Nam có 25 người được thưởng thọ dân, gồm: năm Minh Mạng thứ 6 (*1825*) thưởng thọ dân 100 tuổi cho 5 người; năm Minh Mạng thứ 18 (*1837*) thưởng thọ dân 100 tuổi cho 5 người; năm Kiến Phúc thứ 1 (*1884*) thưởng thọ dân 100 tuổi cho Đào Văn Trứ và Lương Văn Tạo; năm Thành Thái thứ 16 (*1904*) thưởng thọ dân 100 tuổi cho Phạm Văn Cương, Nguyễn Văn Miễn, Lê Văn Khánh, Trương Văn Tiết, Võ Hội đều chiểu lệ thưởng mỗi người 8 lượng bạc, 1 tấm gấm và 1 biển ngạch; năm Thành Thái thứ 17 (*1905*) thưởng thọ dân 100 tuổi cho Trần Văn Câu huyện Lễ Dương 101 tuổi, Nguyễn Thanh Nhã ở huyện Duy Xuyên; năm Khải Định thứ 2 (*1917*) thưởng thọ dân 100 tuổi cho Nguyễn Văn Khiếu, Trương Văn Viễn, Nguyễn Đức Bình, Lê Hữu Chất, Ngô Đình Giới; năm Khải Định thứ 6 (*1921*) thưởng thọ dân 100 tuổi cho Võ Kiểm.

Qua đối chiếu tư liệu và khảo sát ở Hội An, dưới thời vua Thành Thái thứ 16, có ông Phạm Văn Cương, người xã Thanh Châu, tổng Thanh Châu, huyện Diên Phước, phủ Điện Bàn được ban sắc tứ "*Thọ dân*", hiện hoành phi này được treo trang trọng tại nhà thờ tộc Phạm ở phường Cẩm Nam, thành phố Hội An.

Đối với việc ban thưởng thọ quan, năm Tự Đức thứ 29 (*1876*), theo ghi chép trong *Khâm định Đại Nam hội điển sử lệ*[3] như sau: Định lệ thưởng thọ quan có sự thay đổi: quan nhất phẩm thưởng 100 lạng bạc, nhị phẩm thưởng 80 lạng bạc, mỗi người 2 xấp sa Bắc và sa Nam, 2 xấp lụa trừu Nam, 1 tấm biển ngạch (*Biển ngạch bốn phía chạm khắc hồi văn hoa lá cách điệu rồng giao, sơn son thếp vàng, phần đầu khắc 2 chữ Hán Sắc tứ, phần giữa khắc ngang 2 chữ Hán lớn Thọ quan; phần dưới khắc họ tên, phẩm trật, người xã, huyện, phủ, tỉnh và các chữ "Thọ đằng bách tuế đặc tứ tinh thưởng dụng biểu thăng bình nhân thuỵ", phần cuối khắc niên hiệu ngày tháng*), quan dựng phường môn, cứ thọ thêm 10 tuổi, thưởng thêm 30 lạng bạc, 2 xấp sa Nam và sa Bắc, 1 xấp lụa trừu Nam.

Đối với quan tam, tứ phẩm: thưởng cho 3 quan, tứ phẩm 70 lạng bạc, 2 xấp sa Nam và sa Bắc, 1 xấp lụa trừu Nam, mỗi người cấp 1 biển ngạch và dựng phường môn. Cứ thọ thêm 10 tuổi thưởng thêm 25 lạng bạc, 2 xấp sa Bắc và sa Nam, 1 xấp sa Nam, 1 xấp lụa trừu Nam.

Đối với quan ngũ, lục phẩm: thưởng cho quan Ngũ, lục phẩm 60 lạng bạc, 1 xấp sa Bắc, 2 xấp sa Nam, 1 xấp lụa trừu Nam, mỗi người 1 biển ngạch và dựng phường môn. Cứ thêm 10 tuổi đều thưởng

[3] Quốc sử quán triều Nguyễn (bản dịch, 2007), *Khâm định Đại Nam hội điển sử lệ tục biên*, tập 5, sđd, tr.216-219.

thêm 20 lạng bạc, 1 xấp sa Bắc và sa Nam, 1 xấp lụa trừu Nam.

Đối với quan thất, bát, cửu phẩm: đều được thưởng 40 lạng bạc, 2 xấp sa Nam, 1 xấp lụa trừu Nam.

Năm Tự Đức thứ 36 (*1883*), lại có sự thay đổi từng mục trong các khoản về thưởng cấp thọ quan: thọ 100 tuổi (*quan nhất phẩm thưởng 50 lạng bạch, nhị phẩm 40 lạng, mỗi hạng đều được cấp sa Bắc và sa nam mỗi thứ 1 xấp, mỗi người 2 xấp lụa trừu Nam, 1 tấm biển ngạch và được quan dựng phường môn. Cứ thọ thêm 10 tuổi đều thưởng thêm 20 lạng bạc, sa Nam, sa bắc, lụa trừu Nam mỗi loại 1 xấp; quan tam, tứ phẩm mỗi một người thưởng 30 lạng bạc, sa Nam, sa Bắc mỗi thứ 1 xấp, 1 xấp lụa trừu Nam, 1 tấm biển ngạch và được quan dựng phường môn. Cứ thọ thêm 10 tuổi thưởng thêm 10 lạng bạc, sa Nam, sa Bắc mỗi thứ 1 xấp, 1 xấp lụa trừu Nam; quan ngũ, lục phẩm mỗi một người thưởng 20 lạng bạc sa Nam, lụa Nam mỗi thứ 1 xấp, 1 tấm biển ngạch (không dựng phường môn). Cứ thọ thêm 10 tuổi đều thưởng thêm 8 lạng bạc, 1 xấp sa Nam, 1 xấp lụa; quan thất, bát, cửu phẩm thưởng 20 lạng bạc, sa nam, lụa Nam, trừu Nam mỗi thứ 1 xấp, 1 tấm biển nghạch. Cứ thọ thêm 10 tuổi thưởng thêm 5 lạng bạc, 1 xấp sa Nam*), thọ 90 tuổi (*quan nhất phẩm thưởng 30 lạng bạc, nhị phẩm thưởng 20 lạng bạc, tam phẩm thưởng 15 lạng bạc, mỗi hạng đều được cấp 3 xấp sa nam; quan tứ, ngũ phẩm văn ban cùng người đã làm quan phủ, châu, huyện và quan tứ phẩm thuộc võ ban đều thưởng 10 lạng bạc, sa nam 2 tấm*); thọ 80 tuổi (*quan nhất phẩm thưởng 20 lạng bạc, nhị phẩm thưởng 15 lạng bạc, văn quan tam phẩm thưởng 10 lạng bạc, mỗi hạng đều được cấp 2 xấp sa Nam, văn quan tứ phẩm và võ quan tam phẩm thưởng 8 lạng bạc, 1 xấp sa Nam*).

Dưới thời nhà Nguyễn, theo *Đại Nam thực lục*, tỉnh Quảng Nam có 4 người được thưởng thọ quan 100 tuổi, đó là nguyên Lãnh binh Thanh Hóa hưu dưỡng Nguyễn Nhiêu người xã Phong Phú, huyện Quế Sơn, được thưởng thọ quan vào năm Duy Tân thứ 3 (*1909*), việc thưởng thọ quan do Tổng đốc Hồ Đắc Trung báo lên, và được chuẩn chiểu lệ quan Tứ phẩm thưởng 30 lượng bạc, sa Nam sa Bắc 1 tấm, lụa trừu Nam 1 tấm, biển ngạch một tấm, vẫn chiểu lệ trước nay chiết cấp thành tiền là 83 đồng 3 hào.

Người thứ hai là Chánh đội Dương Đình Thuý người xã Kim Lũ thọ 100 tuổi đều chiết cấp ban tiền; thứ ba là Đỗ Đức Phong được 27 đồng 5 hào, thứ 4 Dương Đình Thuý được 47 đồng, ba người này được thưởng thọ quan vào năm Khải Định thứ 8 (*1923*). Rất tiếc chúng tôi chưa được tiếp cận được tư liệu đề cập đến người Hội An được ban thưởng "*thọ quan*".

Có thể nói, chính sách "*thọ quan*" và "*thọ dân*" được vua Minh Mạng thứ 4 (*1823*) ra chỉ dụ ban hành và ghi vào điển lệ, đến vua Tự Đức năm thứ 36 (*1883*) được thay đổi và xem như là khuôn mẫu để áp dụng vào các đời vua kế tiếp của nhà Nguyễn. Cùng với các địa phương khác, nhiều "*thọ quan*" và "*thọ dân*" của tỉnh Quảng Nam đã được thưởng thọ. Việc ban hành chính sách này đã góp phần thể hiện sự quan tâm, đạo lý "*uống nước nhớ nguồn*", "*ăn quả nhớ kẻ trồng cây*" của các vua triều Nguyễn đối với quan chức, sĩ lưu, hương trưởng và người dân. Hiện nay, chính sách văn hóa truyền thống tốt đẹp này được các cấp chính quyền ở nước ta duy trì và phát huy đối với các thế hệ người có công, người cao tuổi bằng các hình thức phù hợp◈

GIÁ TRỊ VĂN BẢN SẮC PHONG LIÊN QUAN ĐẾN CÁC NGHỀ THỦ CÔNG TRUYỀN THỐNG Ở HỘI AN

CN. Lê Thị Lưu

Ngoài văn hóa, lịch sử, kiến trúc, tôn giáo, tín ngưỡng, lễ lệ, lễ hội… Hội An còn tồn tại một nguồn di sản tư liệu Hán Nôm vô cùng quý giá. Trong đó, đặc biệt là thể loại sắc phong, được Hoàng đế triều đình nhà Nguyễn ban sắc tặng cho các vị thần linh trong tín ngưỡng dân gian hay cho những người có công đức với cộng đồng, có công với triều đình, truyền dạy nghề thủ công…

Sắc phong được xem như là một loại văn bản pháp quy chính thống của nhà nước phong kiến, có văn phong đặc trưng. Thường vào những dịp quan trọng như đại lễ lên ngôi, mừng sinh nhật 40, 50 tuổi của vua, hay vào những ngày trọng đại của đất nước, đều sẽ thực hiện phong sắc cho các vị thần.

Bên cạnh đó, sắc phong nhân vật (*hay được gọi cáo mệnh, tích phong, sắc mệnh…*) cung cấp nhiều thông tin trung thực về tên, tuổi, địa danh, đơn vị hành chính, cũng như công trạng, chức sắc được phong của các cá nhân được phong sắc, hoặc truy tặng thụy hiệu cho cha, mẹ của những người có công trạng... Ở Hội An, những người giữ trọng trách của bộ máy nhà nước phong kiến các cấp, có vai trò, công trạng lớn, các vị khoa bảng, những người giữ chức vụ lớn trong quân đội như Nguyễn Tường Vân, Nguyễn Tường Phổ, Nguyễn Văn Nghi, Nguyễn Văn Đằng,… Đặc biệt, Hội An được triều đình nhà Nguyễn ban sắc khen tặng cho những thợ lành nghề của nghề yến Thanh Châu, nghề mộc Kim Bồng, nghề gốm Thanh Hà, đã được triều đình trưng dụng, chiêu mộ để đóng sửa thuyền, làm gạch ngói, làm nhà cửa,… Họ là những người dân thường, thế nhưng họ lại có công trong việc khai hoang lập ấp, hoặc tạo dựng nghề, truyền dạy nghề thủ công, có tay nghề, năng lực, kinh nghiệm về nghề, như sắc phong cho Phan Văn Mưu nghề Nê tượng (*nghề mộc*), sắc phong cho Bùi Phước Ưng về nghề Ngõa tượng (*nung ngói*), sắc phong Đội trưởng Yến hộ cho Hồ Văn Hòa, Trần Văn Cuộc…

Mặc dù số tài liệu phong sắc về nội dung này không nhiều, thế nhưng chúng đã tạo được sự vinh danh cho cả gia đình dòng họ, một vùng đất địa phương tự hào, và cũng tạo được tiếng thơm cho nghề nghiệp mà Tổ nghề đã truyền nối.

1. Nghề gốm Thanh Hà

Sau khi các tộc họ tiền hiền từ Đàng Ngoài đến Hội An sinh sống, lập nghiệp, đã lập nên làng Thanh Hà. Nhận thấy vùng đất này thuận lợi về sông, đất, đầm vũng, đã hình thành nên làng gốm Thanh Hà, chuyên sản xuất gốm, các vật dụng phục vụ cuộc sống hằng ngày, đến những đồ trang trí,… Bên cạnh đó, việc sản xuất gạch, ngói của Thanh Hà được ghi chép trong *Đại Nam nhất thống chí*, về sản vật của tỉnh Quảng Nam ghi danh về nghề gốm Thanh Hà rằng: "*Đồ gốm: sản ở Thanh Hà, huyện Diên Phước, có hộ chuyên nghiệp*". Trong quá trình giao thương, buôn bán của cảng

thị Hội An lúc bấy giờ, đã tạo điều kiện cho làng gốm ở Thanh Hà phát triển vượt bật, và trở thành khu vực chuyên sản xuất gạch, ngói đặc trưng của vùng đất Quảng Nam.

Cùng với sự phát triển đó, làng gốm Thanh Hà trở thành sản vật của địa phương, cũng đã tạo tiền đề cung cấp thợ lành nghề trưng tập về kinh thành Huế, làm việc trong cục Ngõa tượng. Đây là nơi tập hợp những người thợ xây, làm ngói, là một tổ chức tập hợp thợ thủ công, phiên chế thợ thủ công theo nghề có từ thời chúa Nguyễn. Dựa vào kinh nghiệm, kĩ thuật chế tác, sức lực, chuyên cần trong công việc sẽ được điều động đến từng chức trách trong các ty, cục cho phù hợp.

Các sắc phong cho nghề thủ công về làm gạch ngói, đất nung của làng Thanh Hà hiện nay chỉ là các sắc phong được ghi chép lại trong *Quảng Nam tỉnh tạp biên* (*bản sao được lưu trữ tại Trung tâm Quản lý Bảo tồn Di sản Văn hóa Hội An*). Mặc dù chỉ là bản sao, nhưng những tài liệu này cung cấp những thông tin quan trọng về làng nghề truyền thống Thanh Hà, Hội An.

- Sắc chỉ cho ông Bùi Phước Châu

Phiên âm

Sắc chỉ Ngõa tượng cục Bùi Phước Châu quán Quảng Nam tỉnh Điện Bàn phủ Diên Phước huyện Phú Triêm hạ tổng Thanh Hà xã phục sự niên thâm am tường bản nghệ. Tư Công Bộ lân cử cụ đề chuẩn nhĩ bổ thụ y cục tòng cửu phẩm Tượng mục suất bản cục nhân đẳng, tòng cai quản viên sai phái công vụ. Nhược sở sự phất kiền hữu chính tại.

Khâm tai.

Thiệu Trị nhị niên thập nhị nguyệt nhị thập tứ nhật.

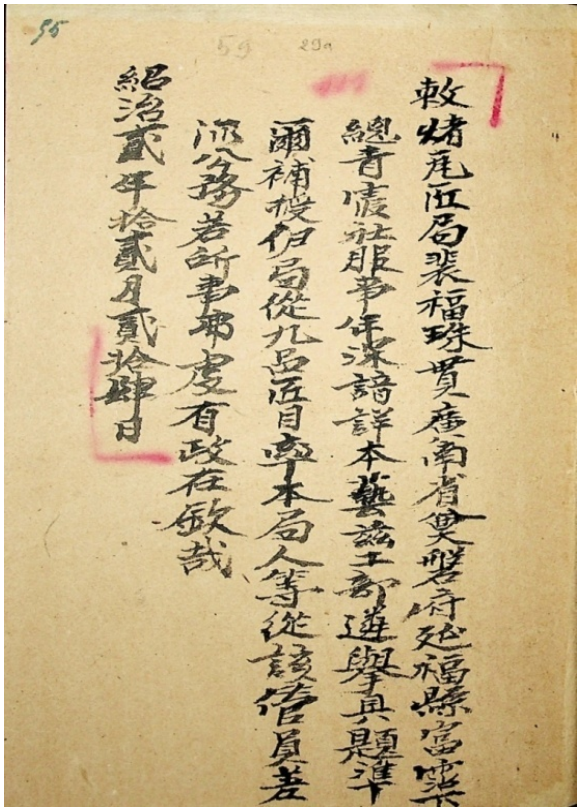

Dịch nghĩa

Sắc chỉ cho thợ làm ngói là ông Bùi Phước Châu quê tại xã Thanh Hà, tổng Phú Triêm hạ, huyện Diên Phước, phủ Điện Bàn, tỉnh Quảng Nam, làm việc đã lâu năm, am tường nghề nghiệp. Nay Bộ Công cân nhắc tuyển chọn đề xuất chuẩn cho ngươi được bổ nhậm là Tượng mục tòng cửu phẩm y cục, cùng các cai quản viên của cục được sai phái hoàn thành công vụ. Nếu công việc không cần cù thì trị theo phép nước.

Kính thay!

Ngày 24 tháng 12 năm Thiệu Trị thứ 2 (1842).

- Cấp bằng cho ông Bùi Phước Thạnh

Phiên âm

Vũ khố Vệ môn. Vi bằng cấp sự chiếu đắc Quảng Nam trấn […] ngõa tượng cục quyền sai Thủ hiệp Bùi Phước Thạnh quán Điện Bàn phủ Diên Phước

huyện Phú Triêm hạ tổng Thanh Hà xã phả cai danh ứng vụ niên thâm, bổn nghệ am tường, thiêu tạo lưu li các sắc ngõa chuyên, vô năng cần cán kinh cai cục đầu mục bảo kết chuyên. Triếp thử hợp hành bằng cấp quyền sai vi Chánh cửu phẩm Tượng mục xướng suất nội cục đẳng, danh tòng phân suất viên phụng hành bị công vụ, yếu nghi xuất lực thừa hành dĩ mật sự công. Nhược thị thường sơ hốt hữu xử tu chí. Bằng cấp giả.

Hữu bằng cấp.

Chử ngõa Tượng cục Bùi Phước Thạnh cứ thử.

Minh Mạng thập niên lục nguyệt nhị thập cửu nhật.

Dịch nghĩa

Cơ quan Vệ môn Vũ khố. Về việc cấp bằng, chiếu theo tại trấn Quảng Nam có Ngõa tượng cục quyền sai Thủ hiệp Bùi Phước Thạnh ở xã Thanh Hà, tổng Phú Triêm hạ, huyện Diên Phước, phủ Điện Bàn, là người trải qua nhiều năm, có thâm niên trong công việc, kĩ nghệ, am tường việc nấu men lưu li, các màu sắc của ngói, gạch nung, không những như thế ông còn chuyên cần, mẫn cán. Là người đứng đầu chịu trách nhiệm về công việc ở cục. Thực hiện việc này, bèn cấp bằng quyền sai, làm chánh cửu phẩm tượng mục phân y xướng suất trong cục ấy, phân theo các suất viên phụng hành công vụ, phải ra sức để thừa hành công việc.

Nếu dám coi thường, công việc không được chu đáo, thì sẽ theo công pháp xử lý. Nay cấp văn bằng.

Ở trên là bằng cấp.

Tượng cục nấu ngói Bùi Phước Châu theo đó thi hành.

Ngày 29 tháng 6 năm Minh Mạng thứ 10.

2. Nghề yến Thanh Châu

Dưới thời nhà Nguyễn công việc quản lý, khai thác yến sào nhận được sự quan tâm đặc biệt, triều đình đã có nhiều bằng cấp, chiếu chỉ, chỉ thị… về những người đứng đầu các đội trưng thu, quản lý khai thác yến sào, việc thành lập các đội hải thuyền trong công tác canh giữ các hang yến từ bãi Cù Lao, về việc thu thuế từ yến hộ. Trong đó có Hồ Văn Hòa, Hồ Văn Bình, Hồ Văn Khải, Trần Văn Cuộc… người giáp Đông xã Thanh Châu, được triều đình nhà Nguyễn giao giữ các chức vụ quan trọng trong việc tổ chức, quản lý, trưng thu, khai thác yến sào ở các vùng yến hộ Quảng Nam, Bình Định, Khánh Hòa.

Nhận thấy tầm quan trọng, giá trị kinh tế từ nguồn yến sào tại địa phương, cũng như việc quản lý từ các đội yến hộ, triều đình nhà Nguyên đã ban các sắc phong, bằng cấp thăng thưởng các bậc hàm, tạo điều kiện về mặt quản lý, cũng như khuyến khích các hộ yến trong quá trình bảo vệ hang yến, thu thập, nộp thuế yến hộ...

- Chiếu cho ông Hồ Văn Hòa

Dịch nghĩa

Công đường quan ở doanh Quảng Nam kê

Sai phái cho phủ Điện Bàn Võng Nhi thuộc xứ Thanh Châu đông giáp Hồ Văn Hòa tuân tri: ngày trước có đơn xin y lệ cũ thuộc nội xã cùng các xã khác phải chỉnh bộ ghe thuyền 3 chiếc để lập thành yến sào đội ở Thanh Châu thường năm thường đậu tại xứ Tân Non ở Cù Lao để canh thủ các hang hầu lấy tổ yến đem nạp theo lệ thuế.

Vả mùa này chưa định nên cứ theo vật quý trọng giá cứ quyền nghi tạm cho y như lệ cũ để khai bộ trong xã được 7 tên xin vào bổn đội, nay mùa yến đã đến kỳ

nhơn đó hiệp sai Hồ Văn Hòa cho làm đội trưởng là Hòa Đức Bá xướng xuất dân đinh theo thuyền 2 chiếc tại xứ Tân Non Cù Lao để canh thủ các hang yến. Phải cẩn thận không cho người nào được vào hang, đợi đến sang năm sẽ làm biểu dâng lên: tâu khâm mông, phải cẩn thận giữ nếu làm sơ sển thì phải can phạm công pháp. Kính đáng mà làm.

Ngày 23 tháng 12 năm Gia Long thứ 3 (1804).

Phiên âm

Chiếu Yến hộ hộ trưởng Hồ Văn Hòa hướng lai thuế khóa vô ký khuy khiếm, gian hữu thuế ngạch tăng đa, thành vi cấp công úy pháp trước thăng thọ Chánh Đội trưởng Hòa Đức hầu trật tòng Lục phẩm nhưng lãnh yến hộ dĩ thị cổ lệ, yếu nghi củ soát cai yến hộ chiếu thu thuế lệ cúng nạp. Phàm chư sự thể thính tùng trực lệ Quảng Nam dinh thần quản hạt. Nhược khuyết chức phất kiền hữu quốc pháp tại.

Khâm thử.

Minh Mạng ngũ niên nhị thập tứ nhật.

Dịch nghĩa

Chiếu cho Yến hộ Hộ trưởng Hồ Văn Hòa trước nạp thuế khóa không hề khiếm thiếu, mà lại thuế ngạch tăng cao, đó chính là lòng thành, biết sợ phép nước. Để nhằm cổ lệ khuyến khích nay thăng thọ làm Chánh Đội trưởng với tước Hòa Đức hầu trật Tòng Lục phẩm vẫn lãnh yến hộ, nên phải ra sức quản lý yến hộ và chiếu thu thuế lệ cúng nạp. Phàm mọi việc đều phải nghe theo quan quản hạt ở Trực lệ dinh Quảng Nam. Nếu khuyết chức không chịu chăm lo thì sẽ bị trị theo phép nước.

Khâm thử.

Ngày 14 tháng 2 năm Minh Mạng thứ 5 (1824).

3. Nghề mộc Kim Bồng

Từ các tộc Nguyễn, Huỳnh, Trương, Phan… ở các vùng đất Thanh Hóa, Nghệ An theo phong trào Nam tiến đã có công khai dựng, lập làng, lập ấp dựng nên làng nghề mộc, nề của làng quê Kim Bồng. Nhu cầu sinh hoạt đô thị thương cảnh phát triển cũng đã thúc đẩy quá trình phát triển các nghề thủ công truyền thống ở Hội An, trong đó có làng mộc Kim Bồng. Kim Bồng đã có nhiều phát triển về nghề mộc phục vụ nhu cầu xây dựng và đóng thuyền, trong đó có thuyền buôn đường xa, trọng tải lớn… Trải qua quá trình phát triển, làng nghề Kim Bồng đã tạo nên một đội ngũ có tay nghề cao, những tri thức, kỹ thuật, cũng như kỹ năng, kinh nghiệm của các nghệ nhân về chạm, mộc, khắc,… tạo nên những hình khối, vật dụng, họa tiết, hoa văn vô cùng độc đáo, hấp dẫn, và mang tính đặc trưng riêng của vùng đất Kim Bồng.

Trong các gia đình, dòng tộc nổi tiếng với nghề mộc này, đặc biệt tộc Phan Xuân có ông Phan Văn Mưu được triều đình nhà Nguyễn sắc phong về Tượng mục, có tài hoa, tay nghề phát triển nghề mộc của địa phương.

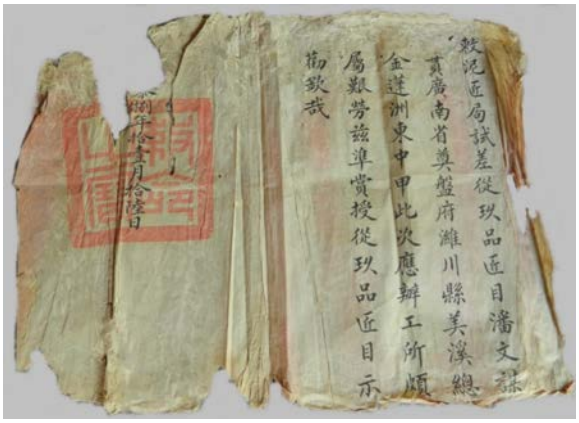

- Văn bản 1

Phiên âm

Vũ khố Đốc công nha

Vi bằng cấp sự. Tư cứ Quảng Nam Ngõa tượng Tòng cửu phẩm Nguyễn Đình Bài, Phạm Văn Mai đẳng bẩm tự gian hữu tượng Phan Văn Mưu, quán Duy Xuyên huyện Mỹ Khê tổng Kim Bồng châu Đông giáp, ứng vụ hữu niên am tường bổn nghệ vi nhân cần cẩn khả tượng mục đẳng ngữ. Hợp hành bằng cấp y danh vi y cục cấp bằng tượng mục, nhưng tòng phân suất sai phái xướng suất cục nội nhân đẳng thừa hành công vụ. Nhược sở sự phất kiền hữu công pháp tại. Tu chí bằng cấp giả.

Tả bằng cấp.

Quảng Nam tỉnh ngõa tượng cấp bằng tượng mục Phan Văn Mưu cứ thử.

Thành Thái nguyên niên lục nguyệt sơ tam nhật.

Dịch nghĩa

Cơ quan Đốc công kho Vũ khố

Nay cấp văn bằng. Căn cứ vào việc có các ông Nguyễn Đình Bài, Phạm Văn Mai là Ngõa tượng Tòng cửu phẩm, có trình bẩm rằng có thợ Phan Văn Mưu người ở Đông giáp châu Kim Bồng tổng Mỹ Khê huyện Duy Xuyên, là người có kinh nghiệm nhiều năm trong am tường nghề nghiệp, chuyên cần, cẩn trọng có thể làm tượng mục. Bèn xin cấp bằng cho y làm Tượng mục tại cục, nhưng phải theo sai phái xướng suất trong cục mà thừa hành công vụ. Nếu trong công việc mà không siêng năng thì theo pháp luật xử lý. Chuyển đến người được cấp bằng.

Trên đây là bằng cấp.

Giao cho Phan Văn Mưu cấp bằng Ngõa tượng Tượng mục tỉnh Quảng Nam.

Ngày 13 tháng 6 năm Thành Thái thứ 1.

- Văn bản 2

Phiên âm

Sắc Nê tượng cục Thí sai tòng cửu phẩm Tượng mục Phan Văn Mưu quán Quảng Nam tỉnh Điện Bàn phủ Duy Xuyên huyện Mỹ Khê tổng Kim Bồng châu Đông Trung giáp, thử thứ ứng biện công sở phả thuộc gian lao. Tư chuẩn thưởng thọ tòng cửu phẩm Tượng mục thị khuyến.

Khâm tai.

Thành Thái bát niên thập thất nguyệt thập lục nhật.

Dịch nghĩa

Sắc cho Tượng mục Thí sai tòng cửu phẩm ở Cục thợ nề Phan Văn Mưu người Đông Trung giáp châu Kim Bồng tổng Mỹ Khê huyện Duy Xuyên phủ Điện Bàn tỉnh Quảng Nam, từng làm việc ở Bộ Công trải qua gian lao vất vả. Nay chuẩn cho thưởng nhận chức tòng cửu phẩm Tượng mục để khuyến khích.

Kính thay!

Ngày 16 tháng 11 năm Thành Thái thứ 8.

Mặc dù, những nghề nghiệp này đã ra đời từ nhiều thế kỷ trước, có những thăng - trầm, chuyển - biến trong quá trình phát triển, thế nhưng các nghề nề, mộc, yến hộ từ lâu đã trở thành ngành nghề hoạt động thường xuyên của địa phương. Hội An trở thành một trong những địa phương có nhiều làng nghề truyền thống, góp phần tô điểm bức tranh nghề thủ công ở Quảng Nam dưới triều đình nhà Nguyễn thêm nhiều màu sắc phong phú, đa dạng, tạo nên tiền đề tiếp nối cho hiện tại, cũng như góp phần giúp hậu thế tiếp cận gần hơn với lịch sử dân tộc◈

TÍN NGƯỠNG THIÊN Y A NA TRONG VĂN HÓA DÂN GIAN NGƯỜI VIỆT Ở HỘI AN

CN. Nguyễn Văn Thịnh

Tín ngưỡng Thiên Y A Na là một dạng thức tín ngưỡng - văn hóa độc đáo, phổ biến ở các tỉnh thành duyên hải miền Trung nước ta. Từ thần mẹ xứ sở Pô Inư Nưgar của người Chăm[1] đã hiện thân thành vị Thánh Mẫu với tên gọi Thiên Y A Na[2] - một vị phúc thần của người Việt.

Nguồn gốc vị Thánh Mẫu/ nữ thần Thiên Y A Na

Tín ngưỡng thờ Mẫu - nữ thần của người Việt có nguồn gốc, ảnh hưởng từ các tín ngưỡng, tôn giáo sơ khai (*vạn vật hữu linh, Tô-tem giáo, Shaman giáo*), ảnh hưởng Hindu giáo, Phật giáo, Đạo giáo… Tại miền Bắc, tín ngưỡng thờ Mẫu Tam Phủ - Tứ Phủ (*Mẫu Thiên, Mẫu Địa, Mẫu Thoải và Mẫu Thượng Ngàn*) mang sắc thái văn hóa cổ xưa của người Việt từ bao đời. Trong quá trình người Việt di dân vào Đàng Trong, miền Trung, tín ngưỡng thờ Mẫu Tam Phủ - Tứ Phủ đã tiếp xúc và ảnh hưởng khá sâu sắc tín ngưỡng thờ Mẫu của người Chăm là Pô Inư Nưgar (*Mẹ xứ sở người Chăm*). Người Việt đã tiếp thu tín ngưỡng này thành mô thức tín ngưỡng của người Việt dưới thần hiệu là Thiên Y A Na Diễn Ngọc Phi, vị nữ thần này được triều đình nhà Nguyễn xếp vào hạng thượng đẳng thần.

Một số tài liệu cho rằng nguồn gốc của Pô Inư Nưgar là nữ thần Devi/ Shakti của Hindu giáo, hoặc còn là Uma (*tiếng Phạn*), dịch ra tiếng Chăm là Uroja. Có ý kiến khác lại cho rằng nữ thần Uma chính là nữ thần Kali, vợ của thần Siva. Nữ thần Kali có màu da đen nên bà cũng chính là Neang Khmau (*Bà Đen*) của người Khmer Nam Bộ và nữ thần Mariama (*gốc Hindu giáo*) của người Ấn[3].

Theo sách *Thần người và đất Việt* của tác giả Tạ Chí Đại Trường viết: "*Thiên Y A Na là thần bảo vệ vương quốc Chàm, thế nhưng đã được Lý Thánh Tông đưa về làm một vị thần bảo trợ nước Việt*"[4] và "*đã được Việt hoá vừa theo cách diễn âm, vừa theo cách chuyển nghĩa, lẫn lộn hơi ngượng nghịu: Po Yan Ino Nưga/ Thiên Yana Diễn Bà Chúa Ngọc Thánh Phi/ Chúa Ngọc Diễn Phi…*"[5].

[1] Tiếng Chăm gọi pô là ngài, bà; inư là mẹ; nưgar là xứ sở, đất nước hay đô thị.

[2] Bà Thiên Y A Na còn được gọi là bà Chúa Ngọc, bà Chúa Tiên, bà Chúa Xứ, bà Yàng…

[3] Phan Thị Yến Tuyết (2016), *Đời sống xã hội - kinh tế văn hóa của ngư dân và cư dân vùng biển Nam Bộ*, Nxb Đại học Quốc gia Thành phố Hồ Chí Minh, tr.376.

[4] Tạ Chí Đại Trường (2014), *Thần người và đất Việt*. Nxb Tri thức & Nhã Nam, tr.33.

[5] Tạ Chí Đại Trường (2014), *sách đã dẫn*, tr.260.

Tín ngưỡng Thiên Y A Na phổ biến ở các tỉnh thành duyên hải miền Trung nước ta (*từ Thừa Thiên Huế, Đà Nẵng, Quảng Nam cho đến Bình Thuận*). Thiên Y A Na được nhân dân tôn thờ dựa trên những thần tích, thánh tích dạy dân cày cấy, làm ruộng, kéo sợi dệt vải, làm gốm… Bà được xem là vị nữ thần bảo trợ cho mọi nghề nghiệp và thường hiển linh, cứu nhân độ thế. Đặc biệt, Thiên Y A Na là vị nữ thần cai quản biển cả, các cù lao, chuyên độ trì cứu người trên biển, điều này có sự tương đồng với Mẹ xứ sở người Chăm Pô Inư Nưgar[6].

Triều đình nhà Nguyễn đã ban nhiều sắc phong cho vị nữ thần này. Trong các sắc phong, thần thường được định danh là Thiên Y A Na Diễn Phi Chúa Ngọc (*thời Minh Mạng*), Thiên Y A Na Diễn Ngọc Phi (*thời Thiệu Trị, Tự Đức, Đồng Khánh, Duy Tân, Khải Định, Bảo Đại*). Về đẳng trật, thần được phong cấp bậc thượng đẳng và được ban các mỹ tự là "*Hồng nhân Phổ tế Linh Cảm*" (*thời Minh Mạng*), "*Hoằng huệ Phổ tế Linh cảm Diệu thông Mặc tướng Trang huy*" (*thời Tự Đức*), đến thời Đồng Khánh gia tặng thêm "*Dực bảo Trung hưng*"[7].

Tín ngưỡng Thiên Y A Na trong văn hóa dân gian ở Hội An

Ở Hội An, các vị nữ thần có vai trò quan trọng trong đời sống văn hóa, tín ngưỡng của cư dân và được nhân dân tôn thờ ở nhiều đình làng, lăng miếu, hội quán... Các vị nữ thần người Việt thường được tôn thờ với danh xưng là Bà như Bà Bô Bô, Bà Phiếm

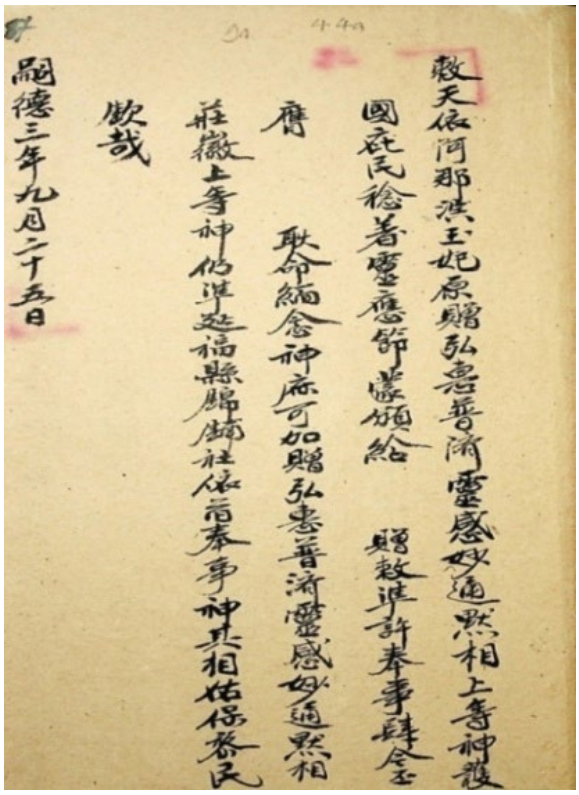

Bản sao sắc phong Thiên Y A NA cấp cho làng Cẩm Phô

Ái, Bà Đại Càn (*Đại Càn Tứ Vị thánh nương*), Bà Ngũ Hành (*Ngũ Hành tiên nương*) ở đình làng Cẩm Phô, Hội An, Để Võng; miếu Ngũ Hành, miếu Hiệp Hòa, miếu Bà xã Tân Hiệp… Đối với các vị nữ thần có nguồn gốc từ Trung Hoa được thờ chính ở các hội quán người Hoa như hội quán Phước Kiến (*Thiên Hậu Thánh Mẫu*) và phối thờ ở các đình làng của người Việt như Cửu Thiên Huyền Nữ (*đình Cẩm Phô, đình Sơn Phong*)…

Về vị nữ thần Thiên Y A Na, qua thống kê có đến 7/11 làng xã ở Hội An thờ vị nữ thần này. Theo tư liệu điều tra về các làng xã ở Hội An ghi chép trong Quảng Nam xã chí do Viện Viễn Đông bác cổ thực hiện từ năm 1941 đến năm 1943 cho biết: "*Vị Thiên Y Diễn Ngọc và vị Sát Hải tướng quân, theo phong tục của miền này, làng nào cũng có thờ*

[6] Phan Thị Yến Tuyết (2016), *sách đã dẫn*, tr.377.
[7] Lê Xuân Thông, Đinh Thị Toan (2013), *Sắc phong ở Đà Nẵng*, Nxb Thuận Hoá, tr.28.

các vị ấy, thần tích không còn gì lưu lại cho những hậu sinh bây giờ"[8].

Tại Hội An, tổng số sắc phong của vị nữ thần này gồm có 43 sắc phong. Sắc phong có niên đại sớm nhất vào năm Minh Mạng thứ 7 (*1826*), muộn nhất vào năm Khải Định thứ 9 (*1924*). Những làng xã được phong sắc thờ thần Thiên Y A Na như làng Cẩm Phô, Tân Hiệp, Thanh Hà, Thanh Đông, Sơn Phong… Đây là những làng xã có lịch sử hình thành lâu đời và có vai trò quan trọng đối với sự hình thành và phát triển của vùng đất Hội An trong lịch sử.

Bảng kê các đạo sắc phong thần Thiên Y A Na ở Hội An trong tư liệu Quảng Nam xã chí[9]

STT	Tên làng xã	Số lượng sắc phong
1	Làng Cẩm Phô	7
2	Làng Tân Hiệp	8
3	Làng Thanh Hà	2
4	Làng Thanh Đông	2
5	Làng Thanh Nam	8
6	Làng Sơn Phong	8
7	Làng Sơn Phô	8
Tổng số		**43**

Hiện nay tại khu miếu Lùm Bà Dàng (*ở phường Thanh Hà*) vẫn còn một bệ đá Chăm có niên đại khoảng thế kỷ 5 - 11 và nhiều mảnh sa thạch, gạch Chăm. Về sự tích về sự ra đời của khu miếu Lùm Bà Dàng: "*vào một ngày mưa giông của tháng ba, tháng tư, có một nữ thần ẩn hiện theo gió mây, đi từ hướng núi Trà Kiệu ngang qua khu vực Lùm Bà Dàng và phán truyền rằng: Ta là Cổ Nương chi thần, đi ngang qua đây thấy cảnh đẹp mà lưu lại. Tại đây, Bà đã ở lại khoảng 5 - 10 năm để phát thuốc và chữa bệnh cho dân lành…*" Qua những hiện vật, sự tích, tên địa danh (*Bà Dàng/ Bà Yàng*) cho thấy, nơi đây trong lịch sử đã từng có một công trình tín ngưỡng Champa[10]. Danh xưng vị nữ thần tại miếu Lùm Bà Dàng là Cổ Nương chi thần, phải chăng đây chính là vị nữ thần Pô Inư Nưgar/ Thiên Y A Na (?).

Trong những dịp cúng tế xuân thu tại các đình làng, lăng miếu ở Hội An, nữ thần Thiên Y A Na được nhắc đến trong các văn tế. Vào dịp này, bà con nhân dân cùng nhau tổ chức lễ cúng, dâng hương, lễ vật nhằm tạ ơn các vị thần đã phù hộ, giúp đỡ dân làng có được cuộc sống bình an, làm ăn thuận lợi.

Cùng với các vị thần được thờ tự ở các đình làng, lăng miếu, hội quán ở Hội An, sự hiện diện của Thiên Y A Na đã góp phần tạo nên giá trị đặc sắc trong hệ thống tín ngưỡng thờ thần nói chung, nữ thần nói riêng, thể hiện dấu ấn sâu đậm của quá trình tiếp xúc, giao lưu văn hóa Việt - Chăm ở Hội An, Quảng Nam trong lịch sử, đồng thời còn góp phần tạo nên sự đa dạng các loại hình di sản văn hóa phi vật thể của địa phương◈

[8] Bản sao tư liệu *Quảng Nam xã chí* do Viện Viễn Đông bác cổ thực hiện những năm 1943-1944. Trung tâm Quản lý Bảo tồn Di sản Văn hóa Hội An (năm 2020), *Làng xã ở Hội An qua tư liệu Địa bạ triều Nguyễn & Quảng Nam xã chí*, Nxb Đà Nẵng, tr.198.

[9] Trung tâm Quản lý Bảo tồn Di sản Văn hóa Hội An (năm 2020), *Làng xã ở Hội An qua tư liệu Địa bạ triều Nguyễn & Quảng Nam xã chí*, Nxb Đà Nẵng.

[10] Trương Hoàng Vinh, *Khu miếu lùm Bà Vàng một di tích liên quan đến nhiều thời kỳ lịch sử ở Hội An*, Trung tâm Quản lý Bảo tồn Di tích Hội An, Bản tin số 03 (07)-2009).

TRI THỨC DÂN GIAN CỦA CỘNG ĐỒNG CƯ DÂN CẨM THANH TRONG HOẠT ĐỘNG KHAI THÁC, SƠ CHẾ NGUYÊN LIỆU ĐỂ LÀM NHÀ TRUYỀN THỐNG

CN. Lê Thị Ngọc Hương

Xã Cẩm Thanh có diện tích tự nhiên 970,42ha, trong đó diện tích mặt nước chiếm 348,69 ha. Toàn xã chia thành 6 thôn, dân số khoảng 9.261 người[1]. Cẩm Thanh nằm ở phần hạ lưu sông Thu Bồn, bốn bề gần như bao bọc bởi sông nước. Phía Bắc và phía Đông giáp phường Cửa Đại bởi sông Ba Chươm, phía Tây giáp phường Cẩm Châu bởi sông Đò, phía Nam giáp huyện Duy Xuyên bởi hạ lưu sông Thu Bồn trước khi đổ ra cửa Đại. Với hệ thống sông rạch chằng chịt, nằm ở vị trí cửa sông ven biển, có môi trường nước lợ đặc trưng đã tạo điều kiện cho cây dừa nước phát triển quanh năm xanh tốt, đây chính là nguồn nguyên liệu quan trọng cho nghề làm nhà tranh tre, dừa ở Cẩm Thanh hình thành và phát triển.

Nghề làm nhà tre, dừa ở Cẩm Thanh có nhiều công đoạn khác nhau, trong đó công đoạn đầu tiên của việc cất nhà là khai thác, sơ chế nguyên vật liệu. Việc khai thác, sơ chế dừa, tre trải qua nhiều khâu đòi hỏi sự kỳ công, tỉ mỉ của người thợ làm nghề tre, dừa.

Đốn dừa: Dừa nước từ khi trồng đến khi khai thác lá làm nhà mất thời gian 5 năm. Dừa trồng ở vùng đất cát, cây dừa có độ bền, thân lá chắc hơn dừa trồng ở đất bùn. Màu sắc cây dừa đất cát màu sáng hơn dừa trồng đất bùn.

Trước đây, thời vụ khai thác dừa nước diễn ra hai lần vào tháng 3 (*âl*) và tháng 8 (*âl*) hằng năm. Hiện nay, nguồn nguyên liệu dừa nước nhiều nên việc khai thác có thể dàn trải thời gian, khi thời tiết thuận lợi, nhu cầu sử dụng tăng cao thì tiến hành khai thác.

Công cụ dùng để đốn dừa cũng đơn giản. Người ta chỉ cần dùng dao phay để đốn các tàu dừa. Thông thường khi đốn dừa cần khoảng 2 người (*một người đốn 1 người kéo*), số lượng tham gia nhiều hay ít tùy diện tích dừa cần đốn. Lực lượng tham gia chính trong công đoạn này thường là phụ nữ. Để đốn được những tàu dừa chất lượng, người đốn dừa cần có kinh nghiệm nhất định để nhận biết được thời điểm nào đốn dừa đạt yêu cầu. Theo kinh nghiệm một số người dân, mỗi năm một cây dừa đốn được 5 tàu lá. Dừa đốn vào tháng 3 thường lá dừa chắc, cứng cáp hơn dừa tháng 8 (*vì khoảng thời gian này lá dừa có thời gian sinh trưởng, phát triển lâu hơn so với tháng 8*) và tháng 3 sẽ ưu tiên đốn số tàu dừa nhiều hơn tháng 8. Việc đốn dừa ở nước sông sâu cần có ghe để di chuyển, thời điểm đi ghe đốn dừa thường lúc nước cạn (*buổi sáng*), vận chuyển dừa về nơi tập kết phải chờ con nước lớn (*buổi chiều*) để di chuyển ghe dễ dàng. Mỗi lần khai thác các tàu dừa già lưu ý bảo vệ tàu

[1] UBND xã Cẩm Thanh, "*Niên giám thống kê năm 2019*".

non và đọt dừa (*dáo dừa*) để nuôi cây dừa. Như vậy, ở lứa sau mới có dừa để khai thác. Với cách đốn dừa này giúp cho cây dừa sinh trưởng phát triển tốt, đủ yêu cầu khai thác.

Dừa mọc từng cụm, bụi,… sát nhau nên trong quá trình khai thác, người ta thường đốn dừa từ ngoài vào trong đám. Đây là cách dễ dàng đi sâu vào giữa đám để khai thác các tàu dừa và vận chuyển dừa ra bên ngoài. Để thuận tiện hơn cho việc đốn và kéo dừa, cũng như giúp cây dừa sinh trưởng phát triển tốt, hằng năm người ta thường tiến hành đốn các bẹ trên thân dừa (*bọt dừa - phần còn lại của tàu dừa sau khi đốn*). Trước đây, người ta tận dụng bẹ dừa chẻ phơi khô làm chất đốt để đun nấu.

Xé tàu dừa: Sau khi đốn dừa, cư dân tiến hành sơ chế tàu dừa làm nguyên liệu phục vụ gia công, tạo tác sau này. Thoạt nhìn công việc xé dừa tưởng chừng đơn giản nhưng để xé được tàu dừa thành 2 mảnh (*kiến*) bằng nhau, đảm bảo yêu cầu sử dụng, đòi hỏi cư dân phải nắm được kỹ

thuật, kinh nghiệm quen tay mới có thể làm được, nếu xé không khéo dừa dễ bị gãy, 2 kiến dừa không đều nhau thì không thể gia công được. Trước tiên, người thợ đưa dừa về vị trí sân đất rộng rãi để xé dừa, cùng lúc đó phải phân loại các tàu dừa cùng cỡ chất từng đống, đặt các tàu dừa cùng chiều rồi tiến hành xé dừa. Khi xé, người thợ đứng ở phần ngọn tàu dừa, hai tay nắm hai mép lá của tàu, xé tàu dừa thành hai mảnh. Hai phần này gọi là hai kiến dừa, gồm kiến trái và kiến phải (*kiến trái là phần bên tay trái người xé và phần tay phải được gọi là kiến phải*). Động tác xé đòi hỏi lực đôi bàn tay rất nhiều, vừa xé vừa điều chỉnh tàu dừa sao cho 2 kiến đều nhau, và không bị gãy (*tàu dừa tươi rất giòn dễ gãy*). Kiến dừa thường sử dụng làm tấm tranh lợp nhà, sắp (*xóc*) nóc,…

Róc cộng: Dừa để róc cộng thường những tàu dừa lớn có lá to và ngang, không bị rách, hư róc lấy cộng và lá riêng để phơi. Đối với cộng dừa sau khi sơ chế thô được sử dụng làm phên, vách, lót trong mái nhà, đóng la phông, trang trí trụ… Lá dừa dùng để chằm lá tấm, làm cửa, úp nóc. Lá tấm cũng được sử dụng trong việc lợp cửa, gia thu, bức phong, bức quả, làm dù che, làm áo tơi đi mưa… Khi róc cộng, người thợ cầm dao phay ở tay thuận, tay kia cầm tàu dừa, đưa dao róc phần lá con ở phần cộng của tàu dừa theo chiều từ gốc đến ngọn. Phần lá được sắp theo cùng chiều, bó lại từng bó đem về chằm lá tấm, phần cộng được xé làm đôi đem đi phơi.

Phơi dừa: Sau khi đã xé thành hai kiến theo từng cỡ dừa, bắt đầu tiến hành phơi dừa. Địa điểm phơi dừa thường là bãi đất trống bằng phẳng, hay trên các bờ nương, đập… Người dân tiến hành xếp từng kiến dừa theo cùng chiều, xếp sát vào nhau, phần cộng lên trên, phần lá nằm dưới, xếp đưa phần lá nằm về cùng một

bên. Trong quá trình phơi đếm đủ 50 tàu dừa sẽ lên ngồng (*làm dấu*). Dừa phơi khoảng từ 10 đến 15 ngày nắng ráo là có thể sử dụng để gia công, nếu thời tiết âm u phơi đến 20 ngày. Đối với cộng dừa cũng phơi tương tự như cách phơi các kiến dừa (*sắp các cộng dừa cùng chiều với nhau*).

Bó dừa: Dừa sau khi đã khô sẽ được bó lại từng bó rồi chuyển về nơi sản xuất để bắt đầu gia công. Việc bó dừa cũng cần sự cẩn trọng, tỉ mỉ, nếu không bó dừa sẽ không thẳng cộng, quắn đuôi, lá gãy rất khó gia công sau này. Thông thường mỗi bó dừa khoảng 25 cộng để thuận tiện cho việc vận chuyển cũng như đếm dừa sau này. Để bó được những bó dừa thẳng thớm việc đầu tiên gôm lấy các tàu dừa cùng kiến theo một chiều, xỏ dây dừa cột chặt phần đầu và phần đuôi dừa rồi rịt chặt là được.

Ngâm dừa: Dừa sau khi đã phơi khô có thể gia công. Tuy nhiên khuyết điểm của dừa không qua ngâm là lá dừa sẽ nhanh bị sâu ăn, cộng dừa mùa mưa nhỉ ra mồ hôi, tưa bong lớp vỏ bên ngoài ảnh hưởng đến chất lượng công trình. Để giải quyết vấn đề này, phương pháp ngâm dừa dưới nước là lựa chọn tối ưu. Dừa sau khi khô, bó lại thành bó, chọn địa điểm ngâm thích hợp, thường ở các mương nước, con lạch,… nơi nước thủy triều lên xuống thường xuyên vì trong thân dừa có rất nhiều nhựa dừa, nên chọn địa điểm thích hợp để khi ngâm dừa sẽ mau sạch nhựa. Để tránh dừa bị trôi, cột từng bó dừa và kết nối các bó lại với nhau bằng dây, cắm cây sào để cố định những bó dừa, lưu ý là phải ngâm sao cho cộng thấm nước sau này dừa mới trắng cộng. Thời gian ngâm dừa khoảng 1 tuần. Lưu ý 2, 3 ngày kiểm tra và lật bò dừa một lần để đảm bảo dừa được ngâm đều trong nước. Cộng dừa cũng được bó thành từng bó và ngâm tương tự như lá dừa. Khi đã ngâm dừa đủ thời gian, chọn ngày nắng ráo kéo dừa lên, để ráo nước và phơi, cách sắp phơi tương tự như dừa khi còn tươi, thời gian phơi từ 7 đến 10 ngày. Sau khi đã phơi khô, bó dừa thành từng bó, vận chuyển về là có thể sử dụng để gia công.

Bảo quản dừa: Dừa sau khi phơi xong bó thành từng bó, vận chuyển về địa điểm cất giữ. Dừa chất từng bó theo chiều dọc nằm cùng chiều nhau và được chất theo nhiều lớp. Sau mỗi lớp, phải chất ngược đầu để tạo sự cân bằng, không đổ, ngã. Trong quá trình chất, phải chú ý sửa đuôi các kiến dừa cho thẳng, suông không bị gấp gãy để sau này lấy sử dụng dễ dàng hơn. Địa điểm chất dừa cũng được lựa chọn phù hợp, trong bóng mát, độ ẩm vừa phải, tránh nắng gắt hay mưa dầm. Nếu dừa bị ẩm ướt lá dễ bị mục nát, nắng gắt dừa sẽ bị quắn đuôi rất khó gia công sau này. Sau khi chất xong, dùng tấm bạt che lại để bảo quản.

Bên cạnh việc chọn, khai thác, sơ chế, bảo quản dừa, người dân làm nghề làm nhà tre dừa cũng chọn, khai thác, sơ chế, bảo quản tre phù hợp.

Chọn tre: Đây là một công việc cần có những kinh nhiệm nhất định. Để có được những cây tre tốt cho công việc làm nhà, cần chọn các loại tre phù hợp. Chất lượng của tre cũng quyết định đến chất lượng của những sản phẩm làm ra. Muốn có được những cây tre tốt phải lưu ý những điểm sau: Không chọn tre quá già hoặc quá non. Tre quá già sẽ không dẻo, ngược lại sẽ xốp nên độ bền kém. Tre tốt là cây tre có lớp vỏ hơi đỏ, sần sỏi, da không bóng loáng. Ngoài ra những cây tre cụt ngọn không dùng được vì thân rất xốp và chịu lực kém. Tre từ khi trồng đến khi sử dụng mất thời gian 8 đến 9 năm.

Thời điểm đốn tre không nên lựa chọn những ngày trời mưa hoặc nắng gắt. Trời mưa, tre sẽ mọng nước, còn nóng sẽ khô và giòn. Thời gian tốt nhất để đốn tre từ tháng 11 đến tháng giêng. Thời điểm này tre chưa ra mụt măng (*búp măng non*) nên tre chắc, khoẻ sẽ ít bị mối mọt và có độ bền cao. Đối với cây tre một năm có 2 mùa sinh cây con là tháng 4 và tháng 8 nên thời điểm này không đốn tre vì cây tre không chắc, nhanh bị mối mọt trong quá trình sử dụng.

Tại Hội An, đặc biệt tại một số xã vùng ven như Cẩm Thanh, Cẩm Châu, Cẩm Hà, Cẩm Kim trước đây có nhiều tre người thợ thường mua về làm, tuy nhiên do chiến tranh tàn phá, cộng số lượng tre không còn nhiều nên không đủ cung cấp cho nhu cầu sử dụng. Hiện nay tre được mua ở những vùng thượng lưu sông Thu Bồn ở các huyện như Đại Lộc, Tiên Phước, Quế Sơn,… Thông thường mua theo từng đám. Mỗi đám sẽ có nhiều loại tre khác nhau nên có thể sử dụng vào nhiều mục đích trong việc dựng nhà. Trước đây, người dân lên đến nơi để chọn mua tre mang về, nhưng hiện nay, nguồn tre được các thương lái vận chuyển bằng đường thủy hoặc đường bộ đến tận các cơ sở làm nghề tre dừa để bán.

Đốn tre: Đây là công việc rất vất vả, cực nhọc, đòi hỏi người đốn phải có sức khoẻ, sự kiên trì. Khi khai thác tre phải đốn hết cả bụi, kinh nghiệm là khi đốn tre, không nên đốn sát gốc mà phải chừa 1 lóng tre (*từ dưới gốc lên*) và khi đốn giữ lóng tre không bị nứt vì như thế tre mới có thể mọc lên cây mới. Trước khi khai thác phải dọn sạch phần gai, các nhánh tre ở phần gốc. Như vậy sẽ dễ hơn khi rút tre ra khỏi đám. Thông thường người ta đốn tre từ ngoài vào dần giữa bụi. Kỹ thuật đốn trước tiên phải nhìn hướng cây tre, nếu cây tre có phần ngọn nghiêng về bên phải thì vị trí người đốn phải đứng cùng bên, dùng rựa đốn phần sát gốc, 1 tay đốn 1 tay vịn cây tre, khi gần đứt trở con dao qua chiều ngược lại (*bên trái*) để đốn đứt rời cây tre. Dùng 2 tay kéo tre ra khỏi bụi, việc kéo tre ít nhất phải 2 người thực hiện. Sau khi đốn hết bụi tre, lấy đất phủ lên bụi tre để dưỡng cho tre sinh trưởng phát triển. Một cây tre từ khi đốn đến khai thác lại cho đợt sau phải mất hơn 3 - 4 năm. Dụng cụ chính trong khai thác là dao rựa và câu liêm.

Thả bè: Trước đây, khi phương tiện đi lại bằng đường bộ còn nhiều khó khăn, việc vận chuyển tre từ các huyện trên thượng nguồn về địa phương chủ yếu là bằng đường thuỷ. Tre sau khi đốn xong được tập kết một điểm nhất định sát bờ sông để kết bè. Việc kết bè cũng khá đơn giản, tuy nhiên đòi hỏi người làm bè phải có kinh nghiệm, tre thả bè phải sắp theo chiều dọc, cùng chiều, dùng một số thanh tre ngắn để bỏ ngang và cột lại bằng dây thừng để liên kết các cây tre. Tre với đặc tính rỗng ruột sẽ nổi trên mặt nước. Sau khi bè đã xong, người ta đứng trên bè, dùng sào bằng tre chống xuống nước là bè có thể đi được theo ý mình muốn và cứ thế xuôi theo dòng sông Thu Bồn về Cẩm Thanh.

Ngâm tre: Sau khi đốn và vận chuyển về, tre được ngâm khi còn tươi. Địa điểm ngâm thường là các mương, bãi, hói. Địa hình vùng đất Cẩm Thanh nằm ngay vị trí cửa sông chính nên việc chọn vị trí ngâm tre cần có một số kinh nghiệm như: bãi đất rộng, trống trải, dễ vận chuyển và cũng như khi lấy tre lên, đặc biệt phải tránh nơi có nhiều luồng gió, sóng lớn, vì dưới tác động của sóng to gió lớn lòng đất dễ bị bồi lấp mạnh nên việc lấy tre sau này rất khó, ngoài ra còn dễ làm hầm tre bị bục (*bung*) ra. Trước khi ngâm phải chuẩn bị hầm để chất tre. Việc lựa

chọn vị trí để đào hầm cũng được thăm dò rất kỹ, chọn nơi lòng đất cát, vị trí nước ra vào thường xuyên, điều này giúp chất lượng tre sau này sẽ đẹp và trắng hơn so với ngâm tre ở vùng đất bùn. Hầm tre được đào khi nước cạn, chiều dài mỗi hầm thường 10m, sâu 1m, rộng 2m. Số lượng người đào hầm trung bình khoảng 3 người. Số lượng cây được chất trong 1 hầm với diện tích như vậy được khoảng gần 200 cây. Sau khi đào xong, chờ cho khi nước lớn bắt đầu di chuyển tre vào, xếp các cây theo cùng chiều nhau và nằm song song, tránh việc chồng chéo nhau giữa mỗi cây tre. Việc xếp như thế để thuận tiện sau này lấy sử dụng. Sau khi xếp xong, dùng cọc tre đóng phần rìa xung quanh thành của hầm để gài múi, hạn chế tre bị nổi, trôi, chờ nước cạn chặt lá dừa đậy lên trên mặt hoặc dùng bạt phủ lên trên, sau đó lấp đất lại. Việc che này giúp đất không lọt vào các khe tre, tránh hiện tượng tre nổi lên sau khi chôn.

Thời gian ngâm tre thường từ 1 đến 1,5 năm. Việc ngâm lâu giúp tre có độ bền khi sử dụng, tránh mối mọt, đảm bảo chất lượng cho công trình. Khi lấy tre để gia công, phải chọn thời điểm nước cạn, làm sạch đất bên trên, lấy từng cây ra khỏi hầm, số lượng vừa đủ cần dùng, số còn lại lấp đất tiếp tục ngâm.

Tre sau khi lấy lên được rửa bùn đất và mang về xếp thành đống. Chỉ phơi tre 1 nắng, không được phơi nhiều vì sẽ làm tre dễ bị nứt. Nơi bảo quản thường có giàn đặt tre để chống ẩm, giữ tre nơi thoáng mát. Đặc biệt phải chú ý tránh nắng và mưa, vì nắng sẽ làm cho tre bị nứt, mưa tre sẽ bị mốc, xuống màu làm giảm đi tính năng chịu lực và độ bền khi sử dụng.

Ngoài ra, nguyên vật liệu dùng để buộc (*cột*) trong làm nhà tre dừa cũng được người thợ quan tâm trong khâu lựa chọn và sơ chế.

Trước đây, nguyên vật liệu dùng để buộc các cấu kiện là mây và lạt bằng tre. Mây bán tại chợ, được khai thác trên vùng thượng lưu sông Thu Bồn hay ngoài đảo Cù Lao Chàm. Người làm nghề mua về vót để làm. Lạt bằng tre, được người thợ chẻ mỏng từ thân cây tre, để lạt đạt độ bền khi cột và không bị mối mọt, khi vót lạt xong, người thợ bỏ vào nồi luộc chín, khoảng từ 1,5 đến 2 tiếng, vớt ra phơi sơ dưới nắng là có thể dùng được, khi cột nhúng qua nước, làm dịu dây lạt để việc cột dễ dàng hơn. Việc vót mây và lạt tre để làm nhà tốn khá nhiều thời gian, cộng thêm nguồn nguyên liệu mây không còn bán nhiều trên thị trường nên người ta chuyển dần sang sử dụng cước để thay thế. Với tính năng thuận tiện không phải tốn thời gian để gia công, độ bền tốt, dễ cột nên hiện nay người ta sử dụng hoàn toàn bằng dây cước.

Hoạt động khai thác, sơ chế tác nguyên liệu để làm nhà truyền thống được cộng đồng cư dân tích luỹ hàng trăm năm qua. Dựa vào điều kiện tự nhiên, tài nguyên thiên nhiên người dân địa phương đã biết tận dụng nguồn nguyên liệu tại chỗ để sáng tạo ra sản phẩm nhà làm từ tre dừa phục vụ cho đời sống chính mình và dần trở thành nghề truyền thống được nhiều người biết đến. Mỗi công đoạn đều quan trọng để hình thành ngôi nhà hoàn chỉnh và khâu khai thác chế tác nguyên vật liệu vô cùng quan trọng, bởi nguyên liệu tốt, sẽ giúp chất lượng ngôi nhà bền, chắc, chịu được phần nào yếu tố môi trường, côn trùng xâm hại◈

TRƯỜNG XƯA NƠI PHỐ HỘI

CN. Khiếu Thị Hoài

Bên cạnh tư liệu hiện vật và tư liệu thành văn, nguồn tư liệu ký ức dân gian giữ vai trò hết sức quan trọng để tìm hiểu, nghiên cứu về lịch sử, văn hóa của một địa phương, của cộng đồng. Ở Hội An, những thông tin về lịch sử, văn hóa được gìn giữ, lưu truyền dưới dạng ký ức dân gian vô cùng đa dạng, phong phú, liên quan đến hầu hết khía cạnh đời sống xã hội, trong đó có một bộ phận đặc biệt quan trọng là các địa chỉ văn hóa. Tuy nhiên, những thông tin liên quan đến các địa chỉ văn hóa ở Hội An nói chung, khu phố cổ Hội An nói riêng phần lớn không được ghi chép và nếu được chép, cũng khá ít ỏi, tản mác[1]. Do đó, từ nhiều năm trước, Trung tâm Quản lý Bảo tồn Di sản Văn hóa Hội An đã tổ chức tham vấn cộng đồng về những địa chỉ văn hóa trong phạm vi Khu phố cổ trước năm 1975.

Việc tiếp cận các thông tin, tư liệu từ nội dung tham vấn cộng đồng cùng những mối duyên gặp gỡ, chuyện trò với các bậc cao niên trong suốt hai mươi năm sống ở Hội An đã giúp người viết tập hợp được nguồn tư liệu ký ức dân gian quý giá về lịch sử, văn hóa của Hội An. Trong phạm vi bài viết này, xin chỉ đề cập đến những ngôi trường hoạt động từ năm 1975 trở về trước ở Hội An - một phần trong kết quả tham vấn cộng đồng nói trên và những câu chuyện, kỷ niệm học đường mà người viết được tiếp cận qua ký ức của những học trò xưa, nay đã là bậc cao niên với hi vọng sẽ tiếp tục nhận được ý kiến, bổ sung nguồn tư liệu của cộng đồng để bộ phận di sản này không bị thời gian làm mai một.

Những trường học qua tham vấn cộng đồng[2]

Báo cáo Tổng kết hoạt động tham vấn ký ức về di sản văn hóa ở Khu phố cổ Hội An do Trung tâm Quản lý Bảo tồn Di sản Văn hóa Hội An tổ chức năm 2018 cho biết giai đoạn trước năm 1975, hệ thống giáo dục ở Hội An gồm: Bậc tiểu học, bậc trung học và bậc trung học phổ thông.

Thời Pháp, bậc Tiểu học được chia ra làm sơ cấp (*từ lớp năm tới lớp ba*) và tiểu học (*từ lớp nhì đến lớp nhất*). Lớp Năm tương đương với lớp 1 hiện nay còn gọi là lớp đồng ấu (*cours enfantin*) dạy tập đọc, tập viết. Lớp Tư tương đương lớp 2 hiện nay là lớp dự bị (*cours presparatoire*), dạy thêm môn vệ sinh. Lớp Ba tương đương lớp 3 hiện nay là lớp sơ đẳng (*cours élémentaire*), dạy môn địa lý, công dân giáo dục, cách tân (*động vật, thực vật*), sử ký, dạy và học bằng tiếng Pháp, học sinh phải học thuộc lòng. Học hết lớp ba, học sinh thi Sơ học yếu lược (*Primaire Élémentaire*) có thi môn toán sau đó lên lớp Nhì nhất (*cours moyen première année*), lớp Nhì nhì (*cours moyen deuxième année*). Lớp Nhất (*cours supérieur)*, tương đương lớp 5 hiện nay.

[1] Trích lời dẫn trong kịch bản tham vấn cộng đồng "*Ký ức về địa chỉ văn hóa ở khu vực phố cổ Hội An*"

[2] Nguồn: Báo cáo Tổng kết hoạt động tham vấn ký ức về di sản văn hóa ở Khu phố cổ Hội An của Trương Hoàng Vinh và nội dung phỏng vấn từ các cá nhân Thái Tế Thông, Phạm Phú Chín (*Hòa thượng Thích Như Phẩm*), Trầm Thế Quý, Phạm Phú Túc, Nguyễn Đắc Phúc.

Học xong lớp Nhất, học sinh thi Khóa Sanh - Primaires.[3]

Trước năm 1975, ở Hội An có hai trường tiểu học. Thời Pháp thuộc, chính quyền lập trường Nam tiểu học (*Écolle primaire complémentaire des garcons de Faifoo*) tại vị trí phía sau bưu điện Hội An hiện nay. Đến năm 1951, trường Nữ tiểu học (*Écolle primaire complémentaire des filles de Faifoo*) được mở ra ở trong đình tiền hiền Minh Hương. Ông Thái Tế Thông nói tuy trường Nữ tiểu học nhỏ nhưng khá nhiều người theo học, trong gia đình ông, cô Thiếu Hồng và cô Lệ Hồng đều học ở trường này. Khoảng hơn 10 năm sau, vào những năm 60 của thế kỷ trước, ở vị trí chợ Hội An (*đoạn gần cầu Cẩm Nam hiện nay*), chính quyền mở trường Nữ trung học cơ sở trên một mảnh đất rộng gần sông, trường Nữ trung học có chi nhánh thứ hai dạy bậc đệ nhị cấp, tương đương bậc trung học phổ thông bây giờ nằm ở vị trí ngã tư Trần Hưng Đạo - Nguyễn Huệ (*vị trí Trường Mầm non Măng Non Minh An hiện nay*)[4].

Ở Hội An, trong thời Pháp, nam học riêng, nữ học riêng. Toàn tỉnh Quảng Nam ngoài Hội An không địa phương nào có trường dạy đến lớp Nhì, lớp Nhất nên học sinh muốn học tiếp lên cấp tiểu học phải về Hội An học nhưng phải trải qua kỳ thi tuyển, khi thi đỗ mới được nhận vào học. Nếu học sinh thi trượt thì học trường tư hoặc nghỉ học. Thời đó, ở Hội An có 2 trường tư thục cấp sơ cấp bậc tiểu học là trường Tân Dân (*vị trí sau đình Minh Hương*) và trường Phú An (*số 148 Trần Phú hiện nay*). Học sinh của trường tư là người Việt con nhà giàu có hoặc có chức có quyền, làm công chức cho Pháp. Ngoài ra, có một số con của công chức người Pháp sống ở Hội An. Hết bậc tiểu học, học sinh người Pháp được đưa về nước để học trung học. Thầy giáo dạy tiểu học là người Việt. Thầy giáo bậc trung học gồm người Việt và người Pháp. Giáo viên nữ mặc áo dài, dạy ở trường Nam và trường Nữ. Giáo viên nam mặc quần áo tự do và chỉ dạy ở trường Nam.

Bậc trung học (*Cao đẳng tiểu học - Écoles Primaires superieures*) có 4 lớp, gồm: Đệ Nhất niên: Moyen 1, Đệ Nhị niên: Moyen 2, Đệ Tam niên: [*Troitrem*] année, Đệ Tứ niên[5]: [*Quatrem*] année, Học xong lớp Đệ tứ niên, học sinh thi lấy bằng Diplôme (*Thành Chung*).

Bậc trung học, trước năm 1945 ở Hội An có trường tư thục Viên Minh (*nay là nhà số 108 Nguyễn Thái Học*), lập năm 1939, tồn tại đến năm 1945. Học sinh khi đi học mang đồng phục khăn đen, áo dài, guốc gỗ. Ngôn ngữ dạy học là tiếng Pháp. Nhà trường dùng tiếng Pháp trong mọi môn học. Tiếng Việt trở thành sinh ngữ, mỗi tuần chỉ học một tiết.

Bậc trung học phổ thông ở Hội An có Trường Trần Quý Cáp, ngôi trường danh tiếng khắp miền Trung, chỉ sau Trường Quốc Học Huế. Theo hòa thượng Thích Như Phẩm, khi mới thành lập (*1952*), trường chỉ có 3 lớp: Đệ thất, đệ lục, đệ ngũ, mượn chùa Hải Nam làm trường và có tên là Trường Trung học Công lập Quảng Nam. Khi trường Trung học phổ thông Trần Quý Cáp thành lập cũng là lúc giải tán trường bà Rơi. Lúc bấy giờ trường do Ty Tiểu học Quảng Nam quản lý và thầy Tống Khuyến, Ty trưởng Ty Tiểu học Quảng

[3] Gọi là Ri Me = certificat d'etudes primaires Franco - Indigènes = CEFI hay bằng Xéc

[4] Theo hòa thượng Thích Như Phẩm (*tên hồi đi học là Phạm Phú Chín*)

[5] Lớp đệ tứ niên ở Hội An năm 1944 có: Tú Mỹ, Lê Khuê, Nguyên Ngọc, Lê Vĩnh Nhơn, Dương Vân Kiệt, Trương Đình Quang, Trương Duy Hy, Nguyễn Minh Luận, Võ Hiên, Thái Đôn Khanh...

Nam trực tiếp phụ trách. Sau đó Bộ Giáo dục bổ nhiệm thầy Tăng Dục đã tốt nghiệp Cao đẳng Đông Dương làm hiệu trưởng đầu tiên của trường. Năm 1954, Bộ Giáo dục mới quyết định đặt tên là Trường Trung học Công lập Trần Quý Cáp Hội An, đến năm 1955, khi xây dựng cơ sở trường hoàn thành, trường được dời về địa điểm như vị trí hiện nay. Năm 1958 trường mới mở lớp đệ tam ban A, ban B, ban C đầu tiên. Lúc bấy giờ học sinh ở Đà Nẵng học đệ tam ban C phải vào trường Trần Quý Cáp Hội An để học vì trường Phan Châu Trinh Đà Nẵng chưa mở lớp đệ tam ban C. Năm 1966, Trường Nữ Trung học Hội An mở, bấy giờ nữ sinh của Trường Trung học Công lập Trần Quý Cáp được chuyển qua học Trường Nữ Trung học Hội An. Đến niên khóa 1962 - 1963 trường có đầy đủ các lớp từ đệ thất đến đệ nhất. Năm 1970 Trường Trung học Công lập Trần Quý Cáp Hội An tiếp nhận thêm học sinh Trường Trung học Công lập Quế Sơn vì chiến sự phải dời về Hội An. Niên khóa 1973 - 1974 Trường Trung học Công lập Trần Quý Cáp Hội An có 60 lớp, 3000 học sinh và 100 giáo sư[6] và nhân viên.

Ông Thái Tế Thông cũng cho biết, ở Hội An, từ trước năm 1940, người Hoa có những trường học cho con em trong từng bang như: Trường Quảng Triệu, trường Hưng Hoa của bang Quảng Đông, trường Dưỡng Chánh của bang Phước Kiến, trường Bồi Anh của bang Triều Châu, trường Dục Trí của bang Hải Nam. Mỗi bang có một trụ sở riêng và dùng phương ngữ riêng để dạy học. Sau năm 1947, các trường này thống nhất thành Trường Trung Hoa công học, tiền thân của trường Lễ Nghĩa[7], sau này quy tụ điểm dạy về Trung Hoa hội quán tức chùa Ngũ Bang *(Chùa Bà)*, dạy học bằng tiếng Quan thoại.

Cũng theo hồi ức của ông Thái Tế Thông, giai đoạn từ 1945 - 1975, khi cách mạng Tháng 8 thành công, chính quyền cách mạng thành lập Trường Trung học Phan Chu Trinh[8] tại vị trí trường Nam tiểu học[9], tồn tại từ tháng 9/1945 đến tháng 12/1946 sau đó trường thuộc diện tiêu thổ kháng chiến. Ngôn ngữ dạy học ở trường là tiếng Việt, dạy theo sách tiếng Pháp. Từ năm 1947, sau khi Pháp tái chiếm xong Hội An, các trường học tiểu học, trung học được mở lại, mượn các di tích tín ngưỡng làm nơi dạy học. Chùa Bà Mụ, đình Tiền hiền Minh Hương, đình Cẩm Phô là nơi các trường dạy tiểu học. Đình Tiền hiền Minh Hương là Trường Nữ Tiểu học đầu tiên ở Hội An (*thành lập khoảng năm 1951*). Trường Nam Tiểu học hoạt động ở chùa Bà Mụ (*nay là vị trí Trường Trung học cơ sở Nguyễn Duy Hiệu*) được vài năm thì giải thể cho đến khoảng năm 1954, chính quyền thành lập trường công lập Nam tiểu học Hội An (*ở vị trí Trường Trung học cơ sở Kim Đồng hiện nay*). Thời gian này, thầy Lê Khuê dạy học và làm hiệu trưởng Trường Nam Tiểu học trong nhiều năm. Miếu Âm Hồn ở kiệt Âm Hồn từng là trường trung học tư thục...

Sau này ở Hội An mở thêm các trường học: Trường Diên Hồng, trường Quế Sơn (*đối diện hội quán Hải Nam*), trường Thành Nhân (*trước hội quán Phước Kiến*),…

Những kỷ niệm về trường xưa

Những bậc cao niên từng sống ở Hội An từ thập niên 70 của thế kỷ trước[10] hầu

[6] Các thầy cô giáo dạy cấp trung học phổ thông được gọi là giáo sư

[7] Theo ông Thái Tế Sùng, tên trường Lễ Nghĩa được đặt khoảng năm 1959.

[8] Những người học ở trường Trung học Phan Chu Trinh có Nguyên Ngọc, Phạm Đức Bàng, Phan Tứ,…

[9] Như đã dẫn ở trên, vị trí này ở phía sau bưu điện Hội An hiện nay

[10] Theo Hòa thượng Thích Như Phẩm (*Phạm Phú Chín*)

như ai ai cũng nhớ về lớp học bình dân của thầy giáo Phạm Phú Cần được mở ở một ngôi miếu đầu kiệt vào giếng Bá Lễ trên đường Phan châu Trinh. Ngôi miếu có tên là Quảng An nhưng mọi người thường gọi miếu này với tên "*Lớp học của thầy giáo Cần*". Đây là lớp học thêm dành cho trẻ em tiểu học và dành cho các em nhỏ sắp sửa bước vào lớp Năm tiểu học (*tương đương lớp Một bây giờ*).

Nhớ về cha mình, ông Phạm Phú Túc kể, từ năm 1965 đến năm 1972, thầy giáo Cần dạy ở Trường Nam Tiểu học Hội An và được chính quyền thời đó cho mở lớp dạy thêm tại ngôi miếu. Thầy Cần đi dạy với chiếc xe đạp sườn ngang, cách lên xe của thầy ấn tượng, có một không hai khiến nhiều người đều nhớ : thầy luôn dùng chân trái nhấn lên bàn đạp cho xe chạy tới lấy đà đồng thời vòng chân phải qua lướt tới một cách gọn gàng.

Thầy Cần là một người thầy rất nghiêm khắc, luôn dạy dỗ học sinh với tất cả tấm lòng của một người làm nghề gõ đầu trẻ. Thầy có uy tín nên các bậc phụ huynh ở Hội An lúc bấy giờ luôn muốn xin gởi con vào lớp để thầy dạy dỗ.

Theo hồi ức của ông Nguyễn Đắc Phúc (*sinh năm 1954*), thầy giáo Cần có dáng đi khom khom mà mạnh mẽ. Lớp vỡ lòng chỉ với dăm cái bàn dài và mươi đứa học trò thò lò mũi xanh đi chân đất mặc quần xà lỏn ê a trong cái miếu u ám. Thầy nắn nót sửa từng chữ, đứa nào lười biếng, viết chữ xấu là thầy khẻ vào bàn tay, khẻ thì nhẹ mà la thì nhiều.

Trong lớp học, trên bàn giáo viên thầy để hai cục pin lớn, em nào muốn đi vệ sinh chỉ cần lên cầm nó mà đi, rất khoa học mà khỏi phải vòng tay xin phép như thông thường. Thầy nói năng dứt khoát và rõ ràng, học trò đều phải rất chăm chỉ và phụ huynh đều rất muốn con mình được học lớp thầy dạy. Danh sách, sổ sách học sinh năm nào thầy cũng cất kỹ, kể cả lý lịch gia đình của học sinh, con ông này bà nọ ở đâu làm gì thầy đều ghi chép, lưu giữ cẩn thận và có liên lạc thăm hỏi… giữ gìn mối quan hệ mật thiết.

Nhà thầy Cần ở ngay trên đường Phan Châu Trinh, đối diện với ngôi miếu nhưng từ khi mở lớp dạy trong miếu, thầy ở trong ngôi miếu cả ngày và đêm. Nhiều hôm, đến giờ ăn mà thầy chưa về thì vợ con mang cơm qua miếu. Khi học trò về hết, thầy gác một tấm ván ép lên các dãy bàn và đặt lên đó một chiếc ghế bố giăng mùng ngủ. Tới giờ dạy học thầy thu dọn chúng gọn gàng vào một góc. Ông Túc kể, cha tôi "*bám miếu bám lớp*" đến mức ngủ lại ở miếu luôn. Toàn bộ hồ sơ, giấy tờ, sách vở để phục vụ việc dạy học, làm việc, thầy đều để hết bên ngôi miếu. Một kỷ niệm về lớp học thầy Cần mà ông Túc cùng những bậc cao niên ở Hội An không thể quên đó là ngôi miếu bị trúng pháo kích vào khuya ngày 31 tháng 10 năm 1973. Một phần tư ngôi miếu bị hư hại, mùng mền của thầy giáo Cần bị rách mà kỳ lạ thay, thầy lại không mảy may bị thương. Sau trận pháo kích "*tên bay đạn lạc"* đó, nhiều bà con và phụ huynh đến thăm thầy, họ nói "*Ông Thầy được Bà đỡ*". Cũng theo lời kể của ông Túc, gia đình đã sửa sang lại ngôi miếu và thầy Cần tiếp tục dạy cho đến sau năm 1975.

Vào năm 1972, thầy nhận được "*Bội tinh Văn hóa Giáo Dục*" - phần thưởng cao nhất của ngành giáo dục thời Việt Nam Cộng hòa. Hết niên học này thầy Cần nghỉ hưu và chỉ dạy thêm ở ngôi miếu.

Ông Trầm Thế Quý (*sinh năm 1945*) kể lại, thuở đó học trò đi học kính nể thầy cô và rất giữ khoảng cách, đang đi trên đường mà gặp thầy cô là dừng lại vòng tay cúi đầu chào, nhường đường để thầy cô đi

qua rồi mới đi. Theo hồi ức của ông, ở cấp tiểu học, bên ngoài cửa mỗi lớp có tấm bảng nhỏ ghi các dòng chữ "*Ngăn nắp, lễ độ, thật thà*", ở trên tấm bảng lớn trong lớp học, những dòng trên cùng, bên cạnh nội dung về thông tin lớp học như sĩ số, ngày tháng, năm… mỗi buổi học các thầy cô đều ghi một câu tục ngữ, ca dao về rèn luyện phẩm chất con người như: "*Người mà không học, khác gì đi đêm/ Người không học như ngọc không mài*", "*Ngọc kia chẳng giũa chẳng mài/ Cũng thành vô dụng cũng hoài ngọc đi*", "*Học ăn học nói, học gói, học mở*", "*Học hay cày biết*", "*Đi một ngày đàng học một sàng khôn*", "*Học thầy không tày học bạn*"... Mỗi buổi học, các thầy cô dạy bậc tiểu học đều giảng giải ý nghĩa của những câu tục ngữ cho học trò trước khi dạy kiến thức.

Ở cấp trung học, các thầy cô được gọi là giáo sư, nhiều thầy cô là người Huế vào Hội An dạy học. Trong đó, thầy Anh người Huế dạy sử địa Việt Nam và kinh tế Âu Châu là ông thầy giỏi, có tiếng, lên lớp giảng bài không cần nhìn giáo án, sách vở gì.

Ông nhớ, cô Luyện dạy môn vạn vật, cô Nguyên (*vợ ông Tăng Xuyên*) dạy sử địa, cô Huỳnh Tân, thầy Kiệm, thầy Nhâm, thầy Tước, thầy Phan Khôi, thầy Tống Khuyến, thầy Hoàng Trung, thầy Dương Đức Nhự.... Các thầy cô giáo đều nhiệt tình, tận tâm với mỗi giờ dạy trên lớp. Qua giờ học vạn vật với cô Luyện, ông mới hiểu phải tốn bao nhiêu công sức bỏ ra từ khi hạt mạ gieo xuống, cho tới lúc chúng ta có bát cơm ăn mỗi ngày. Vào giờ Pháp văn, học trò cứ tưởng tượng như được thầy Tống Khuyến dẫn đi thăm công viên Luxembourg ngắm lá đổ chiều thu, leo lên tầng gác chót của tháp thép Eiffel soi bóng nước sông Seine giữa Paris, hay lênh đênh trên giòng Danube vào những đêm lung linh trăng sáng. Là người hiểu biết sâu về lịch sử Việt Nam và thế giới, thầy Phan Khôi đã khiến lứa học trò chúng tôi từng mơ có ngày hạ trại, đóng quân trên những pháo đài dọc dải Vạn Lý Trường Thành, ước ao một cuộc ra khơi vượt Địa Trung Hải tới thành Trois, tìm vết tích con ngựa gỗ và viếng ngôi mộ của người anh hùng Hector. Cô giáo Huỳnh Tân đã bắt chúng tôi tập đi tập lại nhuyễn nhừ bài "*Au Claire de La Lune*"; thầy Tước cũng dạy chúng tôi bài "*Red on The Sunset*" khi lớp tôi vừa học xong cách phát âm hai mươi bốn chữ cái trong Anh ngữ. Cùng với sự hiểu biết sâu rộng, nghiêm khắc và lòng yêu thương học trò hết mực, các thầy cô đã dạy dỗ, uốn nắn và bao dung với học trò chúng tôi.

Bao thế kỷ đi qua, người Hội An càng hiểu hơn giá trị của sự học và vai trò của người trí thức trong mọi lĩnh vực cuộc sống. Từ những trường học đơn sơ nhỏ bé ở những di tích tín ngưỡng như đình, chùa, miếu cho đến những ngôi trường bề thế khang trang, sự có mặt của hai trường tiểu học Nam và Nữ, các trường trung học tư thục Viên Minh, Phan Châu Trinh (*trường trung học đầu tiên của Quảng Nam*) rồi trường Trần Quý Cáp, một trường trung học phổ thông danh tiếng của Quảng Nam - Đà Nẵng… cùng các thầy cô giáo tận tuỵ giỏi giang, Hội An đã trở thành một trong những chiếc nôi và là trung tâm giáo dục của ngành giáo dục Quảng Nam. Bên cạnh những trường học, thời gian này nhiều nhà sách, nhà in ở Hội An cũng ra đời và phát triển[11], từ đó đã hình thành nên một tầng lớp tinh hoa, tiếp cận giáo dục phương Tây, ươm mầm, góp phần nuôi dưỡng nên những người con ưu tú của Quảng Nam, Hội An trong đó nhiều người trở thành những tài năng lớn của đất nước trong nhiều lĩnh vực◈

[11] Tác giả có đề cập trong một bài viết trước đây trong bài "*Những hiệu sách ở Hội An thời vang bóng*" https://nguoidothi.net.vn/hieu-sach-hoi-an-thoi-vang-bong-35975.html

THÔNG TIN VỀ CHÍNH SÁCH CỨU NẠN, CỨU HỘ CỦA CÁC VUA TRIỀU NGUYỄN ĐỐI VỚI THƯƠNG THUYỀN NƯỚC NGOÀI

Phòng Tư liệu và Thông tin Di sản

Trong quá trình sưu tầm tư liệu tại Trung tâm lưu trữ Quốc gia I - Thành phố Hà Nội, chúng tôi đã sưu tầm và sao chụp một số văn bản Châu bản triều Nguyễn đề cập đến chính sách cứu nạn và hỗ trợ lương thực, thực phẩm cho các thương thuyền nước ngoài gặp nạn trên biển trôi dạt vào cửa Đại Chiêm (*Hội An*) trong giai đoạn đầu các vua triều Nguyễn. Nhằm cung cấp thông tin về nội dung các văn bản này, bài viết dưới đây chúng tôi giới thiệu phần phiên âm và dịch nghĩa của 3 văn bản[1] để quý độc giả cùng tham khảo.

1. Tấu của Công đường quan dinh Quảng Nam về việc tàu hộ Trần Thăng Thái vừa bị chìm đắm và có đơn xin miễn thuế năm Ất Sửu

Phiên âm:

Công Đồng truyền Quảng Nam dinh Công đường quan tuân tri. Tư nội địa tàu hộ Trần Thăng Thái hữu đơn tấu vị khứ niên đới tương công văn vãng Đài Loan Bành Hồ trấn nhân bị phong phiêu đáo Đại Chiêm hải môn tiền dĩ mông ân cấp tiền lương. Kim ngật chuẩn xá Ất Sửu niên cảng thuế lễ lệ các đồng tịnh mãi trục phàm lòng nhất kiện đồng trục phàm nhị kiện chuẩn xá thuế tiền, tái ngật chiêu quá giang khách tải du bính thô hóa cập ngoại mãi hỏa thực mễ độ khẩu chí kỳ phong tín hồi Đường giá sự kinh dĩ đề tấu, khâm mông chuẩn doãn ban hạ Cai tàu quan tráp cấp Trần Thăng Thái tịnh y tiền ngật khâm thử khâm truyền hễ Trần Thăng Thái để tráp cấp tựu trinh nghi chiếu y tráp nội các vật kiện dữ tạp hóa mà cho Trần Thăng Thái thái mãi, hễ Trần Thăng Thái sở mãi tạp hóa vật kiện nhược can dữ sở tải quá giang khách nhược can nghi truyền hạ tường khai thực số nạp tại Công đường quan chiếu nghiệm đắc thực để hồi kinh trình Cai tàu quan chuyển tấu tiện ư xuất cảng nhật chuẩn xá cảng thuế chư lệ tái lãnh tráp cấp hồi Đường tịnh để lãnh ân tứ tiền lương chi độ dĩ thị ưu tuất tuân chi. Tư truyền.

Gia Long tứ niên tam nguyệt nhị thập tứ nhật.

[1] Phiên âm và dịch nghĩa: Tống Quốc Hưng

Công đồng sai tiểu sai Đội Tín Trung bá nghi tốc tựu Quảng Nam trấn là thừa chỉ vi đồn cứ phó Vệ Cẩn Ngọc hầu sở khai cứ đắc các hạng thạch nhược can liệu thuyền ghe cứ tập hợp đắc can chích tường biên đích thực hồi kinh cụ tấu, kỳ hành trình hứa cứ mỗi trạm phát võng tử nhất cụ trạm phu nhị suất chiếu thứ dịch chuyển khứ hồi kinh nhất thể. Tư sai.

Hựu như phó Vệ Cẩn Ngọc hầu có xuống Hội An mà lấy đá cũng phải xuống theo với Cẩn Ngọc hầu cho được ? thứ nhất thể cụ tấu.

Gia Long tứ niên tam nguyệt nhị thập tứ nhật.

Dịch nghĩa:

Công Đồng truyền cho quan Công đường ở dinh Quảng Nam biết rằng.

Nay có tàu hộ Trần Thăng Thái có đơn tấu rằng năm ngoái có đưa công văn đến trấn Bành Hồ xứ Đài Loan đã bị gió đẩy trôi đến cửa biển Đại Chiêm hải và đã được mông ân cấp tiền lương. Nay xin chuẩn xá thuế cảng, lễ lệ năm Ất Sửu và mua một cột buồm, 2 cột buồm đồng, đã chuẩn cho xá tiền thuế. Lại xin đón chở khách quá giang, chở dầu, bánh, hàng hóa thô và mua thêm các đồ hỏa thực, gạo để chờ thuận gió mà về Đường. Việc này đã đề tấu lên kinh, khâm mông đã được chuẩn cho và ban xuống Cai tàu quan tráp cấp Trần Thăng Thái được chuẩn y như việc đã xin trước đây. Hễ Trần Thăng Thái đưa tráp cấp trình lên thì nên chiếu theo y các vật kiện và tạp hóa trong tráp mà cho phép Trần Thăng Thái thái được mua, hễ Trần Thăng Thái bao nhiêu tạp hóa vật kiện cũng như chở bao nhiêu khách quá giang nên truyền xuống khai rõ thực số nạp tại Công đường quan để chiếu nghiệm có đúng không để đưa về kinh trình cho quan Cai tàu chuyển tấu. Còn như khi xuất cảng thì chuẩn xá cho các lệ cảng thuế và lãnh lại tráp để về Đường Ân ban cho tiền lương để tỏ lòng thương xót. Vì vậy nay truyền.

Ngày 24 tháng 3 năm Gia Long thứ 4 (*1805*).

Công đồng sai Đội Tín Trung bá tức tốc đến Quảng Nam trấn là thừa chỉ đề nghị phó Vệ Cẩn Ngọc hầu khai rõ các hạng thạch có bao nhiêu để liệu thuyền ghe tập hợp được bao nhiêu chiếc, biên chép rõ ràng về kinh bẩm tấu. Trên hành trình đi, mỗi trạm dịch phải cung cấp 1 xe, 2 tên trạm phu để tiện trong việc khứ hồi kinh. Vì vậy nay sai.

Nếu như phó Vệ Cẩn Ngọc hầu có xuống Hội An mà lấy đá cũng phải xuống theo với Cẩn Ngọc hầu để cho được việc rồi lên một thể.

Ngày 24 tháng 3 năm Gia Long thứ 4 (*1805*).

2. Tấu của bộ Hộ tâu trình thuyền người Thanh bị gió mạnh xin trạm trú tại Hội An và chi tiêu các khoản mục

Phiên âm:

Thiệu Trị lục niên cửu nguyệt sơ thập nhật.

Hộ Bộ tấu.

Nam Ngãi Tuần phủ thần Ngụy Khắc Tuần tập tự.

Bổn nguyệt sơ nhất nhựt, cứ thuộc hạt Đại Chiêm tấn thủ ngự Nguyễn

Dưỡng báo xưng nguyệt tiền nhị thập cửu nhật kiến hữu Thanh nhân lục danh bạc nhập cai tấn hạt Phước Trạch xã địa phận, cai viên phái thuộc đái đồng Minh Hương thông ngôn tiền vãng hội đồng tra khám cứ cai Thanh nhân xưng hệ Phước Kiến tỉnh, Tuyền Châu phủ, Đồng An huyện nhân, thuyền chủ Trần Cấp cố cai đẳng vi thủy thủ đồng dữ tài phó đà thủy cai thập ngũ danh thừa thuyền nhất sưu vãng Đài Loan phủ mãi tải thô hóa bát nguyệt lục nhật xuất cảng, thập cửu nhật tài đáo dương ngoại dạ ngộ Bắc phong thịnh phát thuyền thân đả phá đà phàm tố đoạn tuyệt thuyền chủ, tài phó đà thủy cửu danh bất tri trước lạc.

Y đẳng nhưng lưu tại thuyền phiêu lưu dương ngoại chí nhị thập bát nhật, Dậu khắc thuyền thân đãng phá hóa hạng nhất giai trầm thất. Y đẳng viện đắc bản phiến tùy ba bạc nhập cai tấn khẩn ngật tiền vãng Hội An phố trú ngụ sĩ hữu Thanh thuyền tháp tùng hồi Thanh đẳng ngữ cụ cai hệ ngoại quốc nhân phong […] nghĩ ứng tuân y hướng biện.

Cứ hiện tại sinh hoạt lục danh cấp phát mỗi danh mễ nhất phương ty tư văn độ nhưng do cai Bang trưởng nhận lãnh quản thúc sĩ hữu Thanh thuyền lai thương gia kỳ tháp tùng hồi Đông các đẳng ngữ. Thần bộ phụng chiếu triệp nội cai tỉnh sở thỉnh phả dĩ hợp lệ thỉnh y. Triếp cảm thanh tự cung nghĩ phụng chỉ y tấu. Khâm thử.

Hựu sách tự phụng chi quan tiền hòa mãi vật liệu tu bổ kỳ can thỉnh tiêu đẳng. Nhân thần bộ kinh tư Công bộ tịnh sức thuộc kê cứu giá trị số mục phù hợp cung nghĩ phụng chỉ sách nội sở chi tiền tam thập thất quan chuẩn kỳ khai tiêu. Khâm thử.

Hựu sách tự phụng chi tiền mễ tu niệm quan thuyền thỉnh tiêu đẳng. Nhân thần, bộ kinh tư Công bộ tịnh sức thuộc kê cứu cấp phát giá trị số mục phù hợp cung nghĩ phụng chỉ sách nội sở chi tiền ngũ bách ngũ thập nhị quan linh mễ lục thập nhất phương quân, chuẩn kỳ khai tiêu. Khâm thử.

Hựu Quảng Bình tỉnh thần Trương Đăng Đệ sách tự phụng chi quan tiền cấp phát lại dịch thừa biện công vụ cần cù thỉnh tiêu đẳng. Nhân thần bộ sức cứu cấp phát số mục phù hợp cung nghĩ phụng chỉ sách nội sở chi tiền lục thập thất quán chuẩn kỳ khai tiêu. Khâm thử.

Hựu Khánh Hòa tỉnh thần Ngô Văn Địch sách tự phụng chi tiền mễ cấp phát tuần dương viên biện phụng hướng thỉnh tiêu. Thần bộ sức cứu cấp phát số mục phù hợp thích cung nghĩ phụng chỉ sách nội sở chi tiền nhị bách nhị thập lục quan linh, mễ nhị bách nhất phương linh quân chuẩn kỳ khai tiêu. Khâm thử.

Đối chiếu thần Tôn Thất Vũ.

Thần Tôn Thất Ngân phụng khảo.

Thần Phan Bá Ngạn phụng thảo.

Thần Hà Duy Phiên, thần Đào Chí Phú, thần Phạm Thế Trung, thần Tôn Thất Thường, thần Trương Hảo Hợp phụng duyệt.

Dịch nghĩa:

Ngày 10 tháng 9 năm Thiệu Trị thứ 6 (*1846*).

Bộ Hộ tâu.

Tuần phủ Nam Ngãi Ngụy Khắc Tuần tâu trình rằng: Ngày mồng một tháng này, Trấn thủ cửa biển Đại Chiêm thuộc nội hạt là Nguyễn Dưỡng báo rằng vào ngày 29 tháng trước, thấy có 6 người Thanh đi vào địa phận cửa biển xã Phước Trạch, bèn cử phái viên và người Minh Hương làm thông ngôn cùng tra khám. Đó là người Thanh thuộc huyện Đồng An, phủ Tuyền Châu, tỉnh Phước Kiến. Chủ thuyền là Trần Cấp thuê họ làm thủy thủ cùng phó lái thuyền gồm 15 người đi trên một chiếc thuyền đến Đài Loan chở hàng hóa, vào ngày 16 tháng 8 xuất cảng, ngày 19 thuyền đang đi trên biển thì gặp gió Bắc mạnh thân thuyền bị phá, bánh lái, cột buồm bị gãy. Chủ thuyền, tài phó gồm 9 người không biết trôi lạc đi đâu.

Còn lại bọn họ ở trên thuyền trôi dạt ngoài biển cho đến giờ Dậu ngày 28 thuyền bị sóng đánh, hàng hóa đều bị chìm mất. Bọn họ bám được mảnh ván trôi dạt vào cửa biển khẩn cầu xin được trú ngụ tại phố Hội An để chờ khi có thuyền người Thanh sẽ xin trở về nước. Thấy họ là người nước ngoài chẳng may bị nạn sóng to nên cũng đã đồng ý chấp thuận. Để giúp cho 6 người họ tạm thời chi dùng sinh sống nên đã chu cấp mỗi người 1 phương gạo và các phương tiện sinh hoạt tối thiểu, đồng thời đã đề nghị Bang trưởng nhận lãnh quản lý, chờ đợi có thuyền người Thanh đến buôn bán thì cho họ tháp tùng mà về nước.

Thần bộ nhận thấy việc đề nghị của quan tỉnh cũng hợp lý nên chấp thuận y theo. Vì vậy nay xin trình phụng tâu. Kính thay.

Lại phụng chi tiền cho các quan và mua vật liệu tu bổ trụ cờ, chi tiêu các khoản. Thần bộ đã cùng Bộ Công phái người kiểm tra, xem xét nhận thấy số mục cho phù hợp, nên đã phụng chi tiền là 37 quan và thanh toán đầy đủ. Kính thay.

Lại chi tiền gạo, sửa thuyền bè, các thứ. Thần bộ và Bộ Công phái người cùng kiểm tra, xem xét nhận thấy số mục cho phù hợp nên đã phụng chi tiền là 552 quan, 61 phương gạo và đã thanh toán. Kính thay.

Tỉnh thần của Quảng Bình là Trương Đăng Đệ đã phụng dùng quan tiền chi cấp các quan thư lại, dịch thừa để làm việc công và xin được thanh toán. Thần bộ xem xét thấy số mục phù hợp nên chi số tiền là 67 quan chuẩn cho thanh toán. Kính thay.

Tỉnh Khánh Hòa là Ngô Văn Địch phụng chi tiền gạo, cấp tiền đi tuần cho các quan viên và xin được thanh toán. Thần bộ đã kiểm tra, xét thấy số mục phù hợp nên đã cấp số tiền là 226 quan, 201 phương gạo và đã chuẩn cho thanh toán. Kính thay.

Đối chiếu thần Tôn Thất Vũ.

Thần Tôn Thất Ngân phụng khảo.

Thần Phan Bá Ngạn phụng thảo.

Thần Hà Duy Phiên, thần Đào Chí Phú, thần Phạm Thế Trung, thần Tôn Thất Thường, thần Trương Hảo Hợp phụng duyệt.

3. Tấu trình của bộ Hộ về thuyền người Thanh gặp nạn

Phiên âm:

Tự Đức thập niên thập nhị nguyệt nhị thập cửu nhật.

Bộ Hộ tấu bổn nguyệt nhị thập cửu nhật tiếp Nam Ngãi lãnh Đốc thần Trần Hoằng tập tự, bổn nguyệt nhị thập nhật cứ thuộc hạt Đại Chiêm tấn thủ bẩm xưng thị nhật hữu Thanh thuyền nhất sưu, nhân phong bạc nhập cai tấn phận trước thiển. Thuyền thân đảng phá cai tấn cứu hoạch khách số nhị thập danh sinh hoạt đăng ngạn đẳng ngữ. Cai tỉnh phái khám cai thuyền. Nhân phong trước thiển đãng phá bản phiến vật hạng lưu bạc, sức dân chúng hoạch ô thương tam can, y phục thập sương, thảo bao nhất vạn kiện, cập linh tinh bản phiến chất chi. Cai thuyền nhân xưng hệ Quảng Đông, Quỳnh Châu huyện, thuyền hộ Phan Thuận Lợi nguyên hữu thương thuyền nhất sưu trường tứ trượng, tam xích, hoành tam xích […] danh tháp khách lục danh, cai nhị thập nhị danh trang tải thảo bao thập vạn kiện.

Nhất nguyệt thập bát nhật do văn […] tấn xuất khẩu sử vãng Tiêm La quốc mãi thổ khoáng bổn nguyệt thập cửu nhật dạ ước Sửu khắc hốt ngộ cấn phong thịnh phát ba đào hùng dũng, cai thuyền chiết phá, tiền phàm trụ nhất chu bất năng khấu sử tùy phong phiêu lãng.

Chí nhị thập nhật bạc nhập hải ngạn trước thiễn thuyền thân đãng phá sở tải vật hạng giới phục lưu tán. Kiến hữu tấn, thuyền lai cứu y dữ thủy thủ tháp khách nhị thập danh sinh hoạt bão tương thuyền bài đăng ngạn, tồn thủy thủ nhị danh nịch tử bất tri trứ lạc.

Hiện hoạch thảo bao nhất vạn kiện, ô thương tam can, y phục thập sương tịnh linh tinh bản phiến dư giai lưu thất sở hoạch đẳng hạng quân bị thủy xâm chiết phá miễn mại lương nan vô hà thực dụng, khẩn cấp mễ lạp độ hoạt dữ cấp dẫn văn tiện vãng Khánh Hòa Bình Thuận đẳng hạt tầm quyến tá hóa tiền ngân chi dụng sĩ tiện đáp hồi đẳng ngữ. Tái sức biên tầm vô kiến tử thi.

Hiện hoạch vật hạng giao cai đẳng nhận lãnh tịnh sao thủ thuyền bài hồi bẩm đẳng ngữ cai tỉnh thần thiết chiếu cai thuyền hiện hữu bài cấp xác hệ thương thuyền. Nhân phong bạc nhập trước thiển thuyền thân đãng phá vật hạng nhất giai lưu thất.

Tuy thiểm hoạch thảo bao vô cơ mãi dụng bất phu tình thuộc khổ thiết. Hiện tại sinh hoạt nhị thập danh nghiệp sức chiếu phong nạn lê cấp dữ mỗi danh mễ nhất phương chi độ nhưng giao thuộc hạt Quảng Đông bang nhận hồi Hội An phố quản thúc. Hiện hoạch ô thương tam can do tấn nhận thủ […] hậu chuyển giao. Duy cứ xưng nguyện vãng Khánh Hòa, Bình Thuận đẳng hạt tầm quyến tá tiền sĩ tiện đáp hồi tình […]

Thiết nghĩ ứng […] kỳ do lục tiền vãng bất tất lánh cấp dẫn văn hiện hoạch điểu thương ưng sức biến giá […] bộ phụng ân […] thương Phan Thuận Lời thuyền nhân phong đãng phá bạc nhập cai hạt […] khám thuộc thôi chiếu lệ cấp dữ ngân mễ chi độ tịnh nghĩ thỉnh ngạch dĩ thỏa hợp tình y triếp cảm thanh từ [...]. Khâm thử.

Thần Đặng Viết Quý phụng khảo.

Thần Phan Xuân Tú phụng thảo.

Thần Tôn Thất Hiệp, thần Phan Khắc Thận, thần Phạm Xuân Quế phụng duyệt.

Dịch nghĩa:

Ngày 29 tháng 12 năm Tự Đức thứ 10 (*1857*).

Bộ Hộ tâu rằng: Vào ngày 29 tháng này có tiếp công văn của Lãnh đốc Nam Ngãi là Trần Hoằng trình bày: Ngày 20 tháng này Tấn thủ cửa Đại Chiêm trong địa phận bẩm trình là có một thuyền người Thanh vì gặp gió lớn nên đã ghé vào cửa biển thuộc địa phận quản lý. Thân thuyền hư hại, quan phòng biển đã cứu được số người Khách 20 người đưa được vào bờ. Tỉnh này đã cho khám xét thuyền ấy, do gặp gió mạnh nên ván bị phá hư hại, vật hạng bị trôi lạc. Tỉnh đã sức cho dân chúng cứu hộ vớt được sào 3 cây, 10 rương áo quần, một vạn cái bao bì, một số đồ linh tinh, bản gỗ.

Sau một hồi chất vấn, người đi thuyền khai là ở tại huyện Quỳnh Châu, Quảng Đông, thuyền hộ là Phan Thuận Lợi. Thuyền này là thuyền buôn có chiều dài 4 trượng 3 thước, ngang 3 thước. Số khách tháp tùng 6 người, tổng người thuyền 22 người, chuyên chở bao bì 10 vạn cái.

Ngày 16 tháng 11, giao tại cảng để xuất đi nước Xiêm La. Khoảng vào giờ Sửu đêm ngày 19 của tháng này bỗng gặp gió mạnh, sóng lớn thuyền bị nước tràn phá, cột buồm trước gãy không còn khả năng điều khiển, nên bị gió thổi mạnh mà đưa đẩy trôi theo dòng nước, đến ngày 20 thuyền vẫn bị trôi giạt trên biển, thân thuyền bị phá, hàng hóa lưu tán.

Khi thấy cửa biển có thuyền sở tại đến cứu, thủy thủ có 20 người, họ đã bảo quản tên hiệu thuyền và kéo thuyền lên bờ. Có 2 thủy thủ bị chết chìm lạc mất xác. Hiện bao bì 1 vạn cái, sào 3 cây, áo quần 10 thùng cùng ván gỗ các thứ linh tinh được giữ, các thứ khác đều bị thất lạc, nhiều đồ vật bị nước phá nát khó có thể dùng được. Vì việc khẩn cấp họ xin cứu trợ, nên đã cấp gạo và phương tiện các thứ có sẵn để sinh hoạt. Đồng thời đã có công văn để họ tiện đến Khánh Hòa, Bình Thuận các hạt để tìm thân quyến mượn thêm vật dụng, tiền bạc chi dùng chờ khi về nước, và cũng đã cho người tìm kiếm ven biển nhưng không tìm thấy tử thi. Hiện đã thu thập được các vật hạng giao lại cho chủ thuyền và sao giữ thuyền bài để hồi bẩm.

Khi xem xét thẻ bài thương thuyền chúng thần nhận thấy thuyền này đúng là do gió đánh nên thân thuyền hư, vật hạng đều trôi mất. Tuy dân chúng có ra tay giúp đỡ nên bao bì không bị ướt rách có thể bán được. Hiện tại sinh hoạt của 20 người bị nạn gió được cấp cho mỗi người một phương gạo, giao cho bang Quảng Đông nhận về phố Hội An quản lý. Hiện cơ quan quản lý cửa biển cũng đang giữ hộ 3 cây sào để sau này sẽ chuyển giao lại. Riêng việc họ có nguyện vọng xin đến Khánh Hòa, Bình Thuận để tìm thân quyến và mượn tiền bạc chờ ngày trở về nước, thiết nghĩ hợp tình nên cấp văn kiện, cấp lương thực, gạo để tạm chi dùng.

Thần Đặng Viết Quý phụng khảo.

Thần Phan Xuân Tú phụng thảo.

Thần Tôn Thất Hiệp, thần Phan Khắc Thận, thần Phạm Xuân Quế phụng duyệt◈

TIN TỨC - SỰ KIỆN

Bàn giao mặt bằng thi công sửa chữa, gia cố một số di tích trên địa bàn xã Tân Hiệp

Đăng Tuấn

Vào ngày 15/10/2023, Trung tâm Quản lý Bảo tồn Di sản Văn hóa Hội An phối hợp với UBND xã Tân Hiệp và các ban ngành của thành phố Hội An tiến hành bàn giao mặt bằng thi công sửa chữa, gia cố một số di tích trên địa bàn xã Tân Hiệp. Các di tích được thực hiện trong đợt này gồm lăng Bà Xóm Trong, đình Tiền Hiền, nhà ông Nguyễn Vinh được dựng lại ở vị trí Rẫy ông Thơ. Nội dung và quy mô đầu tư sửa chữa, gia cố các di tích trên bao gồm:

Lăng Bà Xóm Trong: Xử lý, gia cố phần tường bao bảo vệ nền móng của di tích; tháo dỡ tường ốp xây bằng gạch, tạo hệ khung cột và giằng tường móng bằng bê tông cốt thép trên dưới khép kín; tu bổ, phục hồi trụ biểu, chống nghiêng hạng mục trụ biểu và bình phong; dặm dọi lại vữa xi măng lối đi hai bên dẫn lên miếu và gia công, lắp đặt lan can bằng bê tông cốt thép bên ngoài giả gỗ.

Đình Tiền Hiền: Xử lý bề mặt tường bị bong bộp do nhiễm mặn; đục bóc lớp vữa trát bị bong tróc và tô trát lại; tô vẽ lại các đồ án bị bong mờ như nguyên trạng; dặm dọi nền gạch đất nung, mái ngói âm dương tại các vị trí bị hư hỏng, thấm dột.

Đối với nhà ông Nguyễn Vinh (*tại Rẫy ông Thơ*): Tháo dỡ mái lá mây đã hư hỏng hoàn toàn và lợp mái ngói để bảo vệ giá trị kiến trúc cho di tích.

Việc sửa chữa, gia cố các di tích nói trên nhằm bảo tồn giá trị lịch sử - văn hóa, kiến trúc, cảnh quan của di tích, qua đó góp phần tạo điểm sinh hoạt văn hóa tín ngưỡng của cộng đồng cư dân địa phương thêm khang trang, đồng thời tạo điểm đến thu hút khách tham quan du lịch trong thời gian đến◈

Trưng bày lưu động giới thiệu di tích nhà lao Hội An tại các trường THCS trên địa bàn thành phố Hội An

Lệ Thương

Sáng ngày 16/10/2023, tại trường Trung học cơ sở Phan Bội Châu, Trung tâm Quản lý Bảo tồn Di sản Văn hóa Hội An phối hợp với Phòng Giáo dục – Đào tạo Hội An tổ chức trưng bày lưu động giới thiệu di tích nhà lao Hội An thu hút đông đảo các em học sinh toàn trường tham gia. Đây là điểm trường mở đầu cho chuỗi hoạt động trưng bày lưu động diễn ra từ ngày 16/10 - 25/12/2023 tại 9

trường Trung học cơ sở trên địa bàn thành phố Hội An.

Theo kế hoạch, tại mỗi điểm trường sẽ trưng bày với thời gian một tuần để giáo viên và học sinh tham quan, tìm hiểu sau những giờ lên lớp. Trưng bày gồm 7 pano được bố trí ở khu vực hành lang và sân trường, thể hiện đầy đủ nội dung các chủ đề: Lịch sử hình thành các nhà tù của thực dân, đế quốc ở Hội An; quá trình hình thành nhà lao Hội An (*Trung tâm cải huấn Quảng Nam*), cuộc sống sinh hoạt và phong trào đấu tranh của đồng bào, chiến sĩ yêu nước bị bắt, tù đày tại nhà lao Hội An.

Với hoạt động trưng bày lưu động giới thiệu các di tích nhà lao ở Hội An tại các trường học sẽ góp phần giúp các em hiểu sâu hơn về giá trị lịch sử - văn hóa của các di tích cũng như truyền thống yêu nước, cách mạng của quân và dân Hội An nói riêng, Quảng Nam nói chung. Qua đó, góp phần giáo dục các em về lòng tự hào dân tộc, tình yêu quê hương, đất nước◈

Tham vấn cộng đồng về di sản văn hóa phi vật thể trên địa bàn xã Cẩm Hà

Lệ Xuân

Ngày 20/4/2022, Đề án số 965A/ĐA-UBND của UBND thành phố Hội An ban hành về "*Xây dựng Cẩm Hà - xã nông thôn mới kiểu mẫu, phát triển năng động bền vững đến năm 2025 và định hướng đến năm 2030*", trong đó, giao Trung tâm Quản lý Bảo tồn Di sản Văn hóa Hội An chủ trì thực hiện việc kiểm kê nhận diện di sản văn hóa phi vật thể trên địa bàn xã Cẩm Hà.

Để nhận diện, kiểm kê và lập danh mục di sản văn hóa phi vật thể trên địa bàn xã Cẩm Hà theo đề án trên, ngày 26/10/2023, tại hội trường Nhà văn hóa thôn Trảng Suối - xã Cẩm Hà, Trung tâm Quản lý Bảo tồn Di sản Văn hóa Hội An tổ chức buổi tham vấn cộng đồng liên quan đến các loại hình di sản văn hóa phi vật thể của địa phương như nghề truyền thống, lễ lệ lễ hội, diễn xướng dân gian, ngữ văn dân gian, tập quán xã hội, tri thức dân gian.

Tại buổi tham vấn, các nhân chứng tại địa phương đã cung cấp nhiều thông tin về các loại hình và nghệ nhân, những người đang nắm giữ, thực hành di sản văn hóa phi vật thể trên địa bàn xã. Từ đó, xác định được những loại hình di sản văn hóa phi vật thể đặc trưng có nguy cơ mai một để điều tra, khảo sát chuyên sâu và đề xuất hướng bảo tồn, phát huy trong thời gian tới◈

Nghiệm thu hoàn thành đưa vào sử dụng công trình nhà số 41 Trần Phú, phường Minh An

Trang Thi

Chiều ngày 31/10/2023, Trung tâm Quản lý Bảo tồn Di sản Văn hóa Hội An phối hợp UBND phường Minh An và các ban ngành trên địa bàn thành phố Hội An tiến hành nghiệm thu, bàn giao đưa vào sử dụng công trình tu bổ di tích nhà số 41 Trần Phú, phường Minh An.

Ngôi nhà này là di tích kiến trúc loại I trong Khu vực I Khu phố cổ Hội An được hỗ trợ 45% kinh phí tu bổ hạng mục nếp nhà trước và nhà giữa. Kinh phí hỗ trợ từ nguồn chi thường xuyên có tính chất xây dựng cơ bản năm 2023 của thành phố Hội An. Công trình tu bổ di tích này do công ty TNHH Tư vấn đầu tư và Xây dựng Thanh Phú thực hiện thi công.

Việc nghiệm thu, bàn giao đưa vào sử dụng di tích trên nhằm bảo tồn các giá trị kiến trúc, gìn giữ tối đa các giá trị cốt lõi của di tích trong tổng thể chung của Khu phố cổ Hội An, đảm bảo cảnh quan đô thị cổ và an toàn cho các nhà lân cận và khách tham quan◈

Tham dự hội thảo thông báo khảo cổ học toàn quốc lần thứ 58 năm 2023

Phước Tịnh

Vào ngày 02/11/2023, tại Khu du lịch quốc gia Tam Chúc, UBND tỉnh Hà Nam phối hợp với Viện Khảo cổ học, thuộc Viện Hàn lâm Khoa học xã hội Việt Nam đã tổ chức Hội thảo thông báo khảo cổ học toàn quốc lần thứ 58 năm 2023. Đây là hội thảo thường niên về khảo cổ học do Viện Khảo cổ tổ chức nhằm công bố những phát hiện, kết quả nghiên cứu mới về khảo cổ học.

Hội thảo năm nay có sự tham gia của đông đảo các nhà nghiên cứu, chuyên gia hàng đầu đến từ các cơ quan, viện nghiên cứu trong nước và quốc tế. Hội thảo đã nhận được 450 bài tham luận đề cập nhiều nội dung về hoạt động khảo cổ học của các cơ quan, địa phương; các phát hiện, nghiên cứu về khảo cổ học Tiền sử - Sơ sử; khảo cổ học Champa, Óc Eo, khảo cổ học dưới nước,...

Tham dự hội thảo này, Trung tâm Quản lý Bảo tồn Di sản Văn hóa Hội An đã cử đoàn cán bộ tham dự do ông Phạm Phú Ngọc - Giám đốc làm Trưởng đoàn.

Cũng trong chương trình chuyến công tác, vào ngày 3/11, Trung tâm

Quản lý Bảo tồn Di sản Văn hóa Hội An đã tham dự Hội thảo Quốc tế "*Nhận diện, bảo tồn và phát huy giá trị nhà ở truyền thống trong vùng Di sản văn hóa và thiên nhiên Thế giới Quần thể danh thắng Tràng An*" tại tỉnh Ninh Bình◈

Bàn giao mặt bằng thi công tu bổ di tích Khu lăng Ông ở Cẩm Nam và Văn Thánh miếu ở Cẩm Phô

Phạm Văn Na

Vào ngày 14/11/2023, Trung tâm Quản lý Bảo tồn Di sản Văn hóa Hội An phối hợp với UBND phường Cẩm Nam, Cẩm Phô và các ban ngành của thành phố Hội An tiến hành bàn giao mặt bằng thi công tu bổ di tích Khu lăng Ông ở Cẩm Nam và Văn Thánh miếu ở Cẩm Phô. Nội dung và quy mô đầu tư tu bổ các di tích trên bao gồm:

Di tích Khu lăng Ông: Tháo dỡ, lợp lại mái ngói âm dương; phục hồi hệ con giống, bờ nóc, bờ chảy theo hiện trạng; gia cố, thay thế hệ khung gỗ mái và một số cấu kiện gỗ hư hỏng; đánh luyn, vecni lại toàn bộ các cấu kiện gỗ; đục bóc và trát lại lớp vữa trát tường bị bong tróc; gia cố nền bị hư hỏng; quét vôi lại toàn bộ; phục hồi, sơn vẽ lại hệ thống đồ án trang trí thờ tự, hoa văn theo hiện trạng.

Di tích Văn Thánh miếu: Tô trát các vị trí tường miếu, tường rào và cổng tam quan bị bong tróc; thay thế nền sân gạch thẻ hiện trạng bằng đá; phục hồi 02 trụ cờ; tu bổ, phục hồi đồ án trang trí thờ tự theo hình thức nguyên trạng; thay thế một số cấu kiện gỗ bị hư hỏng; tu bổ, phục hồi mái lợp ngói âm dương; quét vôi toàn bộ công trình.

Việc đầu tư tu bổ các di tích trên nhằm lưu giữ, bảo tồn giá trị của di tích, tạo điều kiện phát huy giá trị di tích và phục vụ nhu cầu tín ngưỡng truyền thống của cộng đồng cư dân địa phương◈

Tham dự hội thảo khoa học quốc gia "Bảo vệ và phát huy giá trị di sản tư liệu" tại thành phố Nha Trang, tỉnh Khánh Hòa

Liễu Chi

Vào ngày 25/11/2023, Cục Di sản văn hóa đã tổ chức hội thảo khoa học quốc gia về Bảo vệ và phát huy giá trị di sản tư liệu tại thành phố Nha Trang, tỉnh Khánh Hòa. Hội thảo có sự tham dự của đại diện lãnh đạo và chuyên viên làm công tác chuyên môn về di sản tư liệu của các Bảo tàng, Ban Quản lý di tích, phòng Di sản văn hóa, phòng Quản lý văn hóa thuộc Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch/Sở Văn hóa và Thể thao trên toàn quốc.

Tại hội thảo, Tiến sĩ Vũ Thị Minh Hương, Phó Chủ tịch Ủy ban Ký ức thế giới UNESCO Khu vực châu Á - Thái Bình Dương (*MOWCAP*) đã chia sẻ những thay đổi về tiêu chí và thủ tục nộp hồ sơ đề cử di sản tư liệu theo hướng dẫn năm 2021 của UNESCO và giới thiệu một số di sản tư liệu của Việt Nam vừa được thế giới ghi nhận. Đặc biệt, hội thảo đã dành nhiều thời gian trao đổi, chia sẻ, góp ý về thực trạng quản lý; công tác nhận diện, bảo vệ, phát huy các di sản tư liệu; về công tác bảo vệ, phát huy, quảng bá giá trị của các di sản tư liệu thế giới và di sản tư liệu khu vực châu Á - Thái Bình Dương sau khi được ghi danh di sản tư liệu thuộc Chương trình Ký ức thế giới của UNESCO.

Tính đến nay, Việt Nam có 9 di sản tư liệu được UNESCO vinh danh, gồm 3 di sản tư liệu thế giới và 6 di sản tư liệu khu vực Châu Á - Thái Bình Dương. Nhằm luật hóa việc bảo vệ và phát huy giá trị của loại hình di sản đặc biệt này, Di sản tư liệu đã được đưa vào Dự thảo Luật Di sản văn hóa (*sửa đổi*), dự kiến trình Quốc hội thông qua và ban hành trong thời gian đến.

Trung tâm Quản lý Bảo tồn Di sản Văn hóa Hội An đã cử 01 cán bộ chuyên môn tham dự Hội thảo này◈

Khánh thành công trình tu bổ, tôn tạo di tích Nhà lao Hội An (*giai đoạn 2*) và khai mạc trưng bày hình ảnh tư liệu "*Người Quảng Nam - Đà Nẵng ở Nhà tù Côn Đảo*"

Phước Tịnh

Chào mừng ngày Di sản Văn hóa Việt Nam (*23/11*), 24 năm ngày Đô thị

cổ Hội An được UNESCO công nhận Di sản Văn hóa thế giới (*04/12/1999 - 2023*) và 06 năm Nghệ thuật Bài chòi Trung bộ Việt Nam được UNESCO ghi danh là Di sản văn hóa phi vật thể đại diện của nhân loại (*07/12/2017 - 2023*), vào ngày 28/11 này, UBND thành phố Hội An sẽ tổ chức lễ khánh thành công trình tu bổ, tôn tạo di tích Nhà lao Hội An (*giai đoạn 2*) và khai mạc trưng bày hình ảnh, tư liệu "*Người Quảng Nam - Đà Nẵng ở Nhà tù Côn Đảo*".

Việc tổ chức các hoạt động trên nhằm tuyên truyền về tinh thần yêu nước, truyền thống đấu tranh cách mạng anh dũng của các thế hệ quân và dân Hội An nói riêng, Quảng Nam nói chung, đồng thời khẳng định vai trò và tri ân sự đóng góp to lớn của những người con ưu tú quê hương Quảng Nam - Đà Nẵng bị địch giam cầm tại Nhà tù Côn Đảo trong công cuộc đấu tranh giải phóng dân tộc, thống nhất đất nước.

Trưng bày hình ảnh, tư liệu "*Người Quảng Nam - Đà Nẵng ở Nhà tù Côn Đảo*" sẽ kéo dài từ ngày 28/11 đến 4/12/2023 tại Di tích Nhà lao Hội An, số 124/12 đường Lý Thường Kiệt, thành phố Hội An◈

Trưng bày tranh chủ đề "Hồn phố"

Kiều Li

Chào mừng kỷ niệm Ngày Di sản Văn hóa Việt Nam (*23/11*), 24 năm ngày Đô thị cổ Hội An được UNESCO công nhận Di sản Văn hóa thế giới (*04/12/1999 - 2023*) và 06 năm nghệ thuật Bài chòi Trung bộ Việt Nam được UNESCO ghi danh Di sản Văn hóa phi vật thể đại diện của nhân loại (*07/12/2017 - 2023*), Trung tâm Quản lý Bảo tồn Di sản Văn hóa Hội An tổ chức trưng bày tranh chủ đề "*Hồn phố*". Trưng bày tranh sẽ giới thiệu 31 tác phẩm của các họa sĩ gồm: tranh màu nước của họa sĩ Lưu Công Nhân, tranh bút sắt của họa sĩ Hà Lý, tranh thuốc nước trên giấy của họa sĩ Lô Ka, tranh bột màu trên giấy và vải của họa sĩ Nguyễn Văn Ký. Đây là những tác phẩm được các họa sĩ hiến tặng cho Trung tâm Quản lý Bảo tồn Di sản Văn hóa Hội An lưu giữ và phát huy lâu dài.

Nội dung trưng bày bao gồm 2 chủ đề như: "Góc phố Hội An" (*gồm tranh của họa sĩ Hà Lý, Nguyễn Văn Ký về phong cảnh, con đường, góc phố Hội An*) và "*Đời bình dị*" (*gồm tranh của họa sĩ Lưu Công Nhân, Lô Ka, Nguyễn Văn Ký về cuộc sống thường ngày, những cảnh sinh hoạt dân dã của người dân Hội An*).

Trưng bày tranh nhằm quảng bá, giới thiệu hình ảnh Di sản văn hóa Hội An đến với đông đảo công chúng thông qua loại hình nghệ thuật tranh vẽ bằng màu nước, tranh bút sắt, thuốc nước trên giấy, tranh bột màu,… qua đó bồi đắp thêm tình yêu di sản đối với cộng đồng, đồng thời nâng cao ý thức trách nhiệm của cộng đồng vì sự nghiệp bảo tồn di sản văn hóa Hội An.

Trưng bày tranh chủ đề "*Hồn phố*" sẽ kéo dài từ ngày 30/11 đến 03/12/2023, tại Bảo tàng Văn hóa Dân gian, số 33 đường Nguyễn Thái Học◈

Hội nghị tổng kết Câu lạc bộ các di sản thế giới tại Việt Nam năm 2023

Hồng Việt

Câu lạc bộ các di sản thế giới tại Việt Nam được thành lập vào năm 2013 với 7 thành viên là Ban, Trung tâm Quản lý di sản văn hóa và thiên nhiên thế giới được UNESCO công nhận tại Việt Nam gồm: Trung tâm Bảo tồn Di sản Thăng Long - Hà Nội, Ban Quản lý vịnh Hạ Long, Trung tâm Bảo tồn Di sản thành Nhà Hồ, Ban Quản lý vườn quốc gia Phong Nha - Kẻ Bàng, Trung tâm Bảo tồn Di tích cố đô Huế, Ban Quản lý Di

sản văn hóa Mỹ Sơn, Trung tâm Quản lý Bảo tồn Di sản văn hóa Hội An. Mục đích của Câu lạc bộ nhằm tập hợp và đẩy mạnh mối quan hệ giao lưu, hợp tác, hỗ trợ lẫn nhau giữa các thành viên câu lạc bộ trong việc trao đổi thông tin, kinh nghiệp hoạt động qua đó góp phần thúc đẩy công tác quản lý, bảo tồn và phát huy di sản văn hóa, di sản thiên nhiên thế giới tại Việt Nam ngày càng tốt hơn.

Vào dịp cuối mỗi năm, Câu lạc bộ các di sản thế giới tại Việt Nam đều tổ chức hội nghị tổng kết công tác năm, bàn giao nhiệm vụ Chủ tịch Câu lạc bộ và thông qua chương trình hoạt động trong năm kế tiếp. Năm nay, hội nghị tổng kết diễn ra vào ngày 30/11, tại quần đảo Cát Bà, thành phố Hải Phòng. Quần đảo Cát Bà là một bộ phận của Khu di sản Thiên nhiên thế giới vịnh Hạ Long - quần đảo Cát Bà mới được UNESCO công nhận vào ngày 16/9/2023. Trong dịp này, Câu Lạc bộ đã kết nộp thành viên mới là Ban quản lý Di sản thiên nhiên quần đảo Cát Bà, nâng số thành viên của Câu lạc bộ thành 9 đơn vị. Từ tháng 12/2023, Ban quản lý vịnh Hạ Long sẽ đảm nhiệm Chủ tịch Câu lạc bộ năm 2024.

Gặp mặt trao đổi về công tác quản lý, bảo tồn và phát huy giá trị Di sản văn hóa Hội An

Nguyễn Cường

Nằm trong chuỗi các hoạt động kỷ niệm chào mừng ngày Di sản văn hóa Việt Nam (*23/11*), 24 năm ngày Đô thị cổ Hội An được UNESCO công nhận Di sản văn hóa thế giới (*04/12/1999-04/12/2023*) và 06 năm Nghệ thuật Bài chòi Trung Bộ Việt Nam được UNESCO ghi danh là Di sản văn hóa phi vật thể đại diện của nhân loại (*07/12/2017-07/12/2023*); vào sáng ngày 04/12/2023

tại Hội trường Thành ủy Hội An, UBND thành phố tổ chức buổi Gặp mặt, trao đổi về công tác quản lý, bảo tồn và phát huy giá trị di sản văn hóa Hội An năm 2023.

Tham dự buổi gặp mặt sẽ có sự tham dự của đại diện Văn phòng UNESCO tại Hà Nội, các đồng chí trong Ban thường vụ Thành uỷ, Thường trực HĐND-UBND-UBMTTQVN thành phố; lãnh đạo các cơ quan tham mưu giúp việc của Thành uỷ; lãnh đạo và nguyên lãnh đạo các cơ quan, ban, ngành, các tổ chức hội, đoàn thể, các địa phương; các vị chủ di tích, các cộng tác viên bảo tồn di sản, các vị tham gia đại diện chủ thể di sản văn hóa phi vật thể, các "nghệ nhân ưu tú", các nhà nghiên cứu lịch sử - văn hóa ở Hội An. Tổng số đại biểu tham dự khoảng 200 người.

Đây là hoạt động đã được UBND Thành phố duy trì tổ chức thường niên vào dịp kỷ niệm ngày Đô thị cổ Hội An được tổ chức UNESCO công nhận là Di sản Văn hoá thế giới; là dịp để UBND Thành phố đánh giá kết quả thực hiện công tác quản lý, bảo tồn và phát huy giá trị Di sản văn hóa Hội An trong năm qua; đồng thời gặp gỡ, trao đổi, động viên sự nỗ lực của các cơ quan, đơn vị, tổ chức, cá nhân tham gia vào công tác quản lý, bảo tồn và phát huy giá trị di sản văn hóa Hội An; lắng nghe ý kiến đóng góp của đại biểu để giúp cho công tác này đạt nhiều kết quả hơn trong thời gian đến◈

TRÍCH QUYẾT ĐỊNH PHÊ DUYỆT CHƯƠNG TRÌNH BẢO TỒN VÀ PHÁT HUY BỀN VỮNG GIÁ TRỊ DI SẢN VĂN HÓA VIỆT NAM, GIAI ĐOẠN 2021 - 2025

Ngày 15/7/2021 Chính phủ ban hành Quyết định số 1230/QĐ-TTg phê duyệt Chương trình Bảo tồn và phát huy bền vững giá trị di sản văn hóa Việt Nam, giai đoạn 2021-2025. Trong tập Thông tin nghiên cứu Bảo tồn Di sản số này, Ban Biên soạn xin trích giới thiệu nội dung Chương trình Bảo tồn và phát huy bền vững giá trị di sản văn hóa Việt Nam, giai đoạn 2021-2025 trong quyết định để cùng tham khảo.

I. MỤC TIÊU

Bảo tồn và phát huy giá trị các di sản, các công trình có giá trị tiêu biểu quốc gia, có ý nghĩa chính trị, văn hóa, lịch sử, truyền thống đặc sắc, góp phần xây dựng và phát triển văn hóa, con người Việt Nam vì sự phát triển bền vững đất nước.

II. NỘI DUNG CHƯƠNG TRÌNH

1. Nhiệm vụ chủ yếu

a) Hoàn thành việc lập quy hoạch bảo quản, tu bổ, phục hồi các di sản đã được Tổ chức Giáo dục, Khoa học và Văn hóa của Liên hiệp quốc (UNESCO) ghi danh, các di tích quốc gia đặc biệt đã được xếp hạng.

b) Tu bổ, tôn tạo tổng thể các di tích lịch sử - văn hóa, kiến trúc nghệ thuật, danh lam thắng cảnh, khảo cổ được UNESCO ghi danh, cấp quốc gia đặc biệt (theo các quy hoạch đã được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt) và các di tích quốc gia có giá trị tiêu biểu, cụ thể:

- Đầu tư tu bổ, tôn tạo tổng thể ít nhất 03 di sản đã được UNESCO ghi danh và 13 di tích quốc gia đặc biệt;

- Đầu tư tu bổ ít nhất 11 di tích cách mạng - kháng chiến quan trọng, tiêu biểu trong cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp và đế quốc Mỹ và 06 di tích khảo cổ tiêu biểu;

- Đầu tư tu bổ, tôn tạo ít nhất 20 di tích lịch sử - văn hóa, kiến trúc nghệ thuật, danh lam thắng cảnh, khảo cổ cấp quốc gia có giá trị đang bị xuống cấp;

- Hỗ trợ chống xuống cấp, tu bổ cấp thiết ít nhất 400 lượt di tích cấp quốc gia.

c) Thực hiện các dự án chỉnh trang nội dung trưng bày, nâng cấp trang thiết bị và hệ thống trưng bày bảo tàng, bao gồm: Duy tu, bảo trì hệ thống trưng bày và kho lưu giữ hiện vật của các bảo tàng công lập; trang bị, thay thế trang thiết bị, nâng cấp trưng bày các bảo tàng cấp quốc gia, bảo tàng tại các vùng kinh tế trọng điểm, các địa bàn có sức thu hút khách du lịch; duy tu, bảo trì hệ thống trưng bày và kho bảo quản bảo vật quốc gia; kiểm kê, sưu tầm di vật, hiện vật, cổ vật quý hiếm.

d) Xây dựng và triển khai các chương trình, dự án, nhiệm vụ, kế hoạch bảo vệ và phát huy giá trị các di sản văn hóa phi vật thể, di sản tư liệu có giá trị tiêu biểu:

- Thực hiện cam kết của Chính phủ đối với các di sản văn hóa phi vật thể đã được UNESCO ghi danh là di sản văn hóa phi vật thể cần bảo vệ khẩn cấp, di sản văn hóa phi vật thể đại diện của nhân loại;

- Tổng kiểm kê quốc gia, xây dựng danh mục các di sản văn hóa phi vật thể, di sản tư liệu theo địa giới hành chính và theo tộc người; tập trung sưu tầm, xác định danh mục các di sản văn hóa phi vật thể tiêu biểu quốc gia đặc biệt quan trọng và cần được lưu giữ, phát huy giá trị;

- Xây dựng Hồ sơ khoa học các di sản văn hóa phi vật thể có giá trị tiêu biểu hoặc các di sản có nguy cơ mai một, cần được bảo vệ khẩn cấp để ghi danh vào Danh mục di sản văn hóa phi vật thể quốc gia, di sản thế giới, ưu tiên đối với di sản văn hóa phi vật thể của cộng đồng khu vực biên giới, hải đảo;

- Tổ chức các lớp truyền dạy thực hành di sản văn hóa phi vật thể trong cộng đồng. Bảo tồn và phát huy giá trị các làng, bản, buôn truyền thống tiêu biểu, để kết hợp với phát triển kinh tế du lịch.

đ) Triển khai ứng dụng công nghệ thông tin trong di sản văn hóa

- Thực hiện các chương trình, dự án, nhiệm vụ đẩy mạnh ứng dụng khoa học công nghệ trong công tác chuyên môn và quản lý ở lĩnh vực bảo tàng, di tích, di sản văn hóa phi vật thể và di sản tư liệu (trưng bày, thuyết minh, bảo quản, tu bổ, phục chế, thực hành, trao truyền...);

- Tư liệu hóa, số hóa và xây dựng cơ sở dữ liệu quốc gia về di sản văn hóa; phát triển các ứng dụng công nghệ số nhằm hỗ trợ nâng cao trải nghiệm của khách tham quan tại di tích, bảo tàng, điểm tham quan, điểm du lịch...

e) Nâng cao chất lượng nguồn nhân lực di sản văn hóa

- Triển khai các lớp đào tạo, đào tạo lại, bồi dưỡng (ngắn hạn và dài hạn), tập huấn nâng cao năng lực, trình độ chuyên môn, kỹ năng, nghiệp vụ cho nguồn nhân lực di sản văn hóa ở trong nước và nước ngoài;

- Biên soạn tài liệu hướng dẫn, bồi dưỡng với nội dung, hình thức phong phú, dễ nắm bắt, cập nhật;

- Tổ chức các cuộc thi, hoạt động chuyên môn, chuyên ngành đánh giá chất lượng nguồn nhân lực ngành di sản văn hóa, đáp ứng yêu cầu về bảo vệ và phát huy giá trị di sản văn hóa trong thời kỳ mới, hội nhập quốc tế.

g) Tuyên truyền, giới thiệu, quảng bá di sản văn hóa ở trong nước và nước ngoài

- Trưng bày, giới thiệu tại các bảo tàng trong nước và một số bảo tàng, trung tâm văn hóa Việt Nam ở nước ngoài; thông tin, tuyên truyền trên các phương tiện truyền thông;

- Tổ chức các liên hoan, trình diễn di sản văn hóa phi vật thể ở trong nước và quốc tế, các cuộc thi sáng tác, triển lãm về di sản văn hóa.

2. Giải pháp thực hiện

a) Phổ biến, nâng cao nhận thức, pháp luật về di sản văn hóa

- Tăng cường tập huấn, phổ biến các văn bản quy phạm pháp luật về bảo vệ và phát huy giá trị di sản văn hóa, nhất là trên các phương tiện thông tin đại chúng;

- Tổ chức các chương trình, hoạt động tương tác, xã hội hóa trong công tác truyền thông để nâng cao nhận thức, ý thức chấp hành pháp luật về bảo vệ và phát huy giá trị di sản văn hóa;

- Xây dựng chương trình, kế hoạch phối hợp với các cơ quan báo chí, các đài truyền hình, đài phát thanh đẩy mạnh tuyên truyền, xây dựng chuyên mục về Chương trình này trên trang thông tin điện tử của Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch cũng như của các cơ quan chuyên môn về văn hóa ở địa phương về kết quả thực hiện Chương trình, đồng thời huy động sự đóng góp, hỗ trợ của các tổ chức trong và ngoài nước cho hoạt động bảo vệ và phát huy giá trị văn hóa.

b) Đẩy mạnh xã hội hóa nguồn lực thực hiện Chương trình

- Huy động sự quan tâm, ủng hộ của các tổ chức, cá nhân và xã hội đối với lĩnh vực bảo vệ và phát huy giá trị di sản văn hóa để tranh thủ nguồn lực thực hiện các mục tiêu, nhiệm vụ của Chương trình;

- Đối với các mục tiêu, nhiệm vụ của Chương trình, các đối tượng được hưởng lợi tham gia đóng góp dưới các hình thức:

+ Khuyến khích liên doanh, liên kết với các tổ chức, đơn vị, doanh nghiệp ở trong nước và nước ngoài trong việc đầu tư cho hoạt động bảo vệ và phát huy giá trị di sản văn hóa;

+ Vận động sự hỗ trợ của các tổ chức quốc tế về bảo tồn di sản văn hóa nhằm đa dạng hóa các nguồn lực thực hiện Chương trình thông qua các dự án bảo tồn, phát huy giá trị di sản văn hóa, trao đổi chuyên gia, giảng viên, kỹ thuật viên, chia sẻ kinh nghiệm và hỗ trợ đào tạo, bồi dưỡng nhân lực về di sản văn hóa.

c) Cơ chế phân bổ nguồn lực

- Căn cứ mục tiêu, nhiệm vụ trọng tâm của Chương trình, đề xuất của địa phương và thực trạng của di sản, dự toán kinh phí hằng năm, Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch xây dựng nội dung, kế hoạch, phương án phân bổ kinh phí cho từng nhiệm vụ chi thường xuyên cho các bộ, ngành, địa phương phù hợp với mục tiêu, nhiệm vụ được giao, gửi Bộ Tài chính, để tổng hợp trình cấp có thẩm quyền quyết định theo quy định của Luật Ngân sách nhà nước;

- Đối với các dự án đầu tư do Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch và địa phương quản lý, thực hiện thủ tục đầu tư theo quy định gửi Bộ Kế hoạch và Đầu tư để tổng hợp chung, báo cáo cấp có

thẩm quyền theo quy định của pháp luật về đầu tư công.

d) Cơ chế quản lý, giám sát sử dụng nguồn lực

- Quản lý việc triển khai và chịu trách nhiệm xây dựng nội dung Chương trình do Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch làm đầu mối; hằng năm, chủ trì phối hợp với các địa phương, các đơn vị có liên quan rà soát đề xuất danh mục di sản cần được tu bổ, tôn tạo, các nội dung nhiệm vụ của Chương trình; xây dựng chương trình, kế hoạch, kinh phí bảo đảm phù hợp với Chương trình tổng thể, phù hợp với khả năng cân đối ngân sách và khả năng thu hút các nguồn lực; theo dõi và chịu trách nhiệm về số liệu, tiến độ thực hiện, nội dung báo cáo định kỳ, đột xuất về các dự án, nhiệm vụ của Chương trình;

- Tăng cường kiểm tra, thanh tra, kiểm soát việc thực hiện các mục tiêu, và tiến độ triển khai các nhiệm vụ; huy động sự tham gia, đóng góp, giám sát của xã hội trong việc thực hiện mục tiêu của Chương trình. Ngăn chặn kịp thời những biểu hiện tiêu cực, thất thoát, lãng phí nguồn vốn được cấp;

- Tăng cường tập huấn và hướng dẫn địa phương thực hiện các nội dung nhiệm vụ của Chương trình.

đ) Đẩy mạnh hợp tác quốc tế; Tăng cường trao đổi chuyên gia và giảng viên, học tập kinh nghiệm của các quốc gia có kinh nghiệm trong hoạt động bảo vệ, phát huy giá trị di sản văn hóa.

III. KINH PHÍ THỰC HIỆN CHƯƠNG TRÌNH

Kinh phí thực hiện Chương trình được bố trí từ nguồn ngân sách nhà nước (Ngân sách Trung ương và ngân sách địa phương) phù hợp với khả năng cân đối của ngân sách nhà nước theo quy định của Luật ngân sách nhà nước và quy định của pháp luật về đầu tư công; nguồn đầu tư, tài trợ từ các doanh nghiệp, tổ chức, cá nhân, cộng đồng và các nguồn kinh phí hợp pháp khác; trong đó Ngân sách Trung ương bố trí thực hiện những nhiệm vụ sau:

1. Nguồn vốn đầu tư phát triển xem xét ưu tiên bố trí để triển khai thực hiện các dự án tu bổ, tôn tạo tổng thể các di sản được UNESCO ghi danh và các hạng mục yếu tố gốc của di tích quốc gia đặc biệt; tu bổ, tôn tạo các di tích cách mạng - kháng chiến quan trọng, tiêu biểu trong cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp và đế quốc Mỹ; một số di tích khảo cổ và các di tích lịch sử - văn hóa, kiến trúc nghệ thuật, danh lam thắng cảnh, khảo cổ cấp quốc gia có giá trị, đang bị xuống cấp, theo quy định của pháp luật về đầu tư công.

2. Nguồn vốn ngân sách sự nghiệp bố trí để triển khai thực hiện các nhiệm vụ: Hỗ trợ chống xuống cấp, tu bổ cấp thiết các di tích quốc gia; lập quy hoạch bảo quản, tu bổ, phục hồi các di sản thế giới, di tích quốc gia đặc biệt; các dự án về nội dung, chỉnh lý nội dung trưng bày và nâng cấp trang thiết bị, trưng bày bảo tàng; các nhiệm vụ, dự án, bảo vệ và phát huy giá trị các di sản văn hóa phi vật thể, di sản tư liệu; triển khai ứng dụng công nghệ thông tin; đào tạo, bồi dưỡng nâng cao chất lượng nguồn nhân lực về di sản văn hóa; tuyên truyền, giới thiệu, quảng bá di sản văn hóa được cấp trong dự toán chi thường xuyên hàng năm theo phân cấp ngân sách hiện hành.

IV. TỔ CHỨC THỰC HIỆN

1. Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch, cơ quan chủ trì thực hiện Chương trình, có trách nhiệm:

a) Chủ trì, phối hợp với các bộ, ngành và Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương liên quan tổ chức thực hiện và chịu trách nhiệm về số liệu, tiến độ thực hiện, kết quả và hiệu quả của Chương trình; tổng kết việc thực hiện Chương trình, báo cáo Thủ tướng Chính phủ.

b) Chủ trì, phối hợp với Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương và các cơ quan liên quan tổ chức đánh giá, quyết định lựa chọn các di sản, di tích ưu tiên đầu tư tu bổ, tôn tạo thuộc phạm vi thực hiện của Chương trình (quy định tại Điểm b Khoản 1 Mục II Điều 1 Quyết định này) và chịu trách nhiệm toàn diện về tính chính xác, cấp thiết của các di tích được lựa chọn đầu tư tu bổ, tôn tạo.

c) Thẩm định, phê duyệt theo thẩm quyền hoặc trình cấp có thẩm quyền phê duyệt các dự án thành phần thuộc Chương trình; chủ trì xây dựng kế hoạch chi tiết, hướng dẫn tổ chức thực hiện Chương trình.

d) Tổ chức thực hiện Chương trình, cụ thể:

- Hằng năm, chủ trì, phối hợp với các địa phương, đơn vị liên quan lập kế hoạch về nhiệm vụ, mục tiêu, nhu cầu kinh phí và đề xuất các nội dung để thực hiện Chương trình, gửi Bộ Kế hoạch và Đầu tư, Bộ Tài chính.

- Chủ trì, phối hợp với các cơ quan chức năng xây dựng cơ chế, chính sách, các văn bản quy phạm pháp luật làm căn cứ để triển khai thực hiện Chương trình; có kế hoạch giám sát việc thực hiện Chương trình tại các địa phương, đơn vị; huy động và quản lý các nguồn lực xã hội hóa để thực hiện mục tiêu, nhiệm vụ của Chương trình.

- Đôn đốc, kiểm tra, giám sát tình hình thực hiện Chương trình của các bộ, ngành, địa phương; hướng dẫn các địa phương báo cáo tình hình triển khai thực hiện Chương trình hằng năm theo đúng quy định.

2. Bộ Kế hoạch và Đầu tư

Chủ trì, phối hợp với Bộ Tài chính, Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch và các bộ, ngành, địa phương có liên quan cân đối nguồn vốn đầu tư phát triển của Trung ương, vốn trái phiếu Chính phủ (nếu có) cho các dự án của Chương trình theo quy định của pháp luật về đầu tư công.

3. Bộ Tài chính

a) Căn cứ vào pháp luật về ngân sách nhà nước, chủ trì, phối hợp với Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch, các bộ, ngành, địa phương liên quan bố trí ngân sách sự nghiệp, xây dựng định mức cho các hoạt động để triển khai thực hiện Chương trình theo quy định, phù hợp với khả năng cân đối của ngân sách nhà nước.

b) Hướng dẫn quản lý tài chính, sử dụng nguồn kinh phí thực hiện.

4. Bộ Thông tin và Truyền thông

a) Chỉ đạo các cơ quan thông tấn, báo chí tăng cường tuyên truyền, nâng cao nhận thức của xã hội về bảo vệ và phát huy giá trị di sản văn hóa; truyền thông, quảng bá những kết quả thực hiện Chương trình nhằm huy động sự viện trợ, đóng góp của các tổ chức, cá nhân trong và ngoài nước cho hoạt động bảo vệ và phát huy giá trị di sản văn hóa của Việt Nam.

b) Xây dựng, bổ sung các tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về ứng dụng và phát triển công nghệ số trong lĩnh vực di sản văn hóa.

5. Các bộ, ngành, cơ quan liên quan căn cứ chức năng, nhiệm vụ được giao phối hợp với Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch và các địa phương xây dựng kế hoạch thực hiện thống nhất và lồng ghép nội dung hoạt động của Chương trình với các chương trình, dự án liên quan.

6. Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương có nhiệm vụ, dự án thuộc mục tiêu của Chương trình

a) Xây dựng kế hoạch, dự toán chi tiết hàng năm và bố trí ngân sách theo phân cấp quản lý để thực hiện Chương trình tại địa phương; gửi Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch, Bộ Tài chính để tổng hợp, theo dõi.

b) Thực hiện trình tự, thủ tục đầu tư dự án tu bổ, tôn tạo di sản, di tích do địa phương quản lý theo quy định của pháp luật về đầu tư công, gửi Bộ Kế hoạch và Đầu tư để tổng hợp chung, gửi Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch để quản lý.

c) Chịu trách nhiệm về việc sử dụng kinh phí đúng mục tiêu, nhiệm vụ, đối tượng có hiệu quả, không để thất thoát và chịu trách nhiệm về việc không thực hiện được mục tiêu, nhiệm vụ của Chương trình trên địa bàn.

d) Tổ chức kiểm tra, giám sát việc thực hiện Chương trình tại cơ sở, kịp thời xử lý nghiêm đối với các trường hợp để thất thoát kinh phí của Chương trình.

đ) Theo dõi và chịu trách nhiệm về số liệu, tiến độ thực hiện, nội dung; báo cáo định kỳ, đột xuất về việc thực hiện Chương trình tại địa phương gửi Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch để tổng hợp, báo cáo Thủ tướng Chính phủ.

e) Chủ động huy động các nguồn vốn hợp pháp khác để thực hiện Chương trình tại địa phương.

g) Chỉ đạo các cơ quan phát thanh, truyền hình, báo địa phương có chuyên trang, chuyên mục tuyên truyền về nội dung Chương trình; nâng cao nhận thức về công tác bảo vệ, phát huy giá trị di sản văn hóa truyền thống của dân tộc.

7. Các tổ chức xã hội - nghề nghiệp, tổ chức xã hội thuộc lĩnh vực di sản văn hóa căn cứ chức năng, nhiệm vụ và điều lệ hoạt động, chủ động, tích cực phối hợp với Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch và các địa phương liên quan tuyên truyền, vận động hội viên tham gia thực hiện các nội dung, nhiệm vụ của Chương trình; tham gia giám sát việc thực hiện Chương trình theo quy định của pháp luật◈

NGHỆ THUẬT TRÀ TRUYỀN THỐNG VÀ CÁC THỰC HÀNH XÃ HỘI CÓ LIÊN QUAN CỦA TRUNG QUỐC

Sưu tầm và dịch: Xuân Hiền

Nghệ thuật trà truyền thống và các thực hành xã hội có liên quan của Trung Quốc được Tổ chức Giáo dục, Khoa học và Văn hóa Liên hợp quốc (*UNESCO*) đưa vào danh sách Di sản văn hóa phi vật thể đại diện của nhân loại, tại Kỳ họp thứ 17 Ủy ban liên Chính phủ Công ước 2003 về bảo vệ di sản văn hóa phi vật thể, tổ chức tại thành phố Rabat, Maroc vào tháng 11 năm 2022.

Hồ sơ "*Nghệ thuật trà truyền thống và các thực hành xã hội có liên quan của Trung Quốc*" được UNESCO công nhận là Di sản văn hoá phi vật thể đại diện nhân loại bao gồm những hạng mục di sản sau: Kỹ thuật chế biến trà núi đá Wuji (*hay còn được gọi là Trà Dahongpao*); Kỹ thuật chế biến trà hoa thơm (*trà hoa nhài, tạo hương thơm cho trà*); Kỹ thuật chế biến trà xanh; Kỹ thuật chế biến hồng trà; Kỹ thuật chế biến trà ô long; Kỹ thuật chế biến trà đen Phổ Nhĩ; Kỹ thuật chế biến hắc trà; Kỹ thuật chế biến trà giải khát (*trà giải khát Fuchun*); Kỹ thuật chế biến bạch trà (*trà trắng Fuding*); Kỹ thuật chế biến Hoàng trà (*trà Junshan Yinzhen*); Kỹ thuật chế biến trà chua của dân tộc De'ang; Lễ hội trà; Nghệ thuật trà đạo (*Triều Châu Công phu*), thực hành uống trà (*Trà ba món của dân tộc Bai, các hình thức uống trà Youcha của dân tộc Yao*); Lễ hội trà đạo Cảnh Sơn.

Trong tác phẩm Trà kinh của tác giả Lục Vũ (*một học giả lớn dưới thời nhà Đường*), có rất nhiều mô tả về lợi ích của trà đối với cơ thể và tinh thần. Trà có tác dụng làm dịu cơn khát, sảng khoái, đào thải chất béo, giảm bớt căng thẳng, giúp thư giãn cơ thể và tinh thần. Uống trà đã trở thành một lối sống và thói quen của người dân. Thông qua các phương thức thực hành liên quan đến trà, con người có khả năng duy trì tư duy về hòa bình và hòa nhập, từ đó trau dồi tính cách ôn hòa và hướng nội, giúp cải thiện nội tâm và thúc đẩy quá trình tu dưỡng bản thân. Thưởng thức và chia sẻ trà là một cách thức quan trọng để mọi người giao tiếp với nhau, góp phần tạo nên sự hòa hợp trong gia đình và cộng đồng, đồng thời nâng cao bản sắc văn hóa và sự gắn kết xã hội.

Nghệ thuật trà truyền thống và các thực hành xã hội liên quan của Trung Quốc đòi hỏi kiến thức, kỹ năng và hệ thống thực hành xã hội phong phú, thể hiện qua việc quản lý vườn chè, quy trình hái lá ché, chế biến thủ công đến cách thức uống và chia sẻ trà trong cộng đồng các dân tộc tại Trung Quốc. Dựa trên điều kiện tự nhiên và phong tục tập quán của địa phương, tại Trung Quốc hiện có 6 loại trà chính, gồm: Lục trà (*trà xanh*), Hoàng trà (*trà vàng*), Hắc trà (*trà đen*), Bạch trà (*trà trắng*), Thanh trà (*trà ô long*) và Hồng trà (*trà đen/đỏ*). Nếu tính bao gồm cả những loại trà đã qua chế biến, như các loại trà hoa thơm, sẽ có hơn 2.000 sản phẩm trà khác nhau về hình thái, màu sắc, mùi thơm, hương vị trên khắp Trung Quốc.

Một số dụng cụ chính trong chế biến trà gồm chảo, khay tre và khung phơi,... Các kỹ năng cốt lõi được sử dụng bao gồm *shaqing* (*khử hoạt tính enzyme*), *menhuang* (*làm vàng - một dạng ủ lên men*), *wodui* (*ủ ướt*), *weidiao* (*làm héo*), *zuoqing* (*sàng lọc lá và làm mát*), *fajiao* (oxy hóa hoặc lên men) và *yinzhi* (*tạo mùi thơm*). Với sự đa dạng về chủng loại, hương vị, các sản phẩm trà hầu như có mặt khắp nơi và đáp ứng đủ các nhu cầu thưởng trà trong cuộc sống hàng ngày của người dân, không phân biệt giới tính, nghề nghiệp, dân tộc, tín ngưỡng, và đã trở thành một phần quan trọng trong xã hội Trung Quốc. Trà được ủ hoặc đun sôi tại nhà, công sở, nhà hàng, trà quán, đền chùa,...; được phục vụ trong các nghi thức, lễ hội của cộng đồng như đám cưới, học nghề, cúng tế,… Trà được xem như một phương tiện hỗ trợ quan trọng trong giao tiếp xã hội. Việc chào đón khách bằng trà và xây dựng mối quan hệ tốt đẹp trong gia đình và giữa các cộng đồng dân cư qua các hoạt động liên quan đến trà đã trở thành một tục lệ quen thuộc,

mang tính liên tục về bản sắc trong đời sống tại Trung Quốc.

Trong quá trình trao truyền qua nhiều thế hệ, giá trị di sản trà truyền thống được nuôi dưỡng bằng một hệ thống tri thức và thực tiễn xã hội sâu rộng. Các kỹ năng truyền thống và phương thức nghề thủ công được tiếp nối một các phong phú, mang đậm bản sắc vùng miền. Về khía cạnh tinh thần, nghệ thuật trà phản ánh sự khiêm tốn, hoà hợp, thân thiện và hiếu khách, góp phần ảnh hưởng sâu sắc đến việc tu dưỡng đạo đức và hình thành nhân cách của người Trung Quốc. Thông qua sự thịnh vượng của Con đường tơ lụa cổ đại, trà nói riêng và nghệ thuật trà nói chung cũng đã mang đến cho người Trung Quốc nhiều cơ hội trao đổi, học hỏi, giao lưu với các nền văn minh khác trên thế giới, từ đó đóng một vai trò quan trọng trong sự phát triển xã hội bền vững ngày nay.

Quy trình chế biến trà truyền thống có sự tham gia của nhiều thành phần cư dân trong xã hội, như: những bậc thầy trong nghề sẽ đảm nhiệm các trọng trách liên quan đến việc trao truyền và phát triển di sản cho thế hệ kế cận. Người nông dân thực hiện việc canh tác cây chè theo quy luật sinh thái tự nhiên và kinh nghiệm dân gian được tích luỹ qua nhiều thế hệ. Phụ nữ (*đa phần*) sẽ đảm nhiệm việc hái và chọn lọc lá trà. Các bậc tiền bối đức độ sẽ chủ trì lễ cúng Thần Trà.

Các nghệ nhân trà đạo phụ trách việc trình bày và trao truyền nghi lễ trà đạo. Có người làm bánh để phục vụ cùng trà, Những người lớn tuổi trong gia đình, dòng họ, cộng đồng dân tộc, tận dụng mọi cơ hội trong cuộc sống đời thường, trong các nghi lễ, lễ hội, để truyền lại phong tục pha và uống trà cho các thành viên khác, đặc biệt là thế hệ trẻ, thông qua những chỉ dẫn và tập quán truyền miệng. Những người yêu thích trà thường thực hiện các hoạt động như thẩm trà, thưởng trà. Nhiều dân tộc ở Trung Quốc hiện vẫn duy trì các tập tục liên quan đến nghệ thuật trà truyền thống. Có thể nói việc uống và giao tiếp bên bàn trà đã đi vào cuộc sống hàng ngày của người dân Trung Quốc một cách sâu sắc.

Kiến thức và kỹ năng liên quan đến nghề truyền thống được trao truyền trong dòng họ, cộng đồng và thông qua mối quan hệ thầy - trò. Đối với một số kỹ năng mang tính bí quyết, việc trao truyền chủ yếu được diễn ra trong nội bộ các dòng họ, gia tộc. Chẳng hạn như kỹ thuật chế biến trà Thiết Quan Âm (*trà Tieguanyin*) đã được truyền lại đến thế hệ thứ 13 trong gia tộc Vương ở huyện An Khê, tỉnh Phúc Kiến.

Ngoài ra, hiện nay, các kiến thức về di sản cũng đã được tích hợp vào chương trình giáo dục chính quy cho học sinh. Tại Trung Quốc có hơn 40 trường cao đẳng nghề và 80 trường đại học đã thành lập các chuyên ngành về khoa học trà, văn hóa trà, sản xuất trà và nghệ thuật trà với hơn 3.000 sinh viên tốt nghiệp mỗi năm. Một số người được xem là bậc thầy lâu năm trong nghề, người nhiều kinh nghiệm sẽ đại diện tham gia chương trình giảng dạy tại các trường nhằm mục đích truyền tải các giá trị di sản truyền thống đến học sinh, sinh viên.

Tục ngữ Trung Quốc có câu: "*Nước tốt, đất tốt sinh ra trà ngon*", thể hiện tầm quan trọng của môi trường tự nhiên đối với chất lượng của trà. Trong quá trình thực hành nghề trà truyền thống, việc bảo vệ môi trường và các quy luật sinh thái tự nhiên được đảm bảo tuân thủ nghiêm ngặt bởi người nông dân và tất cả các bên liên quan. Ví dụ, theo quy luật sinh trưởng của cây chè, lá chè được hái trong khi các bộ phận khác sẽ tiếp tục được duy trì theo mùa một cách hợp lý, giúp quản lý bền vững tài nguyên thiên nhiên và bảo vệ hệ sinh thái trên cạn, đồng thời thể hiện sự phụ thuộc lẫn nhau giữa việc bảo vệ di sản văn hóa phi vật thể và sự phát triển bền vững.

Những kết quả đã đạt được trong việc bảo vệ di sản

Các cá nhân, nhóm và cộng đồng có liên quan đã nỗ lực hết mình để đảm bảo việc bảo tồn, duy trì, phát huy nghề trà truyền thống. Trong 5 năm gần đây, các cấp chính quyền tại Trung Quốc đã:

(1) Đào tạo khoảng 2.700 nghệ nhân kế cận bằng phương pháp trao truyền truyền thống, trong đó trên 330 người được đào tạo trực tiếp bởi những nghệ nhân lão luyện ở tầm quốc gia.

(2) Thực hiện việc cập nhật kiểm kê dữ liệu quốc gia; tiến hành nghiên cứu học thuật và công bố những phát hiện về khoa học trà và văn hóa trà; tổ chức các hội nghị học thuật, như các hội thảo về trà Nanlubiancha và sức khỏe (*tại thành phố Nhã An, tỉnh Tứ Xuyên*); thúc đẩy giao lưu, trao đổi kiến thức, kinh nghiệm giữa các nhà sản xuất chè, nông dân và người

yêu trà thông qua nhiều sự kiện khác nhau như Triển lãm trà xuyên eo biển.

(3) Duy trì và cải tạo nhiều vườn chè, không gian giao lưu trà, chẳng hạn như bốn vườn chè cũ ở huyện An Hoá, tỉnh Hồ Nam; chợ trà cổ Yushan ở huyện Bàn An, tỉnh Chiết Giang.

(4) Cập nhật thông tin qua các trang web chính thức, như http://www.chinatss.cn của Hiệp hội Khoa học Trà Trung Quốc; xuất bản hơn 40 bài nghiên cứu lớn; thực hiện các hoạt động giáo dục và quảng bá tại các xưởng chè, trang trại chè.

(5) Phát triển đào tạo nhân lực về kỹ thuật chế biến trà truyền thống; cung cấp địa điểm và công cụ miễn phí để khuyến khích thực hành kỹ thuật truyền thống, ví dụ: đã có 15 trung tâm chế biến trà được thành lập tại thành phố Hàng Châu, tỉnh Chiết Giang. Vào ngày 29/12/2020, Nhóm công tác về bảo vệ kỹ thuật chế biến chè truyền thống và các thực hành xã hội liên quan ở Trung Quốc đã được thành lập bởi các cộng đồng, nhóm và cá nhân liên quan. Do Bảo tàng Trà Quốc gia Trung Quốc đứng đầu, tổ chức này đã và đang thực hiện nhiều chương trình hành động nhằm duy trì, bảo vệ và phát huy các kỹ thuật truyền thống của nghề trà.

Ngoài ra, kể từ sau khi phê chuẩn Công ước 2003 về bảo vệ di sản văn hóa phi vật thể, chính quyền Trung Quốc đã:

(1) Xác định những người mang vai trò đại diện của nghề ở các cấp độ khác nhau, trong đó có 26 người ở cấp quốc gia, phân bổ kinh phí hàng năm để khuyến khích họ tiếp tục truyền bá nghề; lồng ghép kiến thức về di sản vào giáo dục nghề nghiệp và giáo dục đại học; hỗ trợ các khóa đào tạo cho những người nắm giữ kỹ thuật chế biến trà truyền thống của các cơ quan văn hóa và giáo dục.

(2) Đưa các kỹ thuật và thực tiễn liên quan đến di sản vào kho lưu trữ quốc gia và phân bổ kinh phí đặc biệt để bảo vệ di sản; đã tiến hành phỏng vấn và ghi hình đối với 06 người đại diện ở cấp quốc gia.

(3) Bảo tồn, cải tạo những địa điểm thực hành nghề quan trọng và những di tích mang tính chất lịch sử, chẳng hạn như Con đường Trà - Ngựa cổ, Đồn điền trà cổ trên núi Jingmai và Chợ trà cổ Yushan,… và 10 di tích lịch sử quan trọng khác.

(4) Thúc đẩy kỹ thuật chế biến trà và văn hóa trà trong những dịp lễ hội như Ngày Di sản Văn hóa và Thiên nhiên, Triển lãm Trà Quốc tế Trung Quốc; sản xuất phim tài liệu và kết nối với nhiều kênh truyền thông để thúc đẩy quảng bá.

(5) Thành lập 02 cơ sở trình diễn quốc gia về sản xuất và bảo vệ di sản văn hóa phi vật thể nghề trà, và 04 khu thử nghiệm quốc gia về bảo vệ hệ sinh thái văn hóa, với mục đích bảo vệ toàn diện di sản văn hóa này◈

Nguồn: https://ich.unesco.org/en/home

Nhà xuất bản Đà Nẵng
Số 03 - Đường 30 Tháng 4 - Quận Hải Châu - Thành phố Đà Nẵng
ĐT: 0236 3797874 - 3797823 * Fax: 0236 3797875

Chịu trách nhiệm xuất bản: Giám đốc NGUYỄN THÀNH
Biên tập: TRẦN VĂN BAN

Thực hiện liên kết xuất bản: **Trung tâm Quản lý Bảo tồn Di sản Văn hóa Hội An**
ĐC: 10B Trần Hưng Đạo - TP. Hội An - Tỉnh Quảng Nam
Điện thoại: 02353862367, Email: hoiancmmp@gmail.com, Website: hoianheritage.net
OAzalo: Trung tâm QLBT Di sản Văn hóa Hội An

HỘP THƯ

Thực hiện tập Thông tin nghiên cứu Bảo tồn Di sản này, Ban Biên soạn đã nhận được tin, bài cộng tác của các tác giả: Phạm Thị Khánh Trang, Nguyễn Chí Trung, Phạm Phú Ngọc, Nguyễn Đức Minh, Quảng Văn Quý, Võ Hồng Việt, Phạm Phước Tịnh, Nguyễn Văn Thịnh, Khiếu Thị Hoài, Trần Thanh Hoàng Phúc, Trần Phương, Lê Thị Lưu, Thái Thị Liễu Chi, Nguyễn Xuân Hiền,... Do khuôn khổ tập Thông tin có hạn nên Ban Biên soạn không thể đăng hết những tin, bài đã nhận. Những tin, bài còn lại Ban Biên soạn sẽ tiếp tục đăng ở số tiếp theo.

Ban Biên soạn xin trân trọng cảm ơn và rất mong tiếp tục nhận được sự cộng tác của quý tác giả.

Bìa 1: Chưng cộ vờn mây - Tác giả: Quảng Hải

Bìa 4: Diễu hành đón nhận danh hiệu Di sản văn hóa phi vật thể Tết Trung Thu ở Hội An - Ảnh: Phước Tịnh

In 300 cuốn, khổ 19 x 27cm, tại Công ty cổ phần In - Phát hành sách và TBTH Quảng Nam - 260 Hùng Vương, TP.Tam Kỳ. ĐT: 02353.859367. Email: Chebaninqnam@gmail.com.
Số ĐKXB:4659-2023/CXBIPH/2-117/ĐaN. GPXB số:1164/QĐ-NXBĐaN do Nhà xuất bản Đà Nẵng cấp ngày22/12/2023. Mã số ISBN 978-604-84-7632-8. In xong và nộp lưu chiểu tháng 1/2024.